

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Hòa Bình
giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

Căn cứ Công văn số 113/TWPCCTT ngày 06/9/2019 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT về việc xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 360/TTr-SNN ngày 28/5/2021; Ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 4312/TB-VPUBND ngày 08/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, với nội dung chi tiết theo Phương án đính kèm.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban,

ngành tỉnh; các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Công Thương;
- BCĐTW-PCTT;
- UBQG UPSCTT&TKCN;
- Tổng cục PCTT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các Phó CT UBND tỉnh;
- BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- VP BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN(Đg).

(B/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

**KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm
2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Hòa Bình, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN 1. TÌNH HÌNH THIÊN TAI VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN.....	7
CHƯƠNG I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH	7
1. Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương	7
2. Các văn bản của tỉnh Hòa Bình liên quan đến công tác phòng chống thiên tai ..	8
CHƯƠNG II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG.....	11
1. Vị trí địa lý.....	11
2. Đặc điểm địa hình, địa chất	12
2.1. Đặc điểm địa hình:	12
2.2. Đặc điểm địa chất:	12
3. Đặc điểm khí hậu, tình hình thiên tai trên địa bàn	15
3.1. Đặc điểm khí hậu.....	15
3.2. Đặc điểm thủy văn	16
3.2.1. Hệ thống sông suối tỉnh Hòa Bình.....	16
3.2.2. Hệ thống hồ chứa nước	17
3.2.3. Hệ thống kênh, mương thủy lợi.....	18
3.3. Các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh.....	19
4. Đặc điểm dân sinh.....	22
6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng	25
6.1. Giao thông.....	25
6.2. Hệ thống điện lưới của tỉnh.....	26
6.3. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo	27
6.4. Các cơ sở y tế	27
6.5. Hệ thống nước sinh hoạt.....	28
6.6. Nhà ở	30
6.7. Vệ sinh môi trường	31
CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	33
1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai..	33
1.1. Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn các năm qua:	33

1.2. Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật	33
2. Hệ thống chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp.....	35
2.1. Kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp	35
2.2. Kiện toàn và nâng cao năng lực Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp.....	35
3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm.....	36
4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống, thiên tai	36
5. Lực lượng cứu hộ, cứu nạn	37
6. Thông tin, truyền thông trong Phòng, chống thiên tai	38
7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong Phòng, chống thiên tai.....	40
8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai	42
8.1. Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn	42
8.2. Hiện trạng hệ thống công trình đê, kè và công trình thủy lợi	44
8.2.1. Hiện trạng hệ thống công trình đê, kè.....	44
8.2.2. Hiện trạng công trình thủy lợi	46
8.2.3. Tình hình đầu tư xây dựng công trình đê điều, công trình thủy lợi.....	47
8.3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc trong công tác phòng, chống thiên tai.....	49
8.3.1. Hệ thống lưới điện trong công tác PCTT.....	49
8.3.2. Hệ thống thông tin liên lạc trong công tác PCTT	50
9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội	51
10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết.....	52
11. Nguồn lực tài chính	53
CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI	55
1. Đánh giá độ lớn các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn Hòa Bình.....	55
1.1. Rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão.....	55
1.2. Rủi ro thiên tai do mưa lớn.....	56
1.3. Rủi ro thiên tai do lũ và ngập lụt	57
1.4. Rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.....	59
1.5. Rủi ro thiên tai do nắng nóng	61

1.6. Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá	62
1.7. Rủi ro thiên tai do sương mù.....	62
1.8. Rủi ro thiên tai do rét đậm, rét hại, sương muối.....	63
1.9. Rủi ro thiên tai do động đất.....	63
1.10. Rủi ro thiên tai do cháy rừng tự nhiên.....	64
2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.....	64
2.1. Đánh giá mối quan hệ giữa thiệt hại và độ lớn của thiên tai	64
2.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.....	65
2.2.1. Tình trạng dễ bị tổn thương khi bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ.....	65
2.2.2. Đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ, lũ quét.....	66
2.2.3. Đối với hạn hán.....	67
2.2.4. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất.....	67
2.2.5. Đối với giông, lốc, sét, mưa đá	68
2.2.6. Một số loại hình thiên tai khác.....	68
3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai	69
3.1. Những kết quả đạt được trong công tác phòng chống thiên tai.....	69
3.2. Những tồn tại, hạn chế.....	70
4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai	72
4.1. Cấp độ rủi ro thiên tai ứng với các loại hình thiên tai trên địa bàn.....	72
4.2. Xác định mức độ rủi ro thiên tai theo vùng	73
PHẦN 2: KẾ HOẠCH PCTT TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025	80
CHƯƠNG V. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	80
1. Định hướng xây dựng kế hoạch	80
2. Các biện pháp phòng chống thiên tai	80
2.1. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu	80
a) Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi	84
b) Đầu tư xây dựng, nâng cấp đê điều	84
c) Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông xét đến yếu tố rủi ro thiên tai	85
d) Công trình hạ tầng cấp, thoát nước và xét đến yếu tố rủi ro thiên tai	86
2.2. Các biện pháp ứng phó.....	86
2.2.1. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai.....	87
2.2.2. Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể.....	87

2.2.3. <i>Xác định nguồn lực địa phương, Sở, ngành.....</i>	87
2.2.4. <i>Sơ tán dân về nơi an toàn.....</i>	88
2.2.5. <i>Nhiệm vụ ứng phó với từng loại thiên tai cụ thể.....</i>	88
CHƯƠNG VI: NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.....	92
1. Nguồn lực thực hiện.....	96
2. Tiến độ thực hiện.....	96
CHƯƠNG VII: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....	97
1. Xây dựng kế hoạch tài chính.....	97
2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.....	97
3. Đánh giá thực hiện kế hoạch.....	98
4. Tổ chức thực hiện.....	99

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, tại Việt Nam tình hình thiên tai diễn ra ngày càng cực đoan, bất thường trên khắp các vùng miền cả nước. Trong 5 năm qua, mỗi năm trung bình thiên tai làm trên 200 người chết và mất tích, thiệt hại về kinh tế trên 26.000 tỷ đồng (tương đương 1,4 tỷ USD). Ngoài ra, thiên tai còn tác động đến môi trường, các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường, là một trong những thách thức lớn đối với phát triển bền vững của đất nước nói chung và của tỉnh Hòa Bình nói riêng. Trong 20 năm gần đây, tỉnh Hòa Bình đã phải gánh chịu hầu hết các loại thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, rét hại,..) gây tổn thất nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, tác động xấu đến môi trường sống, sản xuất của nhân dân (ước tính thiệt hại hàng năm từ 1-1,5% GDP). Đặc biệt năm 2017, thiên tai dồn dập, bất thường, xuất hiện nhiều kỷ lục về các loại thiên tai như mưa lũ, bão, lũ quét, sạt lở đất.

Biến đổi khí hậu, tác động nhanh và mạnh hơn so với dự báo đến thời tiết, thiên tai, đồng thời các hoạt động khai thác tài nguyên (nước, rừng, cát, sỏi) phía thượng nguồn của các dòng sông, suối đã và đang làm gia tăng rủi ro thiên tai, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của tỉnh. Vì vậy, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, định hướng chiến lược, triển khai các giải pháp toàn diện, căn cơ, đồng bộ, huy động các nguồn lực và sự tham gia của toàn xã hội để phòng, chống, ứng phó hiệu quả với thiên tai.

Để chủ động trong công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; đảm bảo sự thống nhất trong tổ chức, chỉ huy, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, cần phải có Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 và được cập nhật, điều chỉnh hàng năm.

Do vậy, việc xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Hòa Bình từ 2021-2025 làm cơ sở để tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai từ cấp thành phố đến các cấp chính quyền quận/huyện; xã/phường và đến cộng đồng dân cư, giảm thiểu thiệt hại thiên tai, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết và cấp bách.

PHẦN 1. TÌNH HÌNH THIÊN TAI VÀ CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN

CHƯƠNG I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH

1. Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương

Các Luật:

- Luật Đê điều ngày 20/11/2006;
- Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;
- Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;
- Luật Khí tượng - Thủy văn ngày 23/11/2015;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020.

Các Nghị định, Thông tư:

- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;
- Thông tư số 05/2016/TT-BKHĐT ngày 06/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội;
- Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.

Các Nghị quyết, Chỉ thị:

- Chỉ thị số 19/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng tránh lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ngày 13/7/2018.
- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác Phòng, chống thiên tai.
- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Các Quyết định liên quan đến công tác phòng chống thiên tai (PCTT):

- Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;

- Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

- Quyết định số 1061/QĐ-TTg ngày 01/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

- Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam năm 2016.

- Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình cập nhật, phân vùng rủi ro thiên tai lập bản đồ cảnh báo thiên tai;

- Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 03/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 9/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030;

- Quyết định số 657/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030;

- Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các văn bản của tỉnh Hòa Bình liên quan đến công tác phòng chống thiên tai

- Quyết định số 2559/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai tỉnh Hòa Bình;

- Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 16/7/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh đến

năm 2020;

- Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh;

- Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ban Chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh về việc ban hành quy chế hoạt động của ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình;

- Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 11/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

- Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai năm 2018 tỉnh Hòa Bình;

- Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 27/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới mô hình tăng cường gắn với tái cơ cấu nền kinh tế phấn đấu đưa kinh tế tỉnh Hòa Bình sớm đạt trình độ phát triển trung bình của cả nước năm 2020;

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, lũ lụt, cứu hộ cứu nạn giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 10/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án bảo vệ an toàn các trọng điểm, xung yếu cho đề điều trong mùa mưa lũ năm 2020;

- Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hòa Bình;

- Kế hoạch số 301/TU ngày 24/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương

Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 987/QĐ-TTg ngày 09/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 301/TU ngày 24/7/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc tăng cường công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống mưa lũ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình năm 2021.

Các quy hoạch liên quan:

- Quy hoạch Phòng chống lũ cho các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020.

- Quy hoạch rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Hòa Bình đến 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Và các báo cáo:

+ Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai hàng năm, thống kê thiệt hại các trận thiên tai điển hình tỉnh Hòa Bình

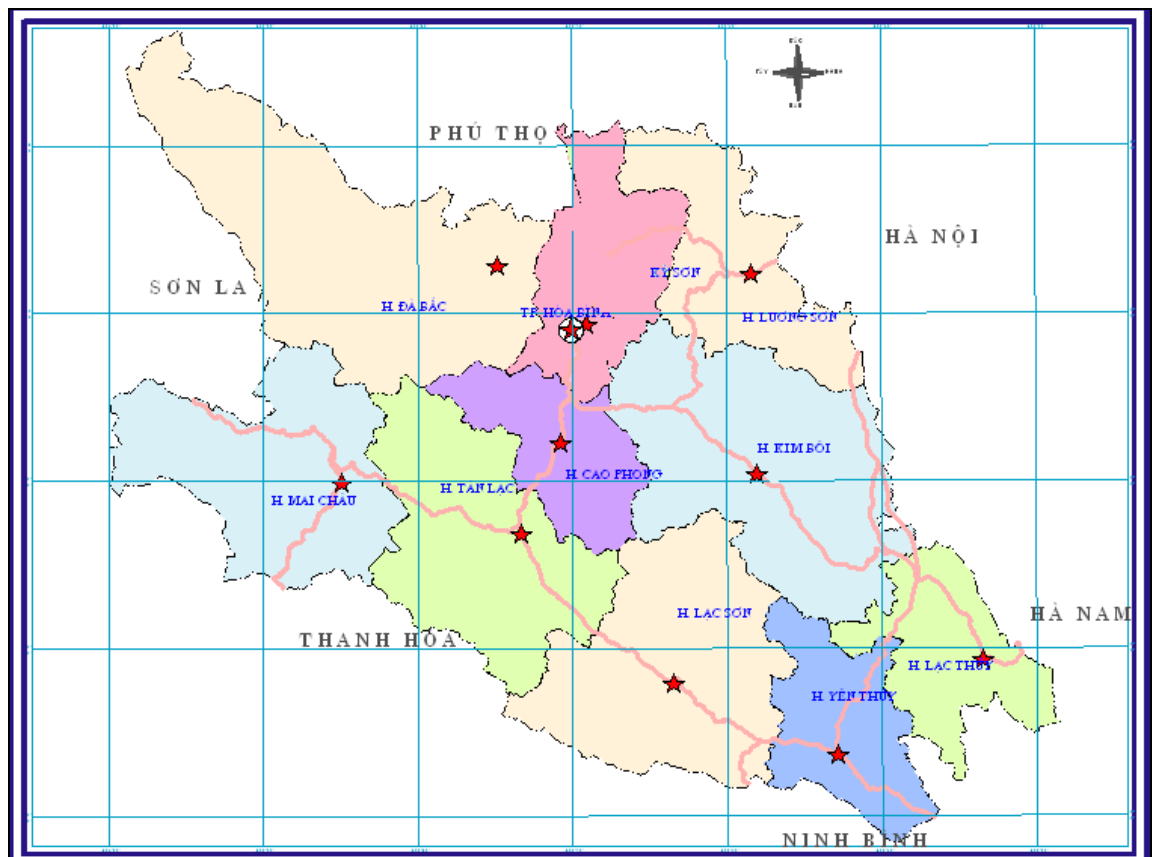
+ Báo cáo về hiện trạng đê điều, hiện trạng các công trình giao thông, thoát nước, điện lực và các công trình liên quan đến phòng chống thiên tai.

CHƯƠNG II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI, CƠ SỞ HẠ TẦNG

1. Vị trí địa lý

Hòa Bình là tỉnh miền núi, phía Tây Bắc của Tổ quốc. Phía Đông giáp với Thủ đô Hà Nội, cửa ngõ giao lưu giữa đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ với Tây Bắc; là cửa ngõ thông sang Thượng Lào (*điểm gần nhất cách biên giới Việt - Lào 30km*), nằm trong giới hạn $20^{\circ}19' - 21^{\circ}08'$ độ vĩ bắc và $104^{\circ}48' - 105^{\circ}40'$ độ kinh đông, phía Bắc giáp tỉnh Phú Thọ, phía Tây giáp tỉnh Sơn La, phía Nam giáp các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam và Thanh Hóa.

Trên bản đồ Việt Nam, tỉnh Hoà Bình nằm ở cửa ngõ vùng Tây Bắc, có diện tích tự nhiên $4.590,6 \text{ km}^2$ ¹. Xét về vị trí địa lý, Hoà Bình là vùng đệm trung gian giữa một bên là vùng đồng bằng Bắc Bộ và một bên là núi cao, rừng rậm của miền Tây Bắc, đã thông giao qua quốc lộ 6 (đường bộ) và sông Đà (đường thủy) ở phía bắc.



Tỉnh Hòa Bình có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, 151 đơn vị chính chính cấp xã (129 xã, 12 phường, 10 thị trấn). Với vị trí địa lý đặc thù nhiều đồi núi, Hòa Bình là tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi một số loại hình thiên tai điển hình như: xuất hiện các đợt mưa với cường độ, tần suất lớn gây sạt lở, ngập úng, lũ quét; nhiệt độ tăng trong mùa hè, giảm trong mùa đông làm xuất

¹ Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê

hiện nắng nóng, băng giá; hiện tượng giông lốc, mưa đá, sét xuất hiện nhiều vào thời điểm giao mùa.

2. Đặc điểm địa hình, địa chất

2.1. Đặc điểm địa hình

Đặc điểm nổi bật của địa hình Hoà Bình là núi trung bình - núi thấp bị chia cắt phức tạp, độ dốc lớn và kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Địa hình toàn tỉnh chia thành 2 vùng rõ rệt: Vùng núi trung bình ở phía Tây Bắc (*chiếm 46% diện tích toàn tỉnh*) có độ cao trung bình 600-700m, độ dốc trung bình 20-35°, có nơi dốc trên 40°, địa hình hiểm trở, phân cắt mạnh, đi lại khó khăn. Vùng đồi và núi thấp ở phía Đông Nam (*chiếm 54% diện tích toàn tỉnh*) với các dải núi thấp có độ cao trung bình 100-200 m, độ dốc 20°- 25°, ít hiểm trở so với vùng cao. Xen kẽ các địa hình vùng núi còn có các trũng thấp giữa núi, các thung lũng nhỏ hẹp kéo dài dọc theo các sông suối lớn. Mạng lưới sông suối khá dày, chia cắt mạnh mẽ bề mặt địa hình trong tỉnh.²

- Vùng núi cao Tây Bắc: bao gồm các huyện Mai Châu, Đà Bắc, kéo dài xuống huyện Tân Lạc, Lạc Sơn. Núi cao trung bình không quá 1.000 m, ngọn núi cao nhất là Pu Canh (cao 1.373 m). Độ cao trung bình của núi giảm dần xuống phía đông nam như: núi ở xã Bắc Sơn (huyện Tân Lạc) cao 1.136 m, núi ở xã Phú Lương (huyện Lạc Sơn) cao 934 m, núi ở xã Tự Do (huyện Lạc Sơn) cao 820 m.

- Vùng núi thấp và đồi phía Đông Nam: bao gồm các huyện Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Thủy, Yên Thủy và thành phố Hòa Bình. Địa hình vùng này có sự xen kẽ giữa địa hình cát-tơ và địa hình xâm thực, do đó có nhiều hang động, đất thường bị mất nước. Núi cao trung bình 200 - 500m, bị chia thành nhiều khối rời rạc.

Về đặc điểm địa mạo, khu vực tỉnh Hòa Bình có thể phân chia thành 04 nhóm bề mặt địa hình. Các bề mặt có nguồn gốc kiến trúc - bóc mòn: thường xảy ra hiện tượng trượt lở đất đá trong khu vực có lớp vỏ phong hoá dày và đá đồ, đá rơi ở những khu vực có địa hình dốc. Các bề mặt có nguồn gốc bóc mòn: thường xảy ra hiện tượng trượt lở đất đá và hình thành các dạng lũ ống, lũ quét. Các bề mặt có nguồn gốc hỗn hợp: thường xảy ra hiện tượng trượt lở đất đá và hình thành các dạng lũ ống, lũ quét. Các bề mặt địa hình karst: thường xảy ra hiện tượng đổ lở tại các khu vực có vách, sườn dốc đứng.

2.2. Đặc điểm địa chất

Theo kết quả tổng hợp các tài liệu thu thập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:200.000, 1:50.000 và tài liệu thực địa, trên diện tích tỉnh Hòa Bình có thể xếp các loại đá trong vùng vào các nhóm thạch học liên quan đến hiện tượng trượt lở đất đá như sau: Biến chất giàu aluminosilicat, Biến chất và trầm tích giàu thạch anh, Magma xâm nhập axit- trung tính, Magma xâm nhập mafic-siêu mafic, Magma phun trào mafic, axit-trung tính, Trầm tích giàu aluminosilicat, Trầm tích carbonat và Trầm tích bờ rời (Bảng 2). Theo kết quả điều tra hiện trạng, số điểm

² Theo Báo cáo “Bản đồ phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá khu vực tỉnh Hòa Bình năm 2018 của Viện Khoa học địa chất và khoáng sản- Bộ Tài nguyên và Môi trường

trượt lở đất đá trong khu vực tỉnh Hòa Bình tập trung chủ yếu trong nhóm đá trầm tích lục nguyên giàu aluminosilicat, nhóm đá biến chất giàu aluminosilicat và nhóm đá carbonat.

Bảng 1: Thống kê số điểm trượt lở đất đá phân bố theo diện tích các nhóm thạch học khu vực tỉnh Hòa Bình.

Tên nhóm đá	Các phân vị địa chất phân bố trên từng nhóm đá	Diện tích phân bố (km ²)	Số điểm trượt	Mật độ phân bố (điểm trượt/km ²)
Biến chất giàu aluminosilicat	Suối Chiềng, Sinh Quyền	95,31	27	0,28
Biến chất và trầm tích giàu thạch anh	Sông Mã, Hàm Rồng, Bến Khé	224,65	12	0,05
Magma xâm nhập axit-trung tính	Xóm Giấu, Phia Bioc, Bản Ngâm, Po Sen	133,68	11	0,08
Magma xâm nhập mafic-siêu mafic	Bảo Hà, Ba Vì, Bản Xang và các đai mạch chưa rõ tuổi.	18,91	2	0,11
Magma phun trào mafic, axit-trung tính	Viên Nam, Cẩm Thủy	540,60	12	0,02
Trầm tích giàu aluminosilicat	Bản Nguồn, Nậm Pịa, Sông Mụa, Bản Cài Nậm Thép, Yên Châu, Sinh Vinh, Yên Duyệt, Bó Hiền, Cò Nòi, Tân Lạc, Sông Bôi, Nậm Thảm, Suối Bàng, Si Phay.	1.967,65	85	0,04
Trầm tích carbonat	Đá Đình, Bắc Sơn, Bản Páp, Sinh Vinh, Na Vang, Đồng Giao	1.478,96	38	0,03
Trầm tích bờ rời	Trầm tích đệ tứ không phân chia.	189,75	7	0,04

Kết quả điều tra hiện trạng và nghiên cứu vỏ phong hóa khu vực cho thấy trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có sự phân bố của 4 kiểu vỏ phong hóa chủ yếu, bao gồm: ferosialit, sialferit, feralit và saprolit. Vỏ phong hóa phát triển trên các đá trầm tích lục nguyên thường gặp đới phong hóa hoàn toàn và phong hóa mạnh có chiều dày từ 1->20m nằm trên đá gốc phong hóa yếu. Vỏ phong hóa phát triển trên các thành tạo phun trào axit, mafic có mức độ phong hóa mạnh, vỏ phong hóa thường gặp đầy đủ các đới (phong hoá hoàn toàn, phong hoá mạnh, phong hoá trung bình và phong hoá yếu). Vỏ phong hóa phát triển trên các đá xâm nhập thường có thành phần là sét, cát cấu tạo rời rạc. Vỏ phong hóa phát triển trên các thành tạo trầm tích biến chất thường có mặt đầy đủ các đới (phong

hoá hoàn toàn, phong hóa mạnh, phong hoá trung bình và phong hoá yếu). Nhìn chung, hiện tượng trượt lở đất đá và các dạng tai biến địa chất khác xảy ra rất khác nhau trong các đới phong hóa.

Công tác điều tra địa chất và lộ trình lập bản đồ hiện trạng trượt lở đất đá trên diện tích tỉnh Hòa Bình cho thấy, có một số phân vị địa chất liên quan đến hiện tượng trượt lở đất đá (Bảng 2). Theo kết quả điều tra hiện trạng, số điểm trượt lở tập trung nhiều nhất trong các hệ tầng Đồng Giao, Tân Lạc, Suối Bàng, Sông Bôi, Sinh Quyền.

Bảng 2: Thống kê số lượng điểm trượt lở đất đá phân bố theo diện tích các phân vị địa chất trong khu vực tỉnh Hòa Bình.

Phân vị địa chất	Khu vực phân bố chủ yếu	Diện tích phân bố (km ²)	Số điểm trượt lở đất đá	Mật độ phân bố (điểm trượt/km ²)
Hệ tầng Suối Bàng	Phía nam xã Văn Nghĩa, xã Mỹ Thành huyện Lạc Sơn, xã Cuối Hạ, xã Nuông Dăm huyện Kim Bôi. Phía tây xã An Lạc, xã An Bình huyện Lạc Thủy	296,4	21	0,07
Hệ tầng Sông Bôi	Phía nam thành phố Hòa Bình, phía tây huyện Lương Sơn, phía bắc huyện Kim Bôi, huyện Lạc Thủy.	495,4	22	0,04
Hệ tầng Đồng Giao	Xã Hang Kia, xã Pa Co, xã Tân Sơn, phía đông nam huyện Mai Châu, phía tây bắc - đông nam huyện Tân Lạc, phía nam huyện Lạc Sơn, huyện Yên Thủy.	1.285,4	20	0,02
Hệ tầng Tân Lạc	Phía nam xã Phú Vinh, xã Phong Phú, xã Mỹ Hòa, xã Tử Lê, xã Tuân Lô, phía đông các xã Do Nhân, xã Lỗ Sơn, đông bắc xã Gia Mô huyện Tân Lạc; xã Phúc Tuy, xã Xuất Hóa, thị trấn Vụ Bản, xã Vũ Bình huyện Lạc Sơn; xã Bắc Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong; TT. Lương Sơn.	591,4	22	0,04
Hệ tầng Viên Nam	Xã Sơn Thủy, xã Tân Thành, huyện Mai Châu, phía Đông Bắc, thành phố Hòa Bình, Đông Nam huyện Cao Phong, Bắc huyện Lạc Sơn.	533,85	12	0,02
Hệ tầng Sông Múa	Phía đông nam xã Hòa Bình, tây bắc - tây nam xã Yên Mông TP. Hòa Bình	102,9	10	0,10
Phức hệ Bến Khế	Phía nam xã Đồng Chum, phía bắc xã Đồng Ruộng, phía bắc xã Cao Sơn, xã Tu Lý huyện Đà Bắc.	222,9	10	0,04

Hệ tầng Sinh Quyền	Phía đông bắc xã Mường Chiềng, phía tây nam xã Giáp Đất huyện Đà Bắc.	59,15	21	0,36
Hệ tầng Suối Chiềng	Phía nam xã Giáp Đất, xã Suối Lánh huyện Đà Bắc.	36,5	11	0,30

Nhìn chung trên diện tích tỉnh Hòa Bình với đặc điểm địa tầng, magma và cấu trúc kiến tạo đóng vai trò quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển trượt lở đất đá. Hầu hết dọc theo các đứt gãy thường có các đới cà nát dập vỡ, dăm kết kiến tạo mạnh mẽ với chiều rộng từ vài chục mét đến hàng trăm mét. Đây là cấu trúc thuận lợi cho việc phát triển trượt lở đất đá và các tai biến địa chất khác trong vùng.

Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có sự phân bố của 2 dạng thành tạo địa chất chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng và các đới chứa nước khe nứt. Ngoài ra còn các thành tạo địa chất rất nghèo nước và các thành tạo địa chất không chứa nước. Các tầng chứa nước lỗ hổng phân bố trong các trầm tích bờ rời Độ tứ chiếm diện tích rất nhỏ trong vùng nghiên cứu. Các đới chứa nước khe nứt phân bố chủ yếu dọc các đới cà nát, dập vỡ, hoặc vò nhàu uốn nếp, các đới phá huỷ kiến tạo và các khe nứt trong đất đá có tuổi khác nhau. Đây là điều kiện thuận lợi cho tích tụ và lưu thông nước, và cũng là nguyên nhân gây ra hiện tượng trượt lở đất đá, lũ ống, lũ quét trong tỉnh.

3. Đặc điểm khí hậu, tình hình thiên tai trên địa bàn

3.1. Đặc điểm khí hậu

Hòa Bình là một tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, có vị trí ở phía nam Bắc Bộ, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Hoà Bình nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với các đặc trưng: nóng, ẩm, có mùa đông lạnh.

Nhiệt độ trung bình hàng năm trên 23°C. Tháng 6 có nhiệt độ cao nhất trong năm, trung bình 27 - 29°C, ngược lại tháng 01 có nhiệt độ thấp nhất, trung bình 15,5 - 16,5°C.

Khí hậu Hoà Bình được chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.

- Mùa mưa (nóng ẩm, mưa nhiều): Thường bắt đầu từ tháng 5 tới cuối tháng 10. lượng mưa trung bình nhiều năm trong mùa mưa đạt 1.700 - 2.500 mm, chiếm trên 90% tổng lượng mưa cả năm, riêng vùng núi cao Mai Châu và đồng bằng mùa mưa thường đến muộn từ 15 - 20 ngày. Đặc biệt 3 khu vực là Kim Bôi, Chi Nê và Yên Thủy có tổng lượng mưa mùa cũng như có tổng lượng mưa năm lớn hơn, ngược lại khu vực Mai Châu lại là nơi có tổng lượng mưa năm và mùa mưa nhỏ hơn cả.

- Mùa khô (lạnh, khô): Thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước tới tháng 4 năm sau, với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm đạt 150 - 250 mm, chỉ chiếm khoảng 10% tổng lượng năm, đặc biệt vào các tháng chính đông (tháng 12, 1, 2) tổng lượng mưa tháng phổ biến ở các nơi chỉ đạt xấp xỉ 30 mm.³

³ Theo Trang thông tin điện tử Sở Công thương tỉnh Hòa Bình

Khí hậu Hòa Bình là sự pha trộn giữa khí hậu vùng Đông Bắc Bộ và vùng Tây Bắc do đó việc dự báo cũng gặp nhiều khó khăn đối với cơ quan khí tượng-thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời và chính xác.

Mưa, bão tập trung từ tháng 7 đến tháng 9 hàng năm với lượng mưa trung bình là 1.800-2.200 mm. Các hiện tượng gió lốc, mưa đá thường xuyên xảy ra. Khí hậu bất thường như nhiệt độ thay đổi, mưa, gió và các yếu tố thiên nhiên, là những điều kiện kích hoạt gây nên các dạng tai biến địa chất trong tỉnh như sạt lở đất, sụt lún đất, sạt lở bờ sông.

3.2. Đặc điểm thủy văn

3.2.1. Hệ thống sông suối tỉnh Hòa Bình

Do địa hình bị chia cắt mạnh nên sông suối ở Hòa Bình thường dốc và ngắn. Mùa hè mưa nhiều, mực nước sông suối lên cao, chảy xiết gây ra lụt lội, ảnh hưởng đến nông nghiệp và giao thông trong vùng. Mùa đông thiếu nước, lượng nước ở các sông suối giảm mạnh, có nhiều suối nhỏ bị khô cạn. Hòa Bình có 4 hệ thống sông chính⁴:

- Sông Đà: bắt nguồn từ vùng núi cao Vân Nam - Trung Quốc, chảy qua vùng Tây Bắc, đoạn này lòng sông hẹp, lắm thác ghềnh; đến địa phận tỉnh Hoà Bình lòng sông rộng, thác giảm nhiều, đáng kể nhất là Thác Bờ. Sông Đà chảy trên đất Hoà Bình với chiều dài 103 km, đến thị xã Hoà Bình, sông Đà chảy ngược lên hướng Bắc. Hồ sông Đà (hồ Hoà Bình): có dung tích 9,5 tỉ m³ nước, phục vụ nhiều mục tiêu kinh tế và quốc phòng. Trong đó, nhiệm vụ chủ yếu là phục vụ phát điện của Nhà máy thủy điện Hoà Bình - nguồn cung cấp điện năng quan trọng cho cả nước; ngoài ra có nhiệm vụ cắt lũ về mùa mưa, điều tiết nước chống hạn về mùa khô cho đồng bằng châu thổ sông Hồng.

- Sông Bôi: bắt nguồn từ xã Thượng Tiến thuộc huyện Kim Bôi. Sông dài khoảng 60 km, chảy qua nhiều dãy núi đá vôi phía nam của tỉnh Hoà Bình rồi đổ vào sông Hoàng Long của tỉnh Ninh Bình.

- Sông Bưởi: bắt nguồn từ huyện Tân Lạc, Lạc Sơn do các suối Lô, suối Cái, suối Nhân Nghĩa, suối Yên Phú và nhiều con suối nhỏ khác nhập lưu ở thị trấn Vụ Bản (huyện Lạc Sơn) rồi chảy sang tỉnh Ninh Bình. Sông dài khoảng 38 km. Lòng sông hẹp, nên vào mùa mưa thường gây ra lụt lội ở hai bên bờ.

- Sông Mã: bắt nguồn từ xã Mường Lói, phía Nam tỉnh Điện Biên, qua đến Sơn La, qua tỉnh Sơn La, chảy qua Bắc Lào rồi đổ vào tỉnh Thanh Hóa. Sông tạo nên đồng bằng Thanh Hóa lớn thứ ba Việt Nam. Đoạn chảy qua địa giới tỉnh Hoà Bình là từ xã Hang Kia đến xã Vạn Mai của huyện Mai Châu. Hầu hết các suối phía Nam huyện Mai Châu đều đổ ra sông Mã.

Đa số sông suối trên địa bàn tỉnh có lòng hẹp độ dốc khá cao, khả năng giữ nước thấp, mức xói mòn rất lớn, mùa mưa lũ đến thường gây ra sạt lở đất và lũ quét.

⁴ Theo Trang thông tin điện tử Báo Dân tộc và miền núi – Thông tấn xã Việt Nam

3.2.2. Hệ thống hồ chứa nước

a) Hồ thủy điện

Công trình thủy điện Hoà Bình công suất lớn nhất thứ 2 Đông Nam Á (sau thủy điện Sơn La), được xây dựng từ 1979 đến 4/1994, cung cấp khoảng 1/3 sản lượng điện của Việt Nam.

Nhà máy Thủy điện Hòa Bình luôn phát huy vai trò là công trình thủy điện chiến lược đa mục tiêu. Hồ chứa công trình đã tham gia điều tiết cắt lũ, giảm lũ hiệu quả cho hạ du. Việc vận hành, điều tiết hồ chứa thủy điện Hoà Bình với dung tích trên 9 tỷ m³ đã giúp cho vùng đồng bằng Bắc Bộ cơ bản không còn xảy ra tình trạng ngập lụt.

Cùng với nhiệm vụ chính là cắt lũ, giảm lũ và phát điện, Thủy điện Hòa Bình còn đóng vai trò quan trọng trong việc cấp nước chống hạn phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, cải thiện giao thông thủy trên sông Đà, sông Hồng và tăng cường nguồn nước phục vụ nhu cầu dân sinh và các hoạt động sản xuất khác.

Lượng nước xả từ hồ Hòa Bình phục vụ sản xuất nông nghiệp cho nhiều tỉnh thành ở đồng bằng Bắc Bộ chiếm khoảng 65-70% tổng lượng xả từ tất cả các hồ thủy điện lớn ở phía bắc. Không chỉ vậy, trong suốt mùa cạn, nhà máy thực hiện phương thức phát điện duy trì dòng chảy tối thiểu luôn lớn hơn dòng chảy tự nhiên để nâng mức nước hạ lưu thêm từ 0,6-2,5 m, giúp cho các phương tiện thủy trên sông Đà và sông Hồng lưu thông dễ dàng; tạo điều kiện kết nối giao thương giữa khu vực miền núi Tây Bắc với Đông Bắc Bộ thuận tiện hơn.

Bên cạnh những lợi ích của hồ thủy điện Hòa Bình thì trong mùa mưa lũ, khi lượng mưa đổ về hồ Hòa Bình quá lớn, vượt quá khả năng chứa nước của hồ. Để đảm bảo an toàn, nhà máy thủy điện Hòa Bình buộc phải xả lũ và sẽ ảnh hưởng đến dân cư khu vực hạ du, gây thiệt hại đến đời sống, cơ sở vật chất của người dân. Chính vì vậy, chính quyền tỉnh Hòa Bình đã có những phương án hạn chế thiệt hại do xả lũ hồ thủy điện và bảo đảm tính mạng, tài sản cho người dân.⁵

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh hiện nay có 10 hồ thủy điện nhỏ gồm: hồ chứa thủy điện So Lo 1, So Lo 2, Suối Nhạp A, Đồng Chum 2A, Đồng Chum 2B, Vạn Mai, Định Cư, Miền Đồi 1, Suối Tráng, Suối Mu.

b) Các hồ chức nước khác

Trên toàn tỉnh hiện có 544 hồ chứa thủy lợi các loại, trong đó có 474 hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, 70 hồ chứa không thuộc phân loại hồ tại Nghị định 114/2018/NĐ-CP.

- Trong 474 đập, hồ chứa nước cần thực hiện các quy định về an toàn đập có 49 hồ lớn (dung tích từ 3-10 triệu m³ hoặc chiều cao từ 15m trở lên), 151 hồ

⁵ Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 về việc phê duyệt phương án sơ tán dân hạ du khi Công ty thủy điện Hòa Bình xả lũ.

đập loại vừa (dung tích từ 0,5-3 triệu m³ hoặc chiều cao đập từ 10 - 15m), 274 hồ đập loại nhỏ (dung tích từ 0,05-0,5 triệu m³ hoặc chiều cao đập từ 5-10m).

- Về tổ chức quản lý khai thác: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi quản lý 203 hồ chứa là các hồ chứa lớn và vừa trên địa bàn tỉnh, số lượng hồ chứa còn lại được phân cấp cho cấp huyện quản lý, trực tiếp là các Hợp tác xã, tổ hợp tác và UBND các xã vận hành khai thác.

Qua báo cáo của các huyện, thành phố, Công ty Khai thác công trình thủy lợi, phần lớn các công trình đập, hồ chứa nước trên địa bàn các huyện được đánh giá đảm bảo an toàn trước mùa mưa lũ năm 2021. Tuy vậy hiện tại vẫn còn một số hồ chứa đang thi công, sửa chữa nhưng chậm tiến độ; một số công trình bị hư hỏng, xuống cấp cần được tiếp tục sửa chữa nâng cấp để đảm bảo an toàn, cụ thể các nội dung như sau:

- Đánh giá chung về thực trạng an toàn đập:

Theo rà soát hiện có 212 hồ bị hư hỏng xuống cấp, 332 hồ hoạt động bình thường. Số lượng hồ đập hư hỏng xuống cấp chiếm 38,9% tổng số hồ chứa toàn tỉnh, tuy nhiên do điều kiện khó khăn về kinh phí nên chưa có kinh phí để sửa chữa, nâng cấp, hàng năm các đơn vị quản lý, khai thác thực hiện gia cố đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ.

Các công trình hư hỏng, xuống cấp cần nâng cấp sửa chữa: Có tổng số 211 hồ đập, bai và công trình thủy lợi hư hỏng trong đó: có 105 hồ, đập chứa nước thủy lợi; các hồ đập bị hư hỏng ở các hạng mục như thấm qua thân và nền đập, lún, nứt, sạt trượt mái dốc, xói lở thượng hạ lưu, hư hỏng, xói lở tràn hoặc tràn không đảm bảo khả năng thoát lũ, rò rỉ cống lấy nước... cần phải có kế hoạch để sửa chữa trong thời gian tới với tổng kinh phí dự kiến 609.800 triệu đồng; có 106 bai, đập dâng và các công trình khác cần phải sửa chữa trong thời gian tới với tổng kinh phí dự kiến 1.085.850 triệu đồng.

3.2.3. Hệ thống kênh, mương thủy lợi

Hệ thống kênh mương trên toàn tỉnh có tổng số 3.723 km kênh mương tưới các loại, đến năm 2019 đã kiên cố hoá được 1.870 km (đạt 50,22%)⁶. Hệ thống công trình thủy lợi hiện nay đã cấp nước tưới chủ động phục vụ sản xuất cho 53.000 ha, trong đó diện tích lúa 39.100 ha, màu 12.700 ha, cây ăn quả 2.300 ha, cấp nước nuôi trồng thủy sản là 40 ha. Tỷ lệ diện tích cây hàng năm được tưới chủ động đến năm 2019 đạt trên 45%.

Hòa Bình là tỉnh miền núi, nông nghiệp là chủ yếu nên hệ thống kênh, mương thủy lợi rất được quan tâm, chú trọng. Hàng năm, tỉnh vẫn tu bổ hệ thống kênh mương; thường xuyên rà soát, kiểm tra các công trình thủy lợi bị hư hỏng do bão, lũ gây ra để tiếp tục đầu tư nâng cấp, khắc phục, sửa chữa. Dân số

⁶ Số liệu tổng hợp tại Quyết định 2472/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 về phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

của tỉnh tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn nên tiêu chí thủy lợi được đánh giá là một trong những tiêu chí làm động lực, đòn bẩy cho nhiều tiêu chí khác; phấn đấu đạt được những tiêu chí của nông thôn mới.

3.3. Các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh

Thiên tai ngày càng phức tạp, khó lường, là một trong những thách thức lớn đối với phát triển kinh tế bền vững của đất nước nói chung và của tỉnh Hòa Bình nói riêng. Trong 20 năm gần đây, tỉnh Hòa Bình đã phải hứng chịu hầu hết các loại thiên tai (bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, rét hại,...) gây tổn thất nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, tác động xấu đến môi trường sống, sản xuất của nhân dân (ước tính thiệt hại hàng năm từ 1,0-1,5% GDP của tỉnh).

Trong 05 năm vừa qua, năm nào cũng xuất hiện mưa đá, lốc xoáy ở hầu khắp các nơi trong tỉnh, nặng nề nhất là ở các huyện: Lạc Sơn, Tân Lạc, Mai Châu, Yên Thủy, Kim Bôi, Lạc Thủy, Đà Bắc, Cao Phong, thành phố Hoà Bình gây thiệt hại không nhỏ về nhà cửa, sản xuất và đời sống nhân dân..

Tổng giá trị thiệt hại từ năm 2016-2020 ước đạt: 6.254,771 tỷ đồng, trong đó: Năm 2016 là: 421,912 tỷ đồng; năm 2017 là 2.838,243 tỷ đồng; năm 2018 là 1.433,199 tỷ đồng; năm 2019 là 278,061 tỷ đồng; năm 2020 là 631,121 tỷ đồng; năm 2020 là 652,235 tỷ đồng.

Trong 05 năm qua từ năm 2016 - 2020 số người chết và mất tích do thiên tai là 56 người, bị thương 29 người; cụ thể là:

- Chết, mất tích do bão, lũ cuốn: 19 người;
- Chết do sạt lở đất đá: 33 người.
- Chết do đá lăn: 01 người.
- Chết do sét đánh, giông lốc: 03 người;

Thiên tai trong những năm vừa qua gây thiệt hại hàng trăm nghìn ngôi nhà, hàng trăm nghìn ha đất diện tích sản xuất nông nghiệp, hàng trăm nghìn con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; diện tích nuôi trồng thủy sản bị ảnh hưởng. Đặc biệt, thiên tai ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng phục vụ cho đời sống dân sinh và an sinh xã hội: Các công trình giao thông, thủy lợi,... nhiều công trình hồ đập bị hư hỏng có nguy cơ mất an toàn, công trình đường giao thông từ quốc lộ đến liên xã thường xuyên xảy ra ngập úng, sạt lở làm ách tắc giao thông.

Các khu dân cư của người dân sinh sống bị sạt lở nghiêm trọng phải di dời đến nơi ở mới để đảm bảo an toàn tại địa bàn các huyện: Tân Lạc, Đà Bắc, Mai Châu, Lạc Sơn, Kim Bôi, Lương Sơn, Cao Phong, Yên Thủy, thành phố Hoà Bình, điển hình như: khu vực sạt lở của 13 khu tái định cư cấp bách đã

được xây dựng tại các huyện Tân Lạc, Đà Bắc, Kim Bôi, Mai Châu, thành phố Hoà Bình. Ngay tại thành phố Hoà Bình, trung tâm của tỉnh xuất hiện nhiều khu vực sạt lở đặc biệt nghiêm trọng: khu vực sạt lở phía đông đồi Ông Tượng, khu vực sạt lở tổ 26, phường Đồng Tiến; Tại lý trình km 3, đường tỉnh 445 thuộc khu vực xóm Máy Giấy, xã Dân Hạ; khu vực xã Thái Thịnh, xã Hoà Bình đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân.

Một số loại hình thiên tai điển hình đã xảy ra trong tỉnh:

- **Bão, Áp thấp nhiệt đới:** Bão xuất hiện từ biển Đông từ tháng 5-11 hàng năm, khi bão đổ bộ vào đất liền thường suy yếu thành áp thấp nhiệt đới và bắt đầu ảnh hưởng đến tỉnh Hòa Bình khi bão đổ bộ vào vùng biển từ Thanh Hóa-Quảng Ninh. Mặc dù Hòa Bình là tỉnh nằm sâu trong nội địa, ít phải chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bão, nhưng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão. Trung bình hàng năm Hòa Bình chịu ảnh hưởng của từ 2-3 cơn bão, áp thấp nhiệt đới, gây mưa to ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân trên toàn tỉnh, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, các hộ dân nghèo, cơ sở vật chất chưa tốt dễ chống chịu gió mạnh, mưa lớn. Đặc biệt là các đợt mưa lớn do ảnh hưởng của bão, ATNĐ ảnh hưởng gián tiếp, hoặc hội tụ gió trên cao nên toàn tỉnh thường có mưa to đến rất to, nhiều nơi có lượng mưa đặc biệt lớn: Trận mưa lũ lịch sử tháng 10/2017 tổng lượng mưa cả đợt đạt từ: 293 - 466mm gây sạt lở, lũ quét, ngập lụt trên diện rộng.

- **Lũ, lụt:** xuất hiện vào mùa mưa, do địa hình dốc, các sông, suối có độ dốc lớn, lòng hẹp và các tác động của con người như phá rừng đã làm thay đổi bề mặt lưu vực làm giảm khả năng thoát nước của lưu vực có thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra lũ. Khi lượng mưa trung bình trong 24 giờ trên địa bàn tỉnh từ 300-400mm, nước trên các tuyến sông Bùi, sông Bôi thuộc huyện Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Thủy dâng cao gây lũ, lụt cho các xã ven sông. Khi nhà máy thủy điện Hòa Bình vận hành xả lũ, lượng nước xả từ hồ Hòa Bình xuống hạ lưu từ báo động I (+21m) trở lên có nguy cơ gây ngập lụt, mất an toàn cho khu vực hạ lưu đập thủy điện Hòa Bình trên địa bàn các phường, xã thuộc thành phố Hòa Bình và các xã lân cận.

- **Sạt lở đất:** là loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn các huyện, thành phố, tuy nhiên vào mùa mưa, bão loại hình thiên tai này xảy ra với tần suất nhiều hơn. Sạt lở đất thường xảy ra do mưa to kéo dài, do sự thay đổi độ nóng ẩm của đất hoặc do tác động của con người vào phần mái dốc, xây dựng công trình trên sườn dốc. Thường xảy ra trên các tuyến giao thông như: dọc tỉnh lộ 433, đường từ Tu Lý, huyện Đà Bắc về đến thành phố Hòa Bình, dọc theo Quốc lộ 6; xảy ra các vùng có địa chất, địa hình không ổn định như: xã Đồng Nghê, Suối Nánh, Giáp Đất, huyện Đà Bắc, xã Mai Hạ, Chiềng Châu, Xăm Khõe huyện Mai Châu, xã Phong Phú, Nhân Mỹ, Ngọc Mỹ và Đông Lai huyện Tân Lạc.

- **Lũ quét:** là loại hình thiên tai cũng thường xuyên xảy ra khi có mưa to kéo dài trên địa bàn tỉnh và nhiều tỉnh miền núi phía Bắc. Trên địa bàn tỉnh các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Lạc Sơn, Cao Phong, Tân Lạc là những nơi có nguy

cơ xảy ra lũ quét cao.

- **Gió mạnh, giông, lốc, lốc xoáy, sét:** là loại hình thiên tai xảy ra nhiều vào mùa mưa, bão. Lốc xoáy là một hiện tượng thời tiết cục bộ trong đó gió xoáy được hình thành do sự mất ổn định, biến thiên nhiệt. Lốc xoáy thường xuất hiện nhiều trên địa bàn tỉnh trong khoảng từ tháng 4-7, tính từ năm 2009-2014 có 38 ngôi nhà bị đổ sập hoàn toàn và 3928 nhà bị tốc mái. Trên địa bàn tỉnh các huyện như: Lạc Sơn, Tân Lạc, Kim Bôi là những nơi thường xuyên bị ảnh hưởng bởi gió mạnh, giông, lốc, sét. Trong năm 2020, xảy ra 182 ngày mưa dông, cảnh báo lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh tập trung từ tháng 6- tháng 10.

- **Hạn hán:** xảy ra vào mùa khô, nguyên nhân trực tiếp là do thiếu mưa; do khai thác và sử dụng nguồn nước chưa hợp lý, do các công trình hồ đập, kênh mương xuống cấp không đảm bảo năng lực theo thiết kế. Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, khu vực huyện Yên Thủy vào mùa khô, do thiếu nguồn sinh thủy và các hồ chứa nước nên hàng năm thường xuyên phải chịu hạn hán, bị thiệt hại nặng về lúa và hoa màu.

- **Sạt lở bờ sông:** những năm gần đây, tình trạng sạt lở bờ sông diễn biến rất khó lường. Cứ thủy điện Hòa Bình xả lũ hay có mưa lớn là nước lại thúc mạnh vào bờ gây sạt lở nhà cửa, vườn của nhân dân. Nguyên nhân dẫn đến nguy cơ sạt lở ở vùng hạ du sông Đà là do xả lũ thủy điện Hòa Bình và do nhân dân đã đổ đất làm nhà lấn chiếm ra phía bờ sông. Một trong những nguyên nhân nữa là việc sản xuất kinh doanh, khai thác cát trái phép làm thay đổi dòng chảy của sông, dẫn đến tình trạng sạt lở. Điển hình là tháng 7/2018, có 9 ngôi nhà tại tổ 26, phường Đồng Tiến, thành phố Hoà Bình bị sụt lún xuống lòng sông Đà, 35 hộ dân phải di dời khẩn cấp.

Các loại thiên tai khác cũng gây ảnh hưởng tới hoạt động con người, đời sống kinh tế - xã hội và sản xuất là:

- **Động đất:** Trong những năm trở lại đây Hòa Bình cũng thường xuyên xảy ra động đất, tuy không có thiệt hại đáng kể về người về tài sản nhưng theo dự báo tương lai sẽ còn diễn ra những trận động đất với cường độ mạnh và gây thiệt hại lớn hơn. Cụ thể những trận động đất tại Hòa Bình trong 2 năm gần đây: ngày 27/7/2020 xảy ra động đất mạnh 5.3 độ, tâm chấn là huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, dư chấn đến Hòa Bình; ngày 25/11/2020 một trận động đất có độ lớn 3.3 xảy ra tại khu vực huyện Mai Châu, độ sâu chấn tiêu khoảng 10 km; ngày 6/1/2021 một trận động đất có độ lớn 2,8 xảy ra tại huyện Tân Lạc.

- **Rét đậm, rét hại:** Là tỉnh miền núi nên tại Hòa Bình mùa đông có những năm nhiệt độ xuống thấp, điển hình như tháng 12/2020 có trận rét đậm, rét hại với nhiệt độ thấp nhất 8-11 độ, vùng núi cao 4-6 độ, vùng núi cao xảy ra băng giá, sương muối. Rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến đời sống dễ bị tổn thương như người cao tuổi, trẻ em và gây thiệt hại về trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- **Mưa đá:** Trong những năm gần đây, Hòa Bình cũng xảy ra hiện tượng mưa đá, giông lốc kèm mưa đá gây thiệt hại về tài sản, cây trồng của người dân. Điển hình là trận giông lốc kèm mưa đá tháng 4/2020 tại huyện Đà Bắc; mưa đá diễn ra

tháng 5/2020 tại huyện Mai Châu.

4. Đặc điểm dân sinh

4.1. Mật độ dân số

Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, tổng dân số toàn tỉnh Hòa Bình là 854.131 người (trong đó nam là 426.923 người; chiếm 50% và nữ là 427.208 người; chiếm 50%), mật độ dân số trung bình là 186 người/km²;

Sau 10 năm (2009-2019) dân số tỉnh Hòa Bình tăng thêm khoảng 69.000 người, bình quân mỗi năm tăng 6.891 người. Tốc độ tăng dân số của tỉnh không cao, trong 10 năm, trung bình chỉ tăng 0,84%. Mức tăng thấp nhất so với các tỉnh miền núi phía Bắc và so với cả nước.

Trong tổng dân số của tỉnh Hòa Bình, giới tính nam chiếm 49,98%; nữ chiếm 50,01% (tỷ số giới tính 99,9 nam/100 nữ). Dân số thành thị là 134.320 người, chiếm 15,72%; dân số nông thôn là 719.811 người, chiếm 84,27% tổng dân số toàn tỉnh. Như vậy, tỷ lệ người dân ở khu vực thành thị của tỉnh thấp hơn nhiều so với dân số thành thị cả nước là 34,36%; cho thấy tình hình đô thị hóa của tỉnh Hòa Bình còn chậm, mức sống, dân trí, công nghệ, thông tin, cơ sở hạ tầng còn thấp.

Quy mô hộ trung bình của tỉnh là 3,87 người/hộ. Trong đó, quy mô hộ trung bình khu vực thành thị là 3,48 người/hộ, khu vực nông thôn là 3,95 người/hộ. Quy mô hộ ngày càng giảm so với Tổng điều tra năm 2009 ở khu vực thành thị và nông thôn; chứng tỏ xã hội ngày càng phát triển, nhận thức của người dân qua các năm được nâng lên. Những kiến thức về dân số và kế hoạch hóa gia đình được phổ biến rộng rãi. Mặt khác, đời sống vật chất ngày càng cao, con người càng có xu hướng hưởng thụ về tinh thần, muốn sinh ít con để chăm sóc và nuôi dạy các con tốt hơn.

Là tỉnh miền núi nên giao thông, đi lại khó đặc biệt là trong mùa mưa, lũ có những nơi bị chia cắt nên việc cảnh báo lũ quét, sạt lở đất còn nhiều khó khăn; thông tin, truyền thông về phòng chống thiên tai cũng chưa đến sâu rộng, nhất là vùng sâu, vùng xa.

4.2. Phong tục tập quán

Trên địa bàn tỉnh có nhiều dân tộc sinh sống, đông nhất là người Mường chiếm 64%; người Kinh chiếm 26%; người Thái chiếm 4%; người Dao chiếm 2%; người Tày chiếm 3%; các dân tộc khác chiếm 1%⁷. Hòa Bình có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, mỗi dân tộc có phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt, xây dựng nhà cửa khác nhau.

Đặc điểm chung của các dân tộc ở Hòa Bình là sống tập trung ở ven sông, suối, nơi gần nguồn nước để thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất như người Mường sống trong nhà sàn, ở các vùng thung lũng, đồi núi thấp, dọc ven sông, suối, tập trung thành mường, làng khoảng vài chục nhà; hoặc người Dao có tập

⁷ Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê

quán sống trên vùng núi cao, dựng nhà trệt gỗ, thường ở đầu nguồn nước; canh tác nương rẫy, săn bắn.

Vào mùa mưa, nước từ sườn dốc chảy xuống khe, rãnh và dồn về sông, suối gây ra lũ với biên độ dao động rất lớn, nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở Hòa Bình là rất lớn. Người dân sống dọc hai bờ sông suối, sống ở khu vực núi cao là đối tượng dễ bị tổn thương nhất, rủi ro thiên tai gây thiệt hại đến tính mạng và tài sản, ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

Những vùng có nguy cơ sạt lở đất cao cũng đã có những phương án di dân, sơ tán người dân đến chỗ ở an toàn hơn, xây dựng những khu tái định cư. Tuy nhiên, cũng có một bộ phận người dân không chịu di dời mặc dù biết được các lợi ích và an toàn khi tái định cư xuất phát từ đặc điểm dân tộc, quan hệ cộng đồng và mức thu nhập, lo ngại về sinh kế, xáo trộn đời sống xã hội.⁸

4.3. Các khu vực trọng điểm về thiên tai

Các khu vực trọng điểm về thiên tai là các khu vực đã từng xảy ra các sự cố, hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố như sạt lở, sụt lún đất, lũ ống, lũ quét các khu vực trọng điểm về đề điều có nguy cơ gây ảnh hưởng lớn về người và tài sản của nhà nước và nhân dân cụ thể:

- Các khu vực sạt lở, có nguy cơ sạt lở tại các khu vực dân cư, và dọc các tuyến đường tỉnh lộ, quốc lộ đã được ban bố tình trạng khẩn cấp⁹, bao gồm:

+ Phía Đông Nhà máy thủy điện Hòa Bình khu vực đồi Ông Tượng khu vực Khu vực tổ 4,5,6 phường Chăm Mát, khu vực tổ 4 phường Thái Bình; khu vực tổ 26 phường Đồng Tiến, xóm Máy 1, Máy 3, Máy 4 thành phố Hòa Bình;

+ Xóm Tân Thành, xã Hợp Thành (ven sông Đà) huyện Kỳ Sơn cũ, nay là thành phố Hòa Bình;

+ Xóm Nhạp Ngoài xã Đồng Ruộng, xóm Hà xã Đồng Chum, xóm Ké xã Mường Chiềng, xóm Lau Bai, xã Vầy Nưa, xóm Cơi 1, Cơi 2, Cơi 3 xã Suối Nánh, xóm Túp, xóm Trê xã Tiên Phong huyện Đà Bắc;

+ Xóm Thiên Xa xã Đồng Bảng huyện Mai Châu, xóm Ban xã Tân Thành, xóm Solo xã Phúc Sơn;

+ Xóm Mớ Khoắc, Mớ Đồi, xã Hạ Bì, xóm Đúp, xóm Củ, xã Tú Sơn, xóm Chanh xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi;

5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Năm 2020, trong bối cảnh kinh tế cả nước gặp nhiều khó khăn vì dịch Covid-19, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hòa Bình trong năm qua mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức. Song với sự quyết tâm cao của cả hệ thống

⁸ Theo Tài liệu “ Tái định cư trong bối cảnh biến đổi môi trường ở tỉnh Hòa Bình, Việt Nam năm 2017 của Tổ chức Di cư quốc tế.

⁹ Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 11/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh công bố tình trạng khẩn cấp thiên tai do mưa lớn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 15/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố tình trạng khẩn cấp thiên tai sạt lở, sụt lún đất do ảnh hưởng mưa lớn gây ra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định số 2188/QĐ-UBND ngày 03/11/2017, Chủ tịch UBND tỉnh công bố tình trạng khẩn cấp thiên tai sạt lở đất do ảnh hưởng mưa lớn gây ra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

chính trị, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục có chuyển biến tích cực.

Trong 5 năm, kinh tế của tỉnh duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân hàng năm đạt 7,59%; năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh ước đạt khoảng 55.000 tỷ đồng (gấp 1,65 lần năm 2015). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt khoảng 63,8 triệu đồng (gấp 1,6 lần năm 2015). Thu ngân sách nhà nước năm 2020 (tăng gấp 2 lần năm 2015). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm năm đạt khoảng 80.500 tỷ đồng, bình quân hàng năm bằng 35% GRDP. Trong 5 năm đã thu hút được 284 dự án đầu tư (trong đó có 17 dự án FDI) với tổng vốn đăng ký khoảng 47.965 tỷ đồng; đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã tăng gấp 2 lần so với năm 2015, đạt 3.800 doanh nghiệp và 360 hợp tác xã.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 24,38% năm 2015 xuống còn 8,56% vào năm 2020, bình quân giảm 3,16%/năm (tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất so với các tỉnh khu vực miền núi Tây Bắc).¹⁰

Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng ước tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2019 (đứng thứ 28/63 cả nước; thứ 9/14 các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc). GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2020 đạt 64,5 triệu đồng/người.¹¹

Đồng bào các dân tộc chủ yếu sống bằng nghề nông. Quy mô sản xuất nhỏ, trồng lúa dọc theo các thung lũng hoặc trồng chè, cà phê, cây lương thực ở các triền đồi núi. Ngành công nghiệp phát triển tập trung ở thành phố và các vùng thị trấn.

Hiện nay cơ cấu kinh tế vẫn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng GDP của khu vực sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng GDP của khu vực sản xuất nông - lâm nghiệp.

Các hoạt động kinh tế - xã hội có tác dụng mạnh mẽ tới môi trường, thiên nhiên, tác động qua lại và có ảnh hưởng đến nhau. Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và phát triển môi trường là 3 trụ cột hướng tới phát triển bền vững. Chính vì vậy, khi phát triển kinh tế- xã hội phải tính đến góc độ môi trường, thiên nhiên để duy trì sự phát triển lâu dài và có tính kế thừa cho thế hệ tương lai.

Xây dựng hệ thống giao thông, nhiều đường giao thông quốc lộ, tỉnh lộ và hệ thống công trình xây dựng dân dụng, cầu cống ảnh hưởng đến đường tiêu thoát nước, gây nên các hiện tượng trượt lở đất đá dọc theo chúng. Con người khai thác rừng đầu nguồn ồ ạt, khai thác không quy hoạch, không đi đôi với trồng rừng, rừng mất nên không giữ được nước làm gia tăng sự tàn phá của mưa lũ. Sử dụng đất dốc để canh tác không đúng kỹ thuật làm suy thoái tầng thổ nhưỡng, đẩy nhanh tốc độ xói mòn đất, hình thành quá trình trượt lở đất đá. Các hoạt động khai thác khoáng sản với quy mô lớn kéo theo một lượng bãi

¹⁰ Theo Báo tại Đại hội đại biểu lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng Bộ tỉnh Hòa Bình.

¹¹ Theo Trang thông tin điện tử của Chính phủ.

thải rắn lớn trong vùng, nhiều nơi lấp đầy các dòng chảy hiện đại, đã làm gia tăng trượt lở đất đá.

Chính vì vậy, việc chú trọng phát triển kinh tế mà không tính đến góc độ môi trường, xã hội là nguyên nhân làm cho thiên tai diễn biến phức tạp, khó lường hơn và thiệt hại mà thiên tai mang lại ngày càng nghiêm trọng hơn. Việc lồng ghép phòng chống thiên tai vào tất cả các ngành, các lĩnh vực là cần thiết để phát triển bền vững và duy trì sản xuất liên tục, không bị gián đoạn.

6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

6.1. Giao thông

Hòa Bình trong những năm gần đây đang trên đà phát triển với nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng. Một trong yếu tố làm nên thành công của tỉnh chính là thay đổi bộ mặt cơ sở hạ tầng giao thông bằng những công trình, dự án trọng điểm với nguồn vốn hàng nghìn tỷ đồng.

Dự án đầu tư xây dựng đường bộ Hòa Lạc - Hòa Bình nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải trên hành lang đường bộ nối Tây Bắc với Hà Nội. Tuyến đường sẽ là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Tây Bắc nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng. Dự án có điểm đầu tại nút giao Hòa Lạc (giữa Đại lộ Thăng Long và Quốc lộ 21, lý trình Km 17+850 trên Quốc lộ 2, tại vị trí tách đường Hòa Lạc - Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam). Điểm cuối tại Km 32+367 (xã Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình).

Tuyến đường có tổng chiều dài khoảng 26 km, được xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp 3 đồng bằng, nền đường rộng 12m, mặt đường rộng 11m và có vận tốc tối đa 80 km/giờ. Đáng chú ý, tổng mức đầu tư ban đầu của dự án là hơn 2.989 tỷ đồng với thời gian thu phí 24 năm. Sau khi kiểm toán tổng mức đầu tư giảm xuống còn khoảng 2.700 tỷ đồng nhưng thời gian thu phí lại tăng lên hơn 27 năm.

Đây là công trình đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế vùng và giúp giảm khoảng cách về kinh tế giữa đô thị và miền núi. Đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình có chiều dài 67,22 km đi qua 5 huyện Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Sơn, Lạc Thủy và Yên Thủy. Đây được coi là một trong những tuyến đường quan trọng để Hòa Bình có thể phát triển, giao lưu kinh tế giữa các tỉnh Hòa Bình - Hà Nam - Ninh Bình và Thanh Hóa.

Đường tỉnh lộ 433 là tuyến đường huyết mạch nối liền huyện Đà Bắc với Trung tâm thành phố Hòa Bình. Công trình góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế-xã hội của huyện Đà Bắc với các địa phương lân cận.

Công trình thuộc Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thành phố Hòa Bình, sử dụng nguồn vốn ODA của Ngân hàng Thế giới, cầu Hòa Bình 3 vượt sông Đà, kết nối khu vực bờ trái với bờ phải của thành phố Hòa Bình, kết nối khu vực trung tâm của tỉnh Hòa Bình với các tỉnh lân cận, mở rộng không gian đô thị, tạo thêm động lực phát triển kinh tế - xã hội cho thành phố Hòa Bình và tỉnh Hòa Bình, giảm tải cho cầu Hòa Bình 1.

Cầu Hòa Bình 2 dù đang được chủ đầu tư và các đơn vị thi công nhưng đây là dự án giao thông trọng điểm được tỉnh quan tâm, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng. Cầu sau khi hoàn thành, cùng với các cây cầu bắc qua sông Đà sẽ góp phần hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông, giảm ách tắc giao thông và là điểm nhấn về cảnh quan, kiến trúc, thúc đẩy đầu tư mở rộng không gian đô thị của thành phố Hòa Bình về phía bờ trái sông Đà, tạo nên động lực thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, thu hút đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa và hội nhập của tỉnh.

Nhiều công trình với quy mô cùng vốn đầu tư lớn, chắc chắn trong tương lai không xa, Hòa Bình sẽ còn nhiều biến chuyển trên con đường phát triển kinh tế. Các công trình giao thông của tỉnh vừa hỗ trợ phát triển kinh tế, hạ tầng cơ sở vừa tính đến những giải pháp phòng tránh giảm nhẹ thiên tai sẽ đảm bảo an toàn cho nhân dân, góp phần xây dựng tỉnh vững mạnh.

6.2. Hệ thống điện lưới của tỉnh

Nguồn cung cấp điện cho tỉnh hiện nay chủ yếu dựa vào nguồn và hệ thống cung cấp điện lưới của nhà máy thủy điện. Nhà máy Thủy điện Hoà Bình là một tổ hợp công nghiệp khổng lồ trên khu vực sông Đà bao gồm nhiều hạng mục quan trọng như đập đất đá, hầm dẫn nước vào tua bin, hệ thống hầm giao thông, hầm gian máy, vận hành... gian máy với 8 tổ máy với công suất mỗi tổ là 240 MW. Toàn bộ công suất nhà máy đạt 1.920 MW, ngoài ra còn có các trạm biến áp, hệ thống kỹ thuật, hệ thống bảo vệ.

Bộ Công thương có ban hành Quyết định số 1551/QĐ-BCT ngày 22/4/2016 về việc phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kv. Quy mô, tiến độ xây dựng các hạng mục công trình đường dây và trạm biến áp theo các giai đoạn quy hoạch giai đoạn 2021-2025:

- Đối với lưới điện 220kv: Trạm biến áp sẽ cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 2 trạm biến áp 220/110 kV với tổng công suất tăng thêm 250 MVA.

- Đối với lưới điện 110kv:

- + Trạm biến áp: xây dựng mới 4 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 100 MVA; cải tạo, mở rộng nâng quy mô công suất 6 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất tăng thêm 173 MVA.

- + Đường dây: xây dựng mới 4 đường dây 110 kV mạch kép với tổng chiều dài 27,3 km; 1 đường dây 4 mạch với tổng chiều dài 0,5 km; cải tạo, nâng khả năng tải 3 đường dây 110 kV với tổng chiều dài 69,5 km.

Trong những năm qua, thiên tai cũng ảnh hưởng nặng nề đến hệ thống điện của tỉnh Hòa Bình. Điển hình là trận mưa lớn tháng 7/2018 làm cho nhiều cột điện bị gãy, đổ, xảy ra sự cố nằm trên ruộng, bùn; nhiều khu vực bị cô lập, chia cắt do mưa lũ, sạt lở nên mất điện diện rộng. Công tác phòng chống thiên tai được đẩy mạnh, nâng cao hơn nữa cũng sẽ góp phần hạn chế những thiệt hại

đối với ngành điện nói riêng và các ngành khác nói chung, đảm bảo phát triển bền vững tỉnh Hòa Bình.

6.3. Hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo

Hòa Bình là tỉnh miền núi, còn nhiều khó khăn nhưng công tác giáo dục và đào tạo của tỉnh Hòa Bình những năm gần đây đạt nhiều kết quả khả quan. Theo Công dữ liệu quốc gia của Bộ Thông tin và truyền thông, tính đến tháng 9/2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 241 trường mầm non; 226 trường tiểu học; 232 trường trung học cơ sở và 48 trường trung học phổ thông.

Đối với công tác phòng chống thiên tai trong trường học, tỉnh Hòa Bình cũng nhận thấy việc nâng cao ý thức phòng, chống thiên tai, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ, nhất là các em học sinh trong các trường học, trong đó đối với khu vực nguy hiểm thường bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, lũ lụt cần được ưu tiên. Lũ quét, lũ ống gây sạt lở đất vùi lấp nhiều nhà cửa, đường xá, cầu cống, trường học ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có tỉnh Hòa Bình.

Trong năm 2018, hưởng ứng Ngày truyền thống phòng, chống thiên tai của Việt nam – ngày 22/5/1946-22/5/2018”, tại trường Tiểu học Phú Cường (xã Phú Cường, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình) đã tổ chức Lễ mít tinh hưởng ứng Kỷ niệm 72 năm “Ngày truyền thống phòng, chống thiên tai của Việt nam – ngày 22/5/1946-22/5/2018” với chủ đề “Trường học an toàn trước thiên tai”. Đây là hoạt động do Sở GD&ĐT tỉnh Hòa Bình phối hợp với Unicef tại Việt Nam tổ chức, cùng với hỗ trợ của Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Hòa Bình, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương Phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Chiến dịch truyền thông “*Xây dựng khả năng chống chịu và thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu cho các thế hệ tương lai*” qua hệ thống giáo dục và huy động sự tham gia của học sinh trong nhà trường với các hoạt động truyền thông sáng tạo đóng vai trò cốt lõi trong chiến dịch này. Theo đó, các em học sinh là nhân tố tích cực của sự thay đổi và đóng vai trò cầu nối để truyền đạt thông tin, kiến thức và kỹ năng cho các bạn, phụ huynh và cộng đồng nơi các em sinh sống theo những cách thức hiệu quả. Lồng ghép, phổ biến phòng chống thiên tai trong trường học là vô cùng cần thiết để nâng cao năng lực cũng như kỹ năng sống cho các em học sinh trên địa bàn tỉnh.

Ở những xã có điều kiện khó khăn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa: tỷ lệ tái nhập học lại trường thường giảm sút sau khi thiên tai xảy ra (như bão, lụt, sạt lở đất,...); cha mẹ đôi khi không cho con đi học để phụ giúp việc gia đình, chẳng hạn như xây dựng lại nhà cửa hoặc sản xuất chăn nuôi lại sau thiên tai. Nói lại giáo dục có thể khó khăn khi thiên tai có thể làm hư hại trường học hoặc tác động đến đội ngũ giảng viên.

6.4. Các cơ sở y tế

Hiện nay, mạng lưới các cơ sở y tế của tỉnh Hòa Bình bao gồm: 02 Bệnh viện tuyến tỉnh; 02 Chi cục (Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và An toàn vệ sinh thực phẩm); 03 Trung tâm trực thuộc tuyến tỉnh; 01 Trường Trung cấp Y và 10

Trung tâm y tế huyện. Các đơn vị y tế đã cơ bản đáp ứng được hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ quy định. 151 trạm y tế/151 xã, phường, thị trấn đã đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản và nhân lực để triển khai thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Tính đến hết năm 2019, toàn tỉnh đã có trên 76% xã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã.¹²

Công tác y tế dự phòng luôn được ngành Y tế Hòa Bình chú trọng, với phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Ngoài việc củng cố mạng lưới, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế dự phòng các tuyến, Sở Y tế tích cực chỉ đạo các cơ sở y tế, đặc biệt các trung tâm y tế huyện, thành phố, trạm y tế xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động nhân dân nâng cao ý thức phòng dịch bệnh; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, nắm vững tình hình dịch tễ trong cộng đồng để phát hiện, xử lý kịp thời ổ dịch, hạn chế tối đa dịch bệnh bùng phát lây lan trên diện rộng. Bên cạnh đó, các chương trình mục tiêu quốc gia: Tiêm chủng mở rộng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình cũng được triển khai, thực hiện tốt.

Tính đến hết quý I/2019, có tổng số 1.380 cán bộ làm việc tại 210 trạm y tế (lúc này chưa sát nhập huyện Kỳ Sơn vào thành phố Hòa Bình), trong đó bác sỹ tuyến xã là 118 người, số xã đặc biệt khó khăn có bác sỹ tại trạm là 41/68 trạm. 100% thôn, bản trong tỉnh đều có nhân viên y tế hoạt động thường xuyên. Nhìn chung nhân lực y tế tuyến xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã đảm bảo về số lượng. Nhưng về mặt chất lượng và cơ cấu ngạch chuyên môn của mỗi trạm đều gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian 02 năm kể từ khi tiếp nhận trạm y tế xã, ngành Y tế chưa tuyển dụng được bác sỹ nào về công tác tại các trạm.¹³

Qua đó cho thấy cần tăng cường, bổ sung các cơ sở y tế, đặc biệt các khu vực hay xảy ra thiên tai và cần xây dựng đầu tư cơ sở vững chắc để phục vụ người dân trong và sau thiên tai. Thiên tai gây thiệt hại về cơ sở vật chất (cụ thể là các bệnh viện, phòng khám, trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các đơn vị chăm sóc sức khỏe nông thôn,...), cũng như làm gián đoạn các hoạt động. Sự gián đoạn của giáo dục, dịch vụ y tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của con người.

6.5. Hệ thống nước sinh hoạt

Hoà Bình là một tỉnh chịu ảnh hưởng của chế độ thủy văn vùng Tây Bắc, với đặc điểm chung là có mạng lưới sông suối khá dày. Những con sông lớn chảy qua địa phận tỉnh là Sông Đà có chiều dài 151 km, sông Bôi dài 66 km, sông Bưởi dài 48 km, sông Bùi dài 9 km và một số sông nhỏ như sông Cò (Lương Sơn), sông Cầu Đương, sông Thanh Hà (Kim Bôi), sông Lãng (Yên Thủy). Trữ lượng nước mặt của các dòng sông nói trên rất lớn, lưu lượng dòng chảy cao, do đặc điểm địa hình tương đối dốc, trong đó đáng lưu ý nhất là Sông Đà. Nguồn nước mặt của Hoà Bình tương đối dồi dào và phân bố đều trên các

¹² Theo Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê.

¹³ Theo Sở Y tế tỉnh Hòa Bình

sông, suối, ao, hồ, đầm với trữ lượng tương đối lớn và chất lượng nước tốt, đủ khả năng đáp ứng về nước cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở mức cao.

Tuy nhiên, cao điểm nắng nóng cộng với mực nước hồ thủy điện Hòa Bình ở mức thấp, dẫn đến hoạt động cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có những thời điểm bị thiếu hụt.

Tỉnh Hòa Bình hiện có 303 công trình cấp nước tập trung và các công trình cấp nước nhỏ lẻ. Theo rà soát thống kê, trong tổng số 303 công trình này chỉ có trên 70% công trình đang hoạt động hiệu quả, 30% số công trình còn lại hoạt động chưa hiệu quả. Thực tế trên toàn tỉnh cho thấy việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn còn kém hiệu quả. Số lượng công trình hoạt động bền vững chiếm tỉ lệ nhỏ, số lượng công trình hoạt động trung bình và kém hiệu quả chiếm tỉ lệ lớn; đặc biệt có một số công trình không hoạt động, ở trong tình trạng đắp chiếu khá lâu.¹⁴

Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hiện nay có 2 mô hình quản lý là doanh nghiệp và cộng đồng nhưng chủ yếu là mô hình do cộng đồng quản lý (99%), các công trình sau khi thi công xong chủ yếu bàn giao lại cho đơn vị hưởng lợi (UBND xã) tự quản lý, khai thác và sử dụng. Đa số các địa phương chưa thành lập được tổ quản lý vận hành, chưa xây dựng quy chế quản lý và chưa có phương án thu tiền sử dụng nước, do vậy các công trình không thường xuyên được bảo dưỡng định kỳ, cá biệt còn có địa phương giao cho xóm tự quản lý, vận hành không có cơ chế kiểm tra, giám sát do đó công trình nhanh bị xuống cấp, không phát huy được hiệu quả, chất lượng nước không đảm bảo.

Cụ thể, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 19,3% các hộ sử dụng nước máy; 8,9% dùng nước giếng khoan; 40% dùng nước giếng đào được bảo vệ; 2,1% dùng nước giếng đào không được bảo vệ; 24% dùng nước khe/mó được bảo vệ; 3,9% dùng nước khe/mó không được bảo vệ; 1,1% dùng nước mưa, 0,5% dùng nước mua (xitéc, bình) và 0,1% dùng nguồn nước khác. Khu vực thành thị có 80,1% các hộ dùng nước máy; 9,7% dùng giếng đào được bảo vệ; 6,4% dùng nước giếng khoan và 3,8% dùng các loại nước khác. Khu vực nông thôn có 6,5% các hộ dùng nước máy; 46,4% giếng khoan đào được bảo vệ; 28,6% nước khe/mó được bảo vệ; 4,8% nước khe/mó không được bảo vệ và 13,7% dùng các loại nước khác.¹⁵

Đà Bắc là huyện gặp nhiều khó khăn nhất về vấn đề nước sạch. Với địa hình đồi núi, việc đầu tư các công trình dàn trải, không đồng bộ, lại chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai nên các công trình cấp nước ở huyện bị ảnh hưởng nhiều. Năm 2016, xã Tú Lý (Đà Bắc) được xây dựng công trình nước sạch. Đến năm 2018, công trình đi vào hoạt động, hiện, cả xã có trên 4.000 người dân

¹⁴ Theo Thống kê của Tổng cục Thủy lợi- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

¹⁵ Theo Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê

hưởng lợi từ công trình. Trước đây, khi chưa có công trình nước sạch, bà con chủ yếu dùng nước giếng, nước ở các khe suối. Tuy nhiên, nguồn nước này ngày càng không đảm bảo, do người dân phun thuốc bảo vệ thực vật cho cây trồng ở xung quanh. Thêm nữa, vào mùa khô, nhiều hộ dân thiếu nước để phục vụ sinh hoạt. Do đó, việc xây dựng công trình nước sạch có ý nghĩa rất quan trọng đối với người dân.

6.6. Nhà ở

Kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở của Hoà Bình toàn tỉnh năm 2019 có 220.630 hộ. Trong đó hộ ở khu vực thành thị là 38.434 hộ và hộ ở khu vực nông thôn là 182.196 hộ. So sánh với kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 sau 10 năm tăng 25.068 hộ (tăng 12,81%).

Số lượng nhà kiên cố và bán kiên cố trên phạm vi toàn tỉnh là 90,6%; nhà thiếu kiên cố và đơn sơ là 9,4%.

Theo kết quả Tổng điều tra năm 2019 có 100% số hộ của Hoà Bình có nhà ở, trong đó có 0,6 là nhà chung cư và 99,4% là nhà riêng lẻ.

Khu vực thành thị có 98,5% nhà kiên cố và bán kiên cố; 1,5% nhà thiếu kiên cố và đơn sơ. Thành thị có 3,4% là nhà chung cư và 96,6% là nhà riêng lẻ

Khu vực nông thôn có 89% nhà kiên cố và bán kiên cố; 11,1% nhà thiếu kiên cố và đơn sơ. 100% các nhà ở khu vực nông thôn là nhà riêng lẻ.

Nhà ở cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc vùng núi thường sống dọc sông, suối do tập quán sinh hoạt nên khi lũ quét, sạt lở đất xảy ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người và tài sản. Vấn đề nữa là quỹ đất hạn hẹp nên việc xây dựng nhà ở tái định cư cho người dân cũng gặp nhiều khó khăn.

Năm 2017, đã xảy ra những trận lũ quét, sạt lở đất đặc biệt nghiêm trọng trên diện rộng tại các huyện Tân Lạc, Đà Bắc, thành phố Hoà Bình vào giữa tháng 10. Trận mưa lũ lịch sử gây thiệt hại nặng nề làm 42 người chết và mất tích, 6.625 nhà bị hư hỏng ngập nước, 1.435 nhà phải di dời khẩn cấp¹⁶. Đến nay, vẫn còn nhiều hộ đang sinh sống tại những nơi không bảo đảm an toàn có nguy cơ cao ảnh hưởng lũ quét, sạt lở đất, cần bố trí đất tái định cư khẩn cấp. Trong các loại hình thiên tai thì lũ quét, sạt lở đất gây thiệt hại về người và tài sản rất lớn, để lại hậu quả sau nhiều năm mới có thể khắc phục và làm giảm tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Đây cũng là thiên tai đặc trưng ở vùng núi phía Bắc Việt Nam.

Trận mưa lớn tại khu vực xóm Khanh, xã Phú Cường, huyện Tân Lạc tháng 10/2017 làm sạt lở đất nghiêm trọng. Từ trên đỉnh thác Khanh, hàng nghìn mét khối đất đá ập xuống, vượt qua lòng suối vùi lấp nhiều căn nhà và 18 người.

Năm 2018, sau đợt mưa từ trung tuần tháng 7 xuất hiện 38 điểm sạt lở làm hơn 70 gia đình ở thành phố Hoà Bình bị ảnh hưởng, trong đó, 11 ngôi nhà

¹⁶ Theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 về việc phương án ứng phó thiên tai năm 2018 tỉnh Hoà Bình.

sập hoàn toàn, 60 ngôi nhà khác bị sập một phần hoặc rạn nứt. Hiện tượng sạt lở xảy ra nghiêm trọng nhất tại tổ 26, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình.

Vùng sạt lở có địa chất phức tạp, nằm trong dãy đứt gãy, đất đá đập vỡ mạnh có độ rỗng lớn, các chỉ tiêu cơ lý của đất đá thấp dễ thấm nước; khi mưa kéo dài lượng nước ngấm lớn gây bão hòa nước dẫn đến sạt lở đất. Nhà ở cần phải được quan tâm, đầu tư hơn nữa để người dân an cư lạc nghiệp cũng như xây dựng tốt hơn để phòng chống, giảm nhẹ ảnh hưởng của thiên tai, cũng cần phải có những tính toán để chống chịu được những loại hình thiên tai đặc trưng tại địa phương.

6.7. Vệ sinh môi trường

Trên toàn tỉnh Hòa Bình có 36,1% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại trong nhà; 39% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại ngoài nhà; 23,9% dùng hố xí khác và 1,1% không có hố xí.¹⁷

Khu vực thành thị có 84,5% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại trong nhà; 14,3% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại ngoài nhà; 1,2% dùng hố xí khác và 0,1% không có hố xí.

Khu vực nông thôn có 25,9% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại trong nhà; 44,2% các hộ dùng hố xí tự hoại/ bán tự hoại ngoài nhà; 28,7% dùng hố xí khác và 1,3% không có hố xí. Số hộ dân nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm trên 70%; số chuồng trại chăn nuôi xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường chiếm trên 60%.

Công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sau thiên tai được chính quyền quan tâm, chỉ đạo sát sao. Sở Y tế tỉnh hướng dẫn người dân khử trùng, chủ động phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm trong mùa mưa lũ. Đặc biệt trong bối cảnh covid-19 đang diễn biến phức tạp thì đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, khử khuẩn là vấn đề ưu tiên đặt lên hàng đầu để tránh lây lan trong cộng đồng.

6.8. Thông tin liên lạc

Theo điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỉnh Hòa Bình có 92,4% các hộ gia đình có tivi; 11% có đài/ radio; 18,5% có máy tính; 94% sử dụng điện thoại cố định/ di động.

Khu vực thành thị có 96,9% các hộ gia đình có tivi; 11,7% có đài/ radio; 46,6% có máy tính; 97,4% sử dụng điện thoại cố định/ di động.

Khu vực nông thôn có 91,4% các hộ gia đình có tivi; 10,8% có đài/ radio; 12,5% có máy tính; 93,3% sử dụng điện thoại cố định/ di động.

Mạng Bưu chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân.

Đài phát thanh và Truyền hình Hòa Bình, Báo Hòa Bình, Trung tâm văn

¹⁷ Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê.

hóa – thông tin và thể thao các huyện, thị xã, thành phố, Đài truyền thanh cơ sở thực hiện tốt công tác phổ biến các kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT&TKCN đến người dân; Phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Ngoài ra còn có hệ thống giao ban trực tuyến đảm bảo thông suốt để tổ chức các hội nghị trực tuyến triển khai công tác PCTT&TKCN của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định 297/QĐ-UBND ngày 7/3/2017 về việc phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 của viễn thông Hòa Bình. Mục tiêu phát triển đến năm 2020 là phủ sóng thông tin di động đến 100% khu vực dân cư trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm gần đây, tình hình thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, mức độ ngày càng cao đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội. Do đó, biến đổi khí hậu như hiện nay ngày càng khó lường, khó dự báo chính xác cả về thời gian và cường độ cũng như thiệt hại gây ra. Vì vậy, việc bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp khi gặp thảm họa thiên tai là đặc biệt quan trọng, nhằm bảo đảm an toàn và giảm thiệt hại thấp nhất đối với người dân.

CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng chống thiên tai

1.1. Hiện trạng thực thi và ban hành các văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn các năm qua

Để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả; giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do các sự cố, thiên tai gây ra; bảo đảm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; góp phần phát triển kinh tế-xã hội bền vững; hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh đều ban hành Chỉ thị về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ra quyết định thành lập, kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) thành phố, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, thành viên Ban Chỉ huy.

Ngoài ra Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã ban hành nhiều công điện và văn bản chỉ đạo các ngành, các cấp và các đơn vị triển khai thực hiện ứng phó với thiên tai.

- Ban hành và phê duyệt các Kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm.

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hòa Bình.

- Ban hành Quy chế trực ban, họp giao ban điều hành, ứng phó thiên tai của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình.

- Ban hành kế hoạch công tác của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN hàng năm.

- Kế hoạch Kiểm tra công tác phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trước mùa mưa lũ chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, phòng chống lụt bão.

- Ban hành các quy định về việc chuẩn bị dụng cụ, vật tư và hoạt động của đội tuần tra canh gác trên các điểm canh đê phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trong mùa lũ.

Công tác phòng, chống thiên tai từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến các cấp, ngành đã thực hiện, triển khai đầy đủ các quy trình, điều hành và thực thi các văn bản pháp luật về phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn nói riêng cũng như các văn bản liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai nói chung.

Đánh giá mức độ hiệu quả thực thi pháp luật

Hòa Bình là địa phương thực hiện rất nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của các cơ quan Trung ương. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ; Chỉ thị số 42/CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống

thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình¹⁸. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai và Kết luận số 312 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình¹⁹ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất các dự án về phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Tỉnh uỷ Hoà Bình và UBND tỉnh Hoà Bình đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai²⁰;

- Công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh luôn được chú trọng và đặt lên hàng đầu. Tỉnh và các đơn vị có liên quan đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác phòng chống thiên tai, cụ thể như sau:

+ Trước tình hình thiên tai bất thường và đột xuất, UBND tỉnh đã sớm ban hành các Chỉ thị về tăng cường phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; các văn bản chỉ đạo, triển khai các công tác tăng cường đảm bảo an toàn cho công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ năm; Kế hoạch kiểm tra đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

+ Về phương án bảo vệ đê điều, hồ đập, công trình xung yếu: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ an toàn các trọng điểm, xung yếu đê điều trong mùa mưa lũ; Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý đê điều, chuẩn bị sẵn sàng hộ đê PCTT và TKCN.

+ Về phương án chống hạn, thiếu nước trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh ban hành Báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT về tình hình nguồn nước sản xuất và phương án phòng chống hạn, thiếu nước, đồng thời đề xuất Bộ kinh phí hỗ trợ nạo vét chống hạn cho tỉnh; thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT đã thanh tra diện rộng việc chấp hành các quy định của pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của đội xung kích PCTT cấp xã theo Nghị quyết số 76/NQ-CP: triển khai thực hiện củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã. Đã được cụ thể hóa qua các văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện như: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị về công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, đê điều và chuẩn bị sẵn sàng hộ đê, chống mưa lũ trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị về công tác phòng tránh lũ ống, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn tỉnh²¹ và đưa các nội dung, hướng dẫn, kiện toàn, thành lập đội xung kích này là một mục tiêu để chỉ đạo

¹⁸Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 10/8/2018

¹⁹Văn bản số 2020/UBND-NNTN ngày 30/11/2018

²⁰Kế hoạch số 301-KH/TU ngày 24/7/2020 của tỉnh uỷ Hoà Bình; Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh;

²¹ Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh

đôn đốc; đặc biệt là việc đưa nội dung về xây dựng lực lượng xung kích phòng chống thiên tai vào Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai, tỉnh Hòa Bình; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thường xuyên đôn đốc các địa phương thực hiện xây dựng và củng cố Đội xung kích Phòng chống thiên tai cấp xã đã được Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT hướng dẫn Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020²². Hiện nay, Hội Chữ Thập đỏ tỉnh đã thành lập 05 đội Ứng phó thảm họa mỗi đội 24 người trên địa bàn các xã trọng điểm²³ về thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công tác báo cáo quý về Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai²⁴ đến thời điểm báo cáo đã thành lập được 151/151 đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Công tác phòng, chống thiên tai đã được quan tâm, hệ thống văn bản về công tác phòng chống thiên tai đã từng bước được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Thực hiện các văn bản pháp luật về PCTT của Trung ương cũng như các văn bản triển khai của địa phương đến nay, tỉnh đã xây dựng, kiện toàn được tương đối hoàn chỉnh hệ thống bộ máy cũng như cơ sở vật chất nhằm đảm bảo ứng phó, an toàn và hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Hệ thống chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp

2.1. Kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp

Trên cơ sở quy chế hoạt động của ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN đã được người có thẩm quyền phê duyệt, Hệ thống Ban chỉ huy (BCH) PCTT & TKCN được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cấp huyện/ thị xã và cấp phường/ xã. Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành lập BCH PCTT & TKCN của cơ quan, đơn vị. Hàng năm hệ thống chỉ huy, chỉ đạo của tỉnh được cập nhật, bổ sung phù hợp với nhân sự, thực tế thông qua các quyết định, chỉ thị, nghị quyết.

Đối với UBND cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành: Ban chỉ huy PCTT&TKCN cũng đã được thành lập, kiện toàn trước mùa mưa, bão.

2.2. Kiện toàn và nâng cao năng lực Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp

Việc kiện toàn và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh được lãnh đạo tỉnh chỉ đạo thông qua tổng kết công tác phòng chống thiên tai và TKCN của năm trước và các chỉ thị, văn bản đôn đốc của UBND tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và được triển khai thực hiện ngay từ đầu năm.

²² Văn bản số 27/BCH-VP ngày 01/4/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

²³ Các xã: Đồng Tâm, Yên Bồng, Khoan Dụ, An Bình, Thống Nhất thuộc huyện Lạc Thủy.

²⁴ Các Văn bản: Số 76/BCH-VP ngày 24/6/2020; số 116/BCH-VP ngày 24/9/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định kiện toàn và phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh gồm: kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hòa Bình; thành lập Đoàn công tác của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh phụ trách địa bàn các huyện, thành phố; phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hòa Bình; kế hoạch công tác năm của Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh.

Các địa phương trong tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan đã thực hiện tốt công tác kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCN của đơn vị, địa phương mình. Hàng năm tổ chức hội nghị tổng kết công tác PCTT&TKCN, có những bài học kinh nghiệm để xây dựng phương hướng kế hoạch PCTT&TKCN cho năm tới.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

Trên địa bàn tỉnh, các trạm khí tượng Thủy văn chuyên dùng đã được lắp đặt là 05 trạm đo mực nước, 05 trạm cảnh báo thiên tai, 17 trạm đo mưa quốc gia, 31 trạm đo mưa tự động (do Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh quản lý). Nhìn chung các trạm này được lắp đặt trên các điểm có thể bao quát nhiều khu vực xung quanh, đánh giá tương đối về mức độ ảnh hưởng thiên tai quanh khu vực đó; các trạm đo mưa quốc gia và đo mưa tự động đã được lắp đặt tại các điểm thường xuyên xuất hiện mưa lớn, các điểm trên các tuyến sông chính, hồ chứa lớn,... và đã được phân bố tại các huyện thành phố để thu thập thông tin đầy đủ và sát với thực tế. Từ đó, đưa ra các dự báo, cảnh báo sớm để các cấp chính quyền địa phương chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Đối với các khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét, sạt lở đất, tỉnh Hoà Bình đã tiếp nhận bản đồ sản phẩm của Đề án “Điều tra, đánh giá và phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá các vùng miền núi Việt Nam”, bản đồ đánh dấu các khu vực có nguy cơ trượt lở đất đá trên địa bàn tỉnh Hoà Bình từ đó đưa ra phương án ứng phó kịp thời, phù hợp, khoanh vùng rủi ro thiên tai để cảnh báo, khuyến nghị người dân di dời đến khu vực an toàn, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.

Trong năm 2021, dự kiến lắp đặt một số trạm quan trắc, thiết bị quan trắc theo dõi hiện tượng sụt lún, sạt lở đất tại một số điểm sạt lở nghiêm trọng như: Khu vực đồi Ông Tượng, thành phố Hoà Bình. Từ các thiết bị này theo dõi được các dịch chuyển của khối đất đá, xung quanh khu vực có nguy cơ sạt lở; dự báo, cảnh báo các khả năng xảy ra sạt lở, trượt lở tại khu vực; triển khai được phương án đảm bảo an toàn cho người dân.

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống, thiên tai

Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ PCTT của tỉnh tại Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình (Chi cục Thủy lợi) có 151 áo phao; 3.000 bao tải dứa; 39 nhà bạt; 670 phao tròn; 950 rọ thép. Hiện các vật tư dự trữ trên đang được tập kết tại kho của Ban chỉ huy

PCTT&TKCN tỉnh; riêng đá học được tập kết tại vị trí K1+450- K2+50 đê Quỳnh Lâm, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình.

Vật tư phương tiện phục vụ phòng chống thiên tai tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh như sau:

- Vật tư: 2.400 bao tải dứa làm bao đựng đất; 378 áo phao; 110 phao tròn cứu sinh; 80 cuốc xẻng; 4 búa các loại; 9 nhà bạt; 8 đèn tích điện; 500 cọc tre; 1 máy phát điện; 1 xuồng cao tốc.

- Phương tiện: 10 ô tô tải loại 5-10 tấn; 2 máy xúc; 1 máy ủi; 5 xuồng máy

- Lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh thiết yếu: đảm bảo cho khoảng 300 người trong 03 ngày. (*Chi tiết Phụ lục 10*)

Trang thiết bị, phương tiện phục vụ chỉ huy điều hành cũng như phục vụ công tác ứng phó thiên tai ở các cấp còn thô sơ và thiếu, không thường xuyên bảo dưỡng sử dụng, khi cần thiết không vận hành được khiến công tác ứng cứu khi có thiên tai không đáp ứng được yêu cầu, hầu hết các địa phương chưa có kho vật tư chuyên dùng thường phải kết hợp các phòng khác hoặc để vật tư ngoài trời.

Đầu năm 2020, UBND tỉnh đã cho phép xuất cấp vật tư phòng chống thiên tai cho các cơ quan, đơn vị để phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh năm 2020: Công an tỉnh 21 bộ nhà bạt, 01 bộ thiết bị chữa cháy đồng bộ²⁵; UBND huyện Đà Bắc 01 máy phát điện; UBND thành phố Hòa Bình 01 xuồng ST600²⁶; Chi cục Kiểm lâm 01 máy chữa cháy²⁷.

Để phục vụ công tác phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã đề xuất nhu cầu trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn năm 2021, tỉnh Hòa Bình gửi Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ cho tỉnh²⁸.

5. Lực lượng cứu hộ, cứu nạn

Các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh bao gồm: Lực lượng Quân sự, Công an là lực lượng nòng cốt trong công tác cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn tỉnh; chủ lực trong công tác phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân di dời, chống tràn, khơi thông dòng chảy, cứu hộ, cứu nạn, thông tin kịp thời tới người dân và khắc phục bước đầu sau thiên tai trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Các đơn vị tập trung lực lượng, phương tiện sẵn sàng khi có lệnh, chủ động ứng cứu trên từng địa bàn các huyện, xã phường thậm chí trực chiến ở những khu vực ngập lũ bị cô lập chia cắt như khu vực Lạc Thủy, Yên Thủy, Lương Sơn; khu vực ảnh hưởng bởi sạt lở đất ở Đà Bắc, Mai Châu; Lạc

²⁵ Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của UBND tỉnh

²⁶ Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh

²⁷ Quyết định 885/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh

²⁸ Công văn số 13/BCH-PCTT ngày 2/2/2021 của BCH PCTT tỉnh Hòa Bình.

Son, Kim Bôi, Tân Lạc, Thành phố và các khu vực xung yếu, địa bàn trọng điểm khi mưa lớn, lũ, ngập lụt, ngập úng.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

+ Căn cứ đặc điểm và điều kiện cụ thể các khu vực trong tỉnh, khảo sát đánh giá các trọng điểm xung yếu, xây dựng phương án tổ chức lực lượng sẵn sàng ứng phó các sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn sát với thực tế đảm bảo nhanh chóng và có hiệu quả. Trong phương án tìm kiếm cứu nạn cần quan tâm đến các lực lượng của Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt quy chế phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

+ Hướng dẫn, lồng ghép hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trên địa bàn tỉnh hàng năm đảm bảo hiệu quả theo phương châm “bốn tại chỗ”.

+ Khi có lệnh huy động chi viện, hỗ trợ nhanh chóng huy động nhân lực, phương tiện, vật tư để tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân và khắc phục hậu quả thiên tai được kịp thời.

+ Phối hợp với dân y cơ sở để tham gia cứu chữa các trường hợp bị thương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh sau bão, lũ.

+ Bố trí cán bộ bám sát địa bàn cơ sở để phối hợp triển khai thực hiện phương án, đồng thời duy trì liên lạc thường xuyên với bộ phận chỉ huy tại trung tâm.

- Công an tỉnh:

+ Xây dựng phương án, Chỉ đạo và tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân các vùng trọng điểm khi có tình huống phải sơ tán.

+ Tổ chức lực lượng cơ động, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và lực lượng cứu hộ tại chỗ tổ chức tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

+ Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các ngành liên quan tăng cường tuần tra, kiểm soát việc khai thác cát, khoáng sản trái phép khu vực hạ lưu đập thủy điện Hoà Bình và các địa bàn trong tỉnh.

+ Phối hợp với sở Giao thông vận tải trong việc đảm bảo giao thông tại các vị trí ảnh hưởng do thiên tai, đặc biệt tại các điểm sạt lở ách tắc giao thông, ngầm tràn.

+ Tại những vùng người dân vừa đi sơ tán khẩn cấp, chỉ đạo các lực lượng công an tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm triển khai phương án giữ gìn trật tự, an ninh, bảo vệ nhà cửa, tài sản cho người dân. Khi hết thiên tai cần đảm bảo bà con trở về nơi ở cũ, an toàn, trật tự; phân luồng giao thông đảm bảo giao thông được thông suốt.

6. Thông tin, truyền thông trong Phòng, chống thiên tai

Ủy ban nhân dân các cấp và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời, chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân vùng thiên tai, đặc biệt vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

- Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng các hình thức truyền tin có sẵn tại địa phương như:

+ Phát tín hiệu bằng âm thanh từ các loại phương tiện thô sơ như trống, kèn, loa cầm tay.

+ Sử dụng lực lượng hỏa tốc mỗi xã biên chế từ 10 đến 20 người khỏe mạnh, nhanh nhẹn, thông thạo địa hình trong đội giao liên hỏa tốc để truyền tin khi các phương tiện thông tin liên lạc khác bị mất tác dụng do bão, mưa lũ, sạt lở đất chia cắt.

+ Huy động toàn bộ các phương tiện truyền tin hiện có như điện thoại di cố định, điện thoại di động và mạng internet để nhanh chóng truyền tin.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, đôn đốc các Bru cục đảm bảo thông tin thông suốt trong địa bàn quản lý, đặc biệt ưu tiên các xã có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chỉ đạo đầu tư trang thiết bị phù hợp với địa bàn tỉnh, đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo, chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai của cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai, các cấp chính quyền đến người dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã thành lập trang facebook với tên miền “Thông tin phòng chống thiên tai tỉnh Hòa Bình” và tuyên truyền yêu cầu Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp lập trang facebook của đơn vị, nhằm kết nối, thông tin, theo dõi tin tức, chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương²⁹; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT³⁰.

Nhằm nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai; cảnh báo, dự báo về thiên tai, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã tuyên truyền một số tài liệu hướng dẫn nhân dân biết cách nhận biết, kỹ năng ứng phó với lũ, lũ quét, sạt lở đất và dông, lốc, sét kèm mưa đá để chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại tại website: phongchongthientai.mard.gov.vn/Pages/Tai-lieu-truyen-thong-pctt.aspx từ đó người dân biết cách phòng tránh. Thành lập trang Facebook của tỉnh, cấp huyện, cấp xã; thành lập các nhóm zalo (nhóm kín) về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, thành viên gồm các đồng chí của Văn phòng Thường trực tại tỉnh và các đồng chí trực tiếp làm công tác phòng chống thiên tai ở cấp huyện.

²⁹ Văn bản 14/BCH-VP ngày 27/02/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

³⁰ Văn bản số 19/BCH-VP ngày 16/03/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

Hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai các năm vừa qua, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Hòa Bình đã ban hành văn bản gửi các địa phương, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Hòa Bình tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai. Chi cục Thủy lợi (Văn phòng TT Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh) đã triển khai lắp đặt bảng điện tử để tuyên truyền về công tác phòng chống thiên tai và cập nhật tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh. Các địa phương, cơ quan, đơn vị cũng đã chủ động triển khai các hoạt động hưởng ứng tuần lễ Quốc gia phòng chống thiên tai bằng cách hình thức: Tuyên truyền trên báo, đài, loa truyền thanh của các thôn bản; treo băng rôn, áp phích tại các trụ sở, cơ quan phòng chống thiên tai.

Khi được dự báo, cảnh báo có thể xảy ra các đợt thiên tai trên địa bàn tỉnh, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh gửi các đường link, pano, áp phích qua e-mail để các địa phương triển khai công tác tuyên truyền xuống đến cấp xã từ đó cảnh báo đến từng thôn bản để người dân nắm thông tin, phòng tránh.

Tuy nhiên, chưa có các hình thức thông tin phù hợp đối với các khu vực vùng cao, vùng sâu, đặc biệt là các khu vực dân cư sinh sống chủ yếu dựa vào làm nương rẫy, du canh, du cư, khi có thông tin về thiên tai, mưa lũ việc thông báo cho người dân đang đi làm nương rẫy là hết sức khó khăn, do địa hình chia cắt, thông tin liên lạc không được thông suốt.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong Phòng, chống thiên tai

Do thiên tai ngày càng diễn biến bất thường, với nhiều loại hình khác nhau ở Việt Nam nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng, nên để chủ động ứng phó với tình trạng này, việc đẩy mạnh vai trò của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cần được coi trọng.

Thực hiện Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác PCTT, UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành kế hoạch thực hiện, mục tiêu chung là nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản của nhân dân và nhà nước; tạo điều kiện phát triển bền vững, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và từng bước xây dựng cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai.

Trong công tác triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”, một số xã đã thành lập được nhóm nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng thực hiện công tác đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hỗ trợ tham mưu cho chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai dựa vào cộng đồng.

Thiên tai ngày càng bất thường, để tăng cường công tác chủ động ứng phó, hướng tới những đối tượng dễ bị tổn thương, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đã đề nghị Tổng cục Phòng chống thiên tai xem xét hỗ trợ công tác tuyên truyền, tập huấn “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa

vào cộng đồng” cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai³¹.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức diễn tập phương án ứng phó thiên tai các cấp và hướng dẫn UBND các huyện, thành phố tổ chức diễn tập phương án phòng chống thiên tai cấp huyện hàng năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID 19 nên công tác diễn tập triển khai thực hiện chậm so với kế hoạch đề ra.

Đồng thời, Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh (Chi cục Thủy lợi) đã phê duyệt Kế hoạch Đào tạo tập huấn tuyên truyền “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” cho cán bộ cấp xã; hướng dẫn thực hiện tiêu chí 3.2 phòng chống thiên tai trong xây dựng nông thôn mới tại các xã Phú Cường, huyện Tân Lạc; xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc; xã Yên Trị, huyện Yên Thủy; xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy.

Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai chủ trì phối hợp với Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh triển khai xây dựng mô hình thí điểm nâng cao năng lực cho chính quyền và người dân sẵn sàng ứng phó với thiên tai tại xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy.

Trong những năm qua, tỉnh Hòa Bình đã triển khai thực hiện công tác ứng phó thiên tai theo nội dung đã được phê duyệt và được áp dụng cho các năm tiếp theo, hàng năm sẽ tiến hành rà soát lại để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, theo nội dung Sổ tay hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TW/PCTT ngày 18/02/2020 của Trưởng ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã ban hành Văn bản về việc rà soát, xây dựng phương án ứng phó thiên tai tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai³² gửi các địa phương để triển khai thực hiện; một số địa phương đã nghiên cứu, tuyên truyền đến cấp xã, phường triển khai xây dựng phương án theo Sổ tay hướng dẫn. Việc cập nhật phương án ứng phó thiên tai cấp tỉnh theo nội dung Sổ tay hướng dẫn sẽ triển khai từ năm 2021.

Việc kêu gọi các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác phòng chống, ứng cứu sự cố thiên tai bên cạnh các lực lượng của chính quyền là phương cách hiệu quả để áp dụng phương châm bốn tại chỗ. Sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong công tác ứng phó thiên tai trong những năm vừa qua đã giúp cho các địa phương nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân cũng như các thực hiện có hiệu quả các hoạt động phòng chống thiên tai khác;

Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã được thành lập mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ngay từ

³¹ Văn bản số 51/BCH-VP ngày 19/5/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

³² Văn bản số 22/BCH-VP ngày 26/3/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

những giờ đầu tại các địa phương; phát huy hiệu quả của lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai tại địa phương. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thường xuyên đôn đốc các địa phương thực hiện xây dựng và củng cố Đội xung kích Phòng chống thiên tai cấp xã đã được Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT hướng dẫn Quyết định số 08/QĐ-TW/PCTT ngày 27/3/2020³³. Hiện nay, Hội Chữ Thập đỏ tỉnh đã thành lập 05 đội Ứng phó thảm họa mỗi đội 24 người trên địa bàn các xã trọng điểm³⁴ về thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thực hiện công tác báo cáo quý về Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai³⁵ đến thời điểm báo cáo đã thành lập được 151/151 đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng còn nhiều hạn chế do thiếu hệ thống, phương tiện và kinh phí, khu vực đồng bào thiểu số. Việc kiểm tra công tác chuẩn bị phòng chống thiên tai của cơ quan thường trực đối với các địa phương, các ngành chưa được duy trì thường xuyên; Công tác cập nhật thông tin do ảnh hưởng của thiên tai còn chậm; sự phối hợp của Văn phòng thường trực và các địa phương chưa đồng bộ dẫn đến có những thời điểm thông tin cung cấp chưa chính xác.

Một số địa phương còn có tình trạng chủ quan, chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm của thiên tai, chưa kiên quyết trong việc đôn đốc, hướng dẫn, cưỡng chế người dân khi xảy ra thiên tai mưa lũ. Còn nhiều trường hợp, chính quyền địa phương vẫn để người dân khi có thiên tai mưa lũ chưa chịu di dời hoặc vẫn để người và phương tiện đi qua ngầm tràn, đánh bắt thủy sản khi nước lũ dâng cao... tại vùng nguy hiểm.

8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

Công trình PCTT của tỉnh Hòa Bình bao gồm trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, chống úng, chống hạn, chống sạt lở, nhà ở kết hợp sơ tán dân và công trình khắc phục vụ cho phòng, chống thiên tai do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng³⁶.

Trong những năm gần đây, các công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã được đầu tư, xây dựng để đảm bảo khai thác tối đa và góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tuy nhiên hệ thống cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế, địa hình miền núi phức tạp; khi có thiên tai xảy ra một bộ phận dân cư bị cô lập, việc tiếp cận chậm do tắc đường, thông tin liên lạc bị gián đoạn không thông suốt do mất điện, thiếu phương án thông tin dự phòng.

8.1. Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn

Hiện tại hệ thống quan trắc và dự báo khí tượng, thủy văn luôn theo dõi

³³ Văn bản số 27/BCH-VP ngày 01/4/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh

³⁴ Các xã: Đồng Tâm, Yên Bồng, Khoan Dụ, An Bình, Thông Nhất thuộc huyện Lạc Thủy.

³⁵ Các Văn bản: Số 76/BCH-VP ngày 24/6/2020; số 116/BCH-VP ngày 24/9/2020 của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh;

³⁶ Luật Phòng chống thiên tai

chặt chẽ tình hình thời tiết, khí tượng, thủy văn. Các công trình đo đạc, quan trắc của các trạm đã được kiên cố hoá, máy móc, thiết bị đo đạc lạc hậu, thủ công đã dần được thay thế bằng các thiết bị hiện đại, tự động và bán tự động. Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin dự báo khí tượng, thủy văn phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh.

Các trạm khí tượng và các trạm thủy văn của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hòa Bình.

Về các trạm Khí tượng:

Trạm khí tượng do Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hòa Bình quản lý có 5 trạm: trạm khí tượng Hòa Bình (phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình); trạm Mai Châu (thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu); trạm Lạc Sơn (xã Liên Vũ, huyện Lạc Sơn); trạm Kim Bôi (thị trấn Bo, huyện Kim Bôi); trạm Chi Nê (thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy).

Các trạm thủy văn: trên địa bàn tỉnh có 3 trạm thủy văn: trạm Hòa Bình (xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình); trạm Lâm Sơn (xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn); trạm Hưng Thi (xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy).

Các trạm đo mưa:

- Đài khí tượng thủy văn tỉnh có 17 trạm
- Chi cục Thủy lợi có 21 trạm
- Chi cục Thủy lợi có 10 trạm hỗ trợ từ Quỹ cộng đồng phòng chống thiên tai (*Chi tiết tại phụ lục 3*)

Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tình hình thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh ngày càng nghiêm trọng, các giá trị cực trị về lượng mưa, đỉnh lũ các năm liên tục bị phá vỡ, tần suất xuất hiện mưa to và lũ lớn ngày càng cao hơn, như năm 2017 và năm 2018, tỉnh Hòa Bình do mưa to kéo dài, xuất hiện trận lũ lịch sử trên các tuyến sông Bùi, sông Bôi, sông Bưởi với lượng mưa lớn nhất diễn ra trong 2 ngày (10-11/10/2017) từ 293 - 466mm. Đặc biệt trong tháng 10/2017 nhà máy thủy điện Hòa Bình đã phải mở 8 cửa xả mực nước xấp xỉ báo động I, tháng 7/2018 mở 4 cửa xả làm ngập toàn bộ các khu vực thấp trũng ven sông Đà, thành phố Hòa Bình phải di chuyển khẩn cấp 74 hộ dân làng chài phường Tân Thịnh, việc mưa lũ lớn gây thiệt hại nặng nề về người, cơ sở hạ tầng; làm xuất hiện rất nhiều các điểm sạt lở nghiêm trọng, nhiều nhà cửa của người dân bị hư hỏng, vùi lấp, ước tính từ năm 2017 đến năm 2019 đã có 3.387 hộ với 6.308 nhân khẩu bị sạt lở mất nhà hoặc nguy cơ sạt lở phải di chuyển; mưa lũ lớn cũng làm nhiều công trình phòng chống thiên tai bị hư hỏng xuống cấp qua kiểm tra thống kê trước mùa mưa lũ năm 2020 có 197 hồ chứa bị hư hỏng xuống cấp; 105 điểm, với 1.510 hộ nằm trong khu vực có nguy cơ cao về sạt lở đất, đá lăn; có 92 điểm, với 429 hộ nằm trong khu vực thường xuyên bị lũ ống, lũ quét; có 78 điểm, với 1.004 hộ nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập úng.

Hiện nay, việc dự báo lượng mưa sát với thực tế là một vấn đề rất khó;

các mô hình số trị dự báo mưa đang sử dụng cũng chưa có kết quả ở mức chính xác cao. Vì vậy, việc sử dụng các số liệu tại các mạng lưới đo mưa chuyên dùng phòng chống thiên tai tại địa phương (theo khoản 3, Điều 10, Luật khí tượng thủy văn) là hết sức cần thiết nhằm phục vụ chỉ đạo ứng phó kịp thời với mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất; đặc biệt trong việc cập nhật theo giờ để sẵn sàng đôn đốc các địa phương trong công tác phòng, chống của Văn phòng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

Với ưu điểm của các trạm đã được lắp đặt và khai thác từ năm 2016 như việc đo đạc, lưu trữ, điện báo hoàn toàn tự động, nguồn năng lượng duy trì hoạt động bằng pin mặt trời, số liệu gửi về theo cấu trúc tin nhắn sms của mạng thông tin hiện có tới hệ thống máy chủ thu số liệu để biên tập và lập báo cáo và các số điện thoại cần cung cấp, các trạm được lắp đặt thuận tiện, nhỏ gọn chiếm diện tích nhỏ. Do đó trong năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý tiếp tục triển khai lắp đặt và vận hành thêm 11 trạm và năm 2019 tiếp nhận 10 trạm do Quỹ Công đồng phòng tránh thiên tai hỗ trợ, nâng tổng số trạm đo mưa tự động do Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh quản lý lên 31 trạm.

Với tổng số trạm đo mưa tự động trên địa bàn tỉnh là 31 trạm, việc theo dõi mưa qua các trạm để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh và địa phương đã được nhanh chóng, thuận tiện, qua đó Văn phòng ban chỉ huy PCTT và TKCN thường xuyên theo dõi lượng mưa để đôn đốc các địa phương, như đợt mưa ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3/2019 (từ 01-05/8/2019) với lượng mưa từ 204 - 338mm và hoàn lưu bão số 4/2019 gây mưa lớn trên diện rộng, qua theo dõi lượng mưa trên hệ thống đo mưa tự động Văn phòng Ban chỉ huy đã thường xuyên đôn đốc các địa phương chủ động ứng phó với mưa lũ, qua đó đã giảm thiệt hại đáng kể về người, nhà và cơ sở hạ tầng cho người dân.

Bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế như công tác dự báo, cảnh báo sớm chưa thực hiện được dự báo về lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, chủ yếu mới chỉ dự báo được mưa và lũ trên các triền sông chính. Hệ thống trạm đo mưa đã được tự động một số trạm, tuy nhiên hầu hết vẫn đang ở dạng đo mưa thủ công nên tác dụng dự báo bị hạn chế nhiều.

8.2. Hiện trạng hệ thống công trình đê, kè và công trình thủy lợi

8.2.1. Hiện trạng hệ thống công trình đê, kè

a) Hệ thống đê

Đến năm 2020 hệ thống đê điều toàn tỉnh là 42,109 km gồm có 03 tuyến đê cấp III dài 9,2km là đê Đà Giang, đê Quỳnh Lâm và đê Ngòi Dong; 02 tuyến đê cấp IV dài 23,730 km và 03 tuyến đê cấp V dài 9,179 km do địa phương trực tiếp quản lý (các tuyến đê được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân cấp tại Quyết định số 3300/QĐ-BNN-TCTL ngày 11/8/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về

việc phân loại phân cấp đê trên địa bàn tỉnh Hòa Bình), các tuyến đê nằm trên địa bàn Thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn, huyện Yên Thủy.

Trong các năm vừa qua, hệ thống đê điều liên tục được xây mới, nâng cấp mở rộng và ngày càng kiên cố. Đặc biệt là các tuyến đê Đà Giang, Quỳnh Lâm và Ngòi Dong trên sông Đà, bảo vệ thành phố Hòa Bình hiện nay đã được nâng cấp mở rộng kết hợp giao thông đô thị với kích thước mặt đê Đà Giang rộng 9m, mặt đê Quỳnh Lâm rộng 12 m Ngòi Dong rộng 9m và có khả năng đảm bảo chống lũ với tần suất 0,33%.

Các tuyến đê Yên Trị, Phú Cường; tuyến đê sông Trung Minh, Thanh Lương, Xuân Dương cũng được đầu tư nâng cấp với tần suất chống lũ 5% góp phần đảm bảo an toàn cho khu vực dân cư các xã ven sông như sông Đà, sông Bôi, sông Đáy.

Hiện trạng các vị trí trọng điểm xung yếu:

- Đoạn từ K0+982 đến K1+187 đê Đà Giang thành phố Hòa Bình (đoạn đường chui qua cầu Hòa Bình)

Tuyến đê đã hoàn thành thi công nâng cấp mở rộng kết hợp làm đường giao thông. Khi nhà máy thủy điện Hòa Bình xả lũ mực nước đạt báo động II (+22m) tràn vào khu vực gây mất an toàn cho giao thông đi lại và nước lũ tiếp tục dâng cao trên mực nước thiết kế +24,15m nước có khả năng tràn vào khu vực phường Phương Lâm, Đồng Tiến qua vị trí cửa khẩu gây mất an toàn cho dân cư và các đơn vị hành chính thuộc địa bàn phường Phương Lâm và phường Đồng Tiến.

- Đoạn từ K2+500 đến K2+538 đê Đà Giang hiện nay đang khoan, đào và tháo dỡ một phần kè bảo vệ đê để thi công cầu Hòa Bình 2

Khi nhà máy thủy điện Hòa Bình xả lũ, mực nước sông Đà dâng cao trên mức báo động I (+21m) và tiếp tục có khả năng dâng cao gây sạt lở mái đê phía sông do dòng chảy.

- Đoạn từ K2+130 đến K2+164,4 đê Quỳnh Lâm

Vị trí từ K2+130 đến K2+164,5 hiện nay đã thi công hoàn thành nối dài cống tiêu số 3 vào tháng 12/2018 (chưa bàn giao đưa vào sử dụng) chưa trải qua thử thách lũ. Khi mưa lớn kéo dài nhà máy thủy điện Hòa Bình xả lũ, kết hợp mực nước suối Châm dâng cao đạt mức nước báo động II (+22m) và tiếp tục có khả năng dâng cao tràn vào các khu vực dân cư, đơn vị hành chính thuộc địa bàn phường Phương Lâm, Đồng Tiến và xã Sủ Ngòi.

- Cống tiêu C34 tại vị trí K0+830 đê Ngòi Dong

Hiện tại tuyến đê Ngòi Dong đã hoàn thành các hạng mục chống lũ; tuy nhiên cống tiêu C34 tại vị trí K0+830 vẫn chưa trải qua quá trình thử thách

phòng chống lũ, khi mực nước lũ đạt trên báo động I (+21,5m) và tiếp tục có khả năng dâng cao nước tràn vào trong đồng gây ngập lụt hoa màu, tài sản, mất an toàn cho các khu vực dân cư phường Thịnh Lang, Tân Thịnh thành phố Hòa Bình.

- *Cửa khẩu số 1 tại vị trí K00 đê Ngòi Dong (đường xuống bãi cát Thịnh Minh)*

Đây là vị trí nằm tại đầu tuyến đê Ngòi Dong cao trình nền cửa khẩu +23,56, cửa khẩu rộng 10m (bao gồm 02 khoang rộng 4m/khoang + trụ giữa dày 80cm + 2 trụ bên*60cm/trụ). Thân cửa khẩu dài 5,3m có kết cấu bằng BTCT, với hệ thống cánh phải đóng mở bằng tấm các bê tông cốt thép, được đặt tại vị trí mặt đê giáp cửa khẩu; đây là vị trí có khả năng nước tràn vào khu vực các phường Thịnh Lang, Tân Thịnh khi mực nước đạt trên báo động II +70cm.

b) Công trình kè bờ sông suối, phòng chống sạt lở

Trên toàn tỉnh có 21 đoạn kè dài tổng cộng 35,21 km phòng chống sạt lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư và đất sản xuất trên các tuyến sông Đà (thành phố Hòa Bình), sông Bưởi (huyện Lạc Sơn), sông Bôi (huyện Kim Bôi, Lạc Thủy), sông Bưởi (huyện Lương Sơn) với hình thức kè mái nghiêng hoặc tường đứng.

Hiện tại phần lớn các đoạn kè đang hoạt động ổn định. Tuy nhiên với tốc độ sạt lở bờ sông, suối như hiện nay một số công trình chưa đáp ứng được yêu cầu.

8.2.2 Hiện trạng công trình thủy lợi

- *Công trình tiêu úng:*

Với đặc điểm địa hình đồi núi, phần lớn diện tích trên địa bàn tỉnh được tiêu hoàn toàn bằng tự chảy không cần công trình tiêu.

Phần khu vực đồng bằng ven các trục sông ngoài việc tiêu tự chảy khi nước sông thấp thì phải yêu cầu tiêu bằng động lực khi nước sông lên cao. Một số diện tích được bảo vệ trong các đê bao tiêu qua cống dưới đê và tiêu động lực bằng trạm bơm điện (gồm có 4 trạm bơm tiêu) như vùng bảo vệ của tuyến đê Thanh Lương (trạm bơm điện Gò Mu, Xuân Him), vùng bảo vệ của tuyến đê Phú Cường (Trạm bơm Mom), vùng bảo vệ của tuyến đê Quỳnh Lâm (Trạm bơm Quỳnh Lâm và kênh tiêu 20), vùng bảo vệ của tuyến đê Ngòi Dong (Cống tiêu dưới đê Ngòi Dong).

Tuy nhiên hệ thống công trình cũng chưa đáp ứng được yêu cầu tiêu.

- *Công trình cắt lũ:*

Với hệ thống 544 hồ chứa gồm 49 hồ lớn; 151 đập, hồ chứa vừa; 274 đập, hồ chứa nhỏ. Các công trình hồ chứa phần lớn chỉ phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, việc tham gia cắt lũ, giảm lũ còn hạn chế.

Các hồ chứa đều xây dựng trên các nhánh suối nhỏ, chưa có công trình khai thác dòng chính (trừ Thủy điện Hòa Bình).

- Khả năng phục vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt và nông nghiệp

Công trình phục vụ tưới nông nghiệp

+ Đến năm 2020 (số liệu tổng hợp tại Quyết định 2472/QĐ-UBND ngày 07/11/2019 về phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh) toàn tỉnh có 1.995 công trình trong đó có: 544 hồ chứa, 1.345 đập dâng, mương kiên cố; có 76 trạm bơm tưới, 26 trạm thủy luân. Hệ thống kênh mương trên toàn tỉnh có tổng số 3.723 km kênh mương tưới các loại, đến năm 2019 đã kiên cố hoá được 1.870 km (đạt 50,22%).

Hệ thống công trình thủy lợi hiện nay đã cấp nước tưới chủ động phục vụ sản xuất cho Vụ Xuân và vụ Mùa đến năm 2019 là 53.000 ha, trong đó diện tích lúa 39.100 ha, màu 12.700 ha, cây ăn quả 2.300 ha, cấp nước NTTS là 40 ha. Tỷ lệ diện tích cây hàng năm được tưới chủ động đến 2019 đạt 45,85%; Tỷ lệ diện tích cây hàng năm được tiêu chủ động đến 2019 đạt 85,5%. Tỷ lệ diện tích được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước mới đạt 1,1%.

- Công trình nước sạch nông thôn

Theo rà soát thực hiện Thông tư 54/2013/TT-BTC và Thông tư 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính, đến hết năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hiện có 303 công trình cấp nước tập trung được xây dựng từ nhiều nguồn vốn trong đó 22 công trình hoạt động bền vững, chiếm tỷ lệ 7,3%; 66 công trình hoạt động trung bình, chiếm tỷ lệ 21,8%; 95 hoạt động kém hiệu quả, chiếm tỷ lệ 31,3%; 120 công trình không hoạt động, chiếm tỷ lệ 39,6%.

Đến năm 2020, tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 95%. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung còn thấp, chỉ đạt khoảng 35% ở mức thấp so với trung bình cả nước.

8.2.3. Tình hình đầu tư xây dựng công trình đê điều, công trình thủy lợi

Việc đầu tư xây dựng các công trình đê điều, công trình thủy lợi những năm qua được lãnh đạo tỉnh rất chú trọng để đảm bảo cho người dân, các hoạt động về kinh tế an toàn nhất khi xảy ra thiên tai, trong đó hệ thống đê điều trên địa bàn thành phố là ưu tiên. Hệ thống đê điều, thủy lợi tỉnh Hòa Bình được đầu tư xây dựng, củng cố và hoàn thiện với các hạng mục, cụ thể như sau:

- Công trình thủy lợi:

Qua báo cáo của các huyện, thành phố, Công ty Khai thác công trình thủy lợi, phần lớn các công trình đập, hồ chứa nước trên địa bàn các huyện được đánh giá đảm bảo an toàn. Tuy vậy hiện tại vẫn còn một số hồ chứa đang thi công, sửa chữa nhưng chậm tiến độ; một số công trình bị hư hỏng cần được tiếp tục sửa chữa nâng cấp để đảm bảo an toàn, cụ thể các nội dung như sau:

Theo rà soát hiện có 197 hồ bị hư hỏng xuống cấp, 36 hồ đang thực hiện sửa chữa, 311 hồ hoạt động bình thường. Số lượng hồ đập hư hỏng xuống cấp chiếm 36,2% tổng số hồ chứa toàn tỉnh, tuy nhiên do điều kiện khó khăn về kinh phí nên chưa có kinh phí để sửa chữa, nâng cấp, hàng năm các đơn vị quản lý, khai thác đang cố gắng gia cố, sửa chữa đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ.

Thống kê các hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp cần nâng cấp sửa chữa: Có tổng số 138 hồ đập, bai và công trình thủy lợi hư hỏng; các hồ đập bị hư hỏng ở các hạng mục như thấm qua thân và nền đập, lún, nứt, sạt trượt mái dốc, mặt cắt thân đập nhỏ, xói lở thượng hạ lưu, hư hỏng, xói lở tràn hoặc tràn không đảm bảo khả năng thoát lũ, rò rỉ cống lấy nước cần phải có kế hoạch để sửa chữa.

Tiến độ thực hiện các công trình khắc phục hư hỏng do thiên tai gây ra năm 2018 - 2019:

Tổng số công trình triển khai thực hiện là 73 công trình gồm 46 công trình được hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương, 15 công trình từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai, 12 công trình từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó:

- + 12 công trình đang thi công đạt tiến độ từ 10 – 95% khối lượng;
- + 59 công trình đã hoàn thành;
- + Các công trình đang thi công đẩy nhanh tiến độ đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ.³⁷

Các công trình từ ngân sách Trung ương hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp kênh mương, hồ, bai, cầu đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với tổng mức đầu tư là 163.500 triệu đồng. Các công trình từ Quỹ phòng, chống thiên tai hỗ trợ thực hiện năm 2019 và , sửa chữa, nâng cấp bai, hồ với tổng mức đầu tư là 12.250 triệu đồng. Các công trình từ nguồn vốn khắc phục thiên tai năm 2019, sửa chữa nâng cấp hồ, lắp đặt máy bơm, khắc phục sạt lở, xây dựng khi tránh lũ với tổng kinh phí đầu tư là 68.833 triệu đồng.

- Công trình đề điều:

Các tuyến đề đầu tư, nâng cấp với tổng chiều dài là 40.926 km đang xin chủ trương, kinh phí dự kiến là 1.591 tỷ đồng:

- + Nâng cấp, mở rộng đề Quỳnh Lâm kết hợp làm giao thông, đoạn từ K2+000 đến K3+926, thành phố Hòa Bình, đề cấp III, chiều dài 1.926 km.
- + Nâng cấp tuyến đề lái lũ sau hồ Ngọc Lương 2, huyện Yên Thủy, đề cấp V, chiều dài 3.5 km.

³⁷ Theo “Báo cáo Kết quả kiểm tra công tác phòng chống thiên tai và hệ thống công trình thủy lợi trước mùa lũ bão 2020” của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình.

+ Xây dựng kéo dài tuyến đê Ngòi Dong, thành phố Hòa Bình, đê cấp III, chiều dài 2 km.

+ Xây dựng tuyến đê ngăn lũ xóm Yên Bình, xã Đoàn kết, huyện Yên Thủy, đê cấp V, chiều dài 3 km.

+ Xây dựng, nâng cấp tuyến đê Nam Thái, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, đê cấp V, chiều dài 1,5 km.

+ Tuyến đê kết hợp giao thông đường Pheo-Chẹ, đê cấp IV, chiều dài 16 km.

Các tuyến đê duy tu, sửa chữa với chiều dài 13 km, kinh phí dự kiến 70 tỷ đồng:

+ Duy tu, sửa chữa các tuyến đê: tuyến đê Đà Giang, Ngòi Dong, Quỳnh Lâm, thành phố Hòa Bình, đê cấp III, chiều dài 5 km.

+ Nâng cấp, mở rộng tuyến đê Trung Minh, thành phố Hòa Bình, đê cấp IV, chiều dài 2 km.

+ Duy tu sửa chữa tuyến đê Xuân Dương, Thanh Lương, huyện Lương Sơn, đê cấp V, chiều dài 3 km.

+ Duy tu sửa chữa tuyến đê Yên Trị, huyện Yên Thủy, đê cấp V, chiều dài 3 km.

8.3. Hệ thống điện, thông tin liên lạc trong công tác phòng, chống thiên tai

8.3.1. Hệ thống lưới điện trong công tác PCTT

Để sẵn sàng ứng phó với các sự cố có thể xảy ra trên hệ thống lưới điện, nhất là trước, trong và sau mùa mưa bão hằng năm, Công ty Điện lực Hòa Bình đều tiến hành đầu tư sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện lưới trên toàn thành phố; bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành an toàn hành lang lưới điện, cảnh báo, nâng cao nhận thức của người dân, các cơ quan, doanh nghiệp để đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản khi có thiên tai xảy ra.

Hiện nay, Công ty Điện lực Hòa Bình đang thực hiện nhiệm vụ cung ứng điện năng cho 09 huyện và 01 thành phố, với hơn 250.000 khách hàng sử dụng điện. Do địa hình của tỉnh hầu hết là đồi, núi dốc theo hướng Tây Bắc - Đông Nam nên khi vào mùa mưa bão sẽ có hàng trăm điểm tại các huyện như: Đà Bắc, Lạc Sơn, Mai Châu, Kim Bôi, Lạc Thủy... đứng trước nguy cơ cao xảy ra thiên tai. Đặc biệt, nhiều trạm biến áp, đường dây và cột điện sẽ nằm trong vùng chịu tác động mạnh nhất của các hình thái thời tiết cực đoan. Do đó, để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người, an toàn điện cho người dân, cũng như hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản do thiên tai, bão lụt gây ra, Công ty đã lập kế hoạch và đề ra nhiều giải pháp hiệu quả trong công tác phòng chống thiên tai nhằm phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong đó, Công ty đã thành lập và kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn do đồng chí Nguyễn Phúc Thịnh làm Trưởng ban chỉ đạo. Đồng thời, PC Hòa Bình cũng đã xây dựng các phương án phòng chống thiên tai; Thành lập các đội xung kích và nghiêm chỉnh tổ chức diễn tập theo các tình huống giả định.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã chỉ đạo Điện lực các huyện và thành phố tổ chức rà soát lưới điện để kịp thời phát hiện và khắc phục những khiếm khuyết, tồn tại trên lưới để vừa đáp ứng việc cung ứng điện năng vừa tăng cường hệ thống điện trong thời điểm thiên tai; Chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế dự phòng để kịp thời xử lý sự cố, hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản cho ngành Điện; Bố trí lực lượng ứng trực để xử lý sự cố và cấp điện trở lại cho người dân trong thời gian sớm nhất một cách an toàn. Ngoài ra, đối với lưới điện hạ áp nông thôn, do chất lượng nhiều thiết bị đã xuống cấp nên Công ty Điện lực Hòa Bình đã và đang tập trung thu xếp nguồn vốn để đầu tư, cải tạo sửa chữa hệ thống lưới điện nhằm đáp ứng được các yêu cầu tốt nhất của kỹ thuật vận hành, đảm bảo an toàn tối thiểu. Cùng với đó, Công ty cũng đề nghị các Điện lực trực thuộc phải phải thường xuyên cập nhật, theo dõi tình hình thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo kịp thời đến nhân dân để chủ động trong công tác chuẩn bị ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; Phối hợp với chính quyền địa phương, tuyên truyền, phổ biến với người dân về công tác an toàn điện và có biện pháp phòng tránh trong mùa mưa bão.

Đặc biệt, để rút ngắn thời gian xử lý sự cố lưới điện, Công ty đã tổ chức các buổi diễn tập an toàn, xử lý nhanh sự cố phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Điển hình như ngày 28/4/2020, tại thành phố Hòa Bình và các huyện Kim Bôi, Cao Phong, Công ty Điện lực Hòa Bình đã tổ chức diễn tập thực tế trên lưới điện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Quản lý trình tự công việc đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị, cũng như xử lý sự cố trên lưới điện và hệ thống viễn thông. Mục đích của công tác diễn tập lần này là để tiếp tục huấn luyện và nâng cao hơn nữa nhận thức cho cán bộ công nhân viên trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, công tác nhận diện và xử lý nhanh các sự cố trên hệ thống điện và viễn thông. Sau buổi diễn tập, đơn vị đã tổ chức đánh giá kết quả diễn tập so sánh thực tế với các mục tiêu đề ra để rút kinh nghiệm, cũng như nâng cao khả năng ứng phó khi có sự cố do thiên tai xảy ra.³⁸

Theo sự phân công của UBND tỉnh³⁹, Công ty Điện lực Hòa Bình xây dựng kế hoạch cung cấp điện cho những tình huống xử lý trong công tác phòng chống thiên tai, lũ, bão nghiêm trọng, các khu vực trọng điểm về sạt lở đất, lũ ống, lũ quét. Ưu tiên việc cung cấp điện cho công tác phục vụ PCTT, đặc biệt là các cơ quan chỉ đạo, thông tin liên lạc trong công tác PCTT; chủ động cắt điện các khu vực nguy hiểm cho dân cư khi có lũ, bão xảy ra.

8.3.2. Hệ thống thông tin liên lạc trong công tác PCTT

Trong nhiệm vụ phục vụ PCTT, UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng, tổ chức các phương án đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác PCTT&TKCN với các nội dung:

- Xây dựng phương án ứng phó với mọi tình huống mất thông tin liên lạc, đảm bảo thông tin thông suốt từ tỉnh đến địa phương; cập nhật, đưa tin về những

³⁸ Theo Cổng thông tin điện tử của Công ty Điện lực Hòa Bình

³⁹ Theo Quyết định 640/QĐ-UBND ngày 15/3/2018 về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai năm 2018 tỉnh Hòa Bình.

vùng lũ, lụt xảy ra để nhân dân biết, phòng tránh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Có kế hoạch và giao trách nhiệm cho các đơn vị viễn thông trên địa bàn tỉnh, bảo đảm tuyệt đối thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp và khắc phục hậu quả thiên tai. Đặc biệt là thông tin tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị chia cắt do ngập lụt, sạt lở đất. Có các phương án dự phòng để đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt trong trường hợp có sự cố bất lợi về thời tiết gây ảnh hưởng đến sự hoạt động bình thường của các thiết bị thông tin.

9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

Việc thực hiện lồng ghép nội dung PCTT trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố vừa thúc đẩy được phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh đồng thời phải đảm bảo công tác PCTT.

Hiện nay, việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai đã được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, trong đó có mục tiêu tổng quát là chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tài nguyên được khai thác hợp lý, ô nhiễm môi trường được kiểm soát tốt. Cụ thể một số nội dung như sau:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành một số dự án công trình giao thông trọng điểm để từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông theo quy hoạch; đồng thời tranh thủ các nguồn ngân sách và hỗ trợ từ Trung ương, phát huy nội lực địa phương đầu tư các công trình trọng điểm như: Đầu tư hoàn chỉnh (giai đoạn 2) đường cao tốc Hòa Lạc - Thành phố Hòa Bình; đường cao tốc Thành phố Hòa Bình - Mộc Châu; đường nội Thành phố Hòa Bình - Kim Bôi; đường 433; đường 450; đường 436, ... Hoàn thành các dự án thủy lợi đa mục tiêu như: Dự án Hồ Cánh Tạng, đê ngăn lũ kết hợp giao thông Pheo Chẹ, Kè Sông Bùi, Kè sông Bôi. Những công trình này sẽ một phần phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, đồng thời phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, du lịch, thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao nhận thức và tuyên truyền về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh. Tăng cường xây dựng và tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch công tác quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản; kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Thực hiện tốt việc theo dõi, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với điều kiện tự nhiên, con người và phát triển kinh tế, xã hội; từng bước nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thúc đẩy triển khai nhanh dự án chống biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó cần tăng cường công tác phối hợp, giám sát, đánh giá thực hiện lồng ghép PCTT trong việc thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội.

10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

Ngay sau khi có thiên tai xảy ra, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh đã chỉ đạo thành viên các tổ công tác phối hợp với các ngành liên quan đi kiểm tra, đánh giá tình hình tại các địa phương, đồng thời chỉ đạo các ngành, các địa phương triển khai các phương án khắc phục theo phương châm “4 tại chỗ”.

Khi có thiên tai xảy ra, lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xuống địa bàn để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ hệ thống chính trị trong toàn tỉnh trong công tác ứng phó, phòng chống với thiên tai động viên thăm hỏi các gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra; qua đó đã giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh;

Các Thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh theo địa bàn được phân công đã tổ chức các đoàn công tác xuống các địa phương kiểm tra, đôn đốc trong công tác phòng chống thiên tai, thường xuyên có báo cáo gửi Lãnh đạo tỉnh và Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

Chính quyền địa phương nơi xảy ra thiên tai luôn chủ động huy động lực lượng và phương tiện để khắc phục hậu quả mưa lũ; cấm biển cảnh báo, chằng dây khu vực nguy hiểm, các điểm sạt lở; cử lực lượng chốt giữ các ngầm tràn không cho người và phương tiện qua lại khi có nước lũ, ...; tạm thời khắc phục các điểm sạt lở trên các tuyến đường giao thông để đảm bảo lưu thông; có phương án sơ tán, di chuyển dân ra khỏi khu vực có nguy cơ bị sạt lở; triển khai dọn dẹp vệ sinh, tiêu trùng khử độc chuồng trại, làm sạch nguồn nước.

Trước những thiệt hại do thiên tai gây ra, Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng do mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất gây ra, năm 2020 đã được hỗ trợ kinh phí là 20 tỷ đồng để khắc phục sửa chữa công trình và ổn định đời sống nhân dân.⁴⁰ Hiện tại, tỉnh đang sắp xếp, bố trí phân bổ nguồn kinh phí được hỗ trợ từ Trung ương để đảm bảo tính hiệu quả trong công tác khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

Tính đến thời điểm hiện tại, tiến độ thực hiện các công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh như sau:

Tiến độ thực hiện các công trình khắc phục hư hỏng do thiên tai gây ra năm 2019 - 2020: Tổng số công trình triển khai thực hiện là 44 công trình gồm 06 công trình được hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương, 09 công trình từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai, 09 công trình từ nguồn hỗ trợ khắc phục thiên tai khác và các nguồn vốn hợp pháp khác; 20 công trình từ nguồn vốn WB.

⁴⁰ Quyết định số 1930/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong đó: 39 công trình đang thi công đạt tiến độ từ 30 – 100% khối lượng; 05 công trình đang chuẩn bị thi công; các công trình đang thi công đẩy nhanh tiến độ đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ năm 2021.

- Dự án Khẩn cấp xử lý khối sạt trượt các khu vực phía đông đồi Ông Tượng, tổ 4, 5, 6 phường Chăm Mát, tổ 4 phường Thái Bình đã thi công hạng mục khoan cọc nhồi, đào bạt mái, rãnh dọc ngang tiêu nước, xử lý chống trượt cơ bản hoàn thành đạt 95% khối lượng; các hạng mục còn lại đạt từ 40 - 75% khối lượng; UBND tỉnh đã ban hành Văn bản⁴¹ yêu cầu Chủ đầu tư xây dựng công trình có phương án đảm bảo an toàn khu vực dự án đang thi công.

- Dự án xử lý khắc phục cấp bách sạt lở tại khu vực tổ 26 phường Đồng Tiến và đoạn cầu Hòa Bình 3, thành phố Hòa Bình: Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Tỉnh Hòa Bình đã bố trí năm 2020 ngân sách tỉnh 10 tỷ đồng, ngân sách TW hỗ trợ 40 tỷ đồng để triển khai thực hiện, hiện tại dự án đang khẩn trương triển khai thực hiện các bước tiếp theo và xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan để thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Đã thực hiện và ứng ngân sách tỉnh để triển khai đầu tư xây dựng 16 khu tái định cư khẩn cấp (13 dự án đã triển khai thực hiện, 03 dự án đã phê duyệt nhưng chưa có vốn) trên địa bàn tỉnh để ổn định cho 460 hộ dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Các khu vực có nguy cơ mất an toàn được các địa phương quan tâm rà soát, cảnh báo đến người dân khi có mưa to phải sơ tán đến nơi an toàn, nâng cao nhận thức, tuyên truyền các biện pháp phòng chống thiên tai đến người dân nhằm giảm thiểu tối đa các thiệt hại do thiên tai gây ra.

Một số công trình trọng điểm phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai thực hiện dở dang, UBND tỉnh đã có văn bản đề xuất Trung ương hỗ trợ kinh phí để sớm đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành công trình đảm bảo an toàn về phòng chống thiên tai⁴².

11. Nguồn lực tài chính

Những năm qua, trước tình hình thiên tai phức tạp gây ra hậu quả hết sức nặng nề trên địa bàn thành phố, cơ bản các giải pháp trong ngắn hạn đã được triển khai mạnh mẽ, toàn diện và có hiệu quả, đặc biệt là các giải pháp kịp thời cung cấp lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho các cá nhân, gia đình bị thiệt hại, ảnh hưởng bởi thiên tai.

Nhằm tăng cường nguồn lực tài chính để thực hiện các giải pháp khắc phục tối đa thiệt hại về kinh tế - xã hội do thiên tai, tỉnh Hòa Bình chủ trương đa dạng các nguồn lực tài chính. Các nguồn lực tài chính phục vụ công tác PCTT trên địa bàn thành phố bao gồm:

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; ODA, viện trợ của nước ngoài để khắc phục hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

⁴¹ Văn bản số 688/UBND-NNTN ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh.

⁴² Văn bản số 1075/UBND-NNTN ngày 02/7/2020, Văn bản số 1687/UBND-NNTN ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh; Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh.

- Nguồn hỗ trợ từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ trực tiếp đến nhân dân trong việc xây dựng lại nhà kiên cố, hỗ trợ thực phẩm, hàng tiêu dùng.

- Ngân sách thành phố, ngân sách cấp quận/huyện và ngân sách cấp phường/xã có bố trí kinh phí dự phòng cho công tác PCTT & TKCN để mua sắm vật tư, phương tiện phục vụ hoạt động ứng phó trong thiên tai.

- Ngân sách các sở, ngành, đơn vị trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác PCTT và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Quỹ phòng chống thiên tai: UBND tỉnh đã ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hòa Bình tại Quyết định số 2003/QĐ-UBND ngày 26/8/2020.

CHƯƠNG IV. ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

1. Đánh giá độ lớn các loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn Hòa Bình

1.1. Rủi ro thiên tai do áp thấp nhiệt đới, bão

Trên cơ sở Báo cáo kết quả điều tra và thành lập bản đồ hiện trạng trượt lở đất đá tỷ lệ 1:50.000 khu vực tỉnh Hòa Bình của Viện Khoa học địa chất và khoáng sản; Và số liệu lượng mưa trên địa bàn tỉnh những năm gần đây, thì với lượng mưa do bão, áp thấp nhiệt đới gây ra từ 200-300mm trong thời gian ngắn thì trên địa bàn tỉnh Hòa Bình một số vùng đã xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất. Do đó khi có bão mạnh với lượng mưa có thể lên tới 700-750mm thì những vùng này sẽ có nguy cơ rất cao bị thiệt hại nặng.

Theo thống kê từ các báo cáo công tác PCTT&TKCN từ năm 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình có 16 cơn bão, áp thấp nhiệt đới (Năm 2015 là 1 cơn bão; Năm 2016 là 2 cơn bão; Năm 2017 là 3 cơn bão; Năm 2018 là 3 cơn bão; Năm 2019 là 3 cơn bão và Năm 2020 là 4 cơn bão).

Hoàn lưu các cơn bão ảnh hưởng nặng nề đến Hòa Bình như cơn bão số 1 năm 2016 gây mưa to, gió lớn kéo dài làm nhiều cây cối bị đổ gãy, rừng trồng cây lấy gỗ bị đổ gãy, tốc mái nhà dân, công trình thủy lợi bị hư hỏng, đường giao thông ngập úng gây cản trở giao thông qua lại của người dân tại địa bàn các huyện: Lương Sơn, Tân Lạc, Kim Bôi, Lạc Thủy, Yên Thủy, Cao Phong, Đà Bắc, Lạc Sơn, Kỳ Sơn, thành phố Hòa Bình. Thiệt hại làm 1 người bị thương, 9 nhà bị đổ sập cuốn trôi; 819 nhà bị hư hỏng tốc mái; 751 Công trình phụ, chuồng trại đổ, tốc mái; 2.345 tấm lợp Pro xi măng bị tốc; 30 tấm tôn dài 6m bị tốc; 02 nhà bị sạt lở đất vào nhà; 10 nhà phải di dời; 2.536 m³ đất bị sạt lở.

Bảng 3: Đánh giá các trận bão, ATNĐ từ năm 2015-2020

Năm	Tên bão	Ngày đổ bộ	Cấp gió	Mức độ tổn thương		
				Thấp	Trung bình	Cao
2015	Cơn bão số 1	24/6/2015	Cấp 8 giật cấp 9-10		x	
2016	Cơn bão số 1	20/7/2016	Cấp 9 giật cấp 10-12		x	
	Cơn bão số 3	19/8/2016	Cấp 9,10 giật cấp 11-12		x	
2017	Cơn bão số 2	16/7/2017	Cấp 8 giật cấp 9-10	x		
2017	Cơn bão số 4	24/7/2017	Cấp 8 giật cấp 9-10	x		
	Cơn bão số 10	16/9/2017	Cấp 15 giật cấp 16-17			x
2018	Cơn bão số 3	18/7/2018	Cấp 8 giật cấp 9-10	x		
	Cơn bão số 4	17/8/2018	Cấp 8 giật cấp 9-10	x		

Năm	Tên bão	Ngày đổ bộ	Cấp gió	Mức độ tổn thương		
				Thấp	Trung bình	Cao
	Con bão số 6	17/9/2019	Cấp 15 giết cấp 16-17			
2019	Con bão số 2	4/7/2019	Cấp 8 giết cấp 9-10	x		
	Con bão số 3	2/8/2019	Cấp 8 giết cấp 9-10	x		
	Con bão số 4	30/8/2019	Cấp 9 giết cấp 10-11		x	
2020	Con bão số 1	13/6/2020	Cấp 9 giết cấp 10-12		x	
	Con bão số 2	2/8/2020	Cấp 6 giết cấp 7-8	x		
	Con bão số 5	18/9/2020	Cấp 10 giết cấp 11-12		x	
	Con bão số 7	14/10/2020	Cấp 7 giết cấp 8-9	x		

Hòa Bình nằm sâu trong đất liền nên chịu ảnh hưởng gián tiếp của các cơn bão, áp thấp nhiệt đới. Trong những năm gần đây, Hòa Bình chịu ảnh hưởng nặng nề của hoàn lưu bão, áp thấp nhiệt đới gây mưa to đến rất to, lượng mưa lớn đổ liên tục trong nhiều ngày gây ra một loạt các thiên tai liên tiếp như lũ, ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất, sạt lở bờ sông. Thiên tai chồng thiên tai và ngày càng diễn biến phức tạp, dĩ thường nên cần phải có những phương án, kế hoạch ứng phó với từng loại thiên tai cụ thể, để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.2. Rủi ro thiên tai do mưa lớn

Mùa mưa năm 2015 ở khu vực tỉnh Hoà Bình lượng mưa phổ biến ít hơn so với trung bình nhiều năm. Riêng tại Lạc Sơn và thành phố Hoà Bình nhiều hơn từ 31 đến 325 mm.

Các đợt mưa lũ năm 2016 xảy ra thường không đồng loạt mà thường mang tính cục bộ. Tổng lượng trong năm là 1.388mm ít hơn cùng kỳ năm trước. Số đợt mưa lớn trên diện rộng là 4 đợt, ít hơn so với cùng kỳ năm 2015. Các đợt mưa lớn xảy ra vào thời điểm: Từ ngày 27/7 - 28/7/2016, tổng lượng mưa dao động từ 95mm - 254mm; từ ngày 13/8 - 14/8/2016 tổng lượng mưa dao động từ 79 - 149mm; từ ngày 18/8-19/8/2016 tổng lượng mưa dao động từ 119,7mm - 208mm.

Diễn biến mưa ở tỉnh Hòa Bình trong mùa mưa năm 2017 tập trung chủ yếu vào tháng 7, tháng 8 và nửa đầu tháng 10. Diễn biến mưa khá phức tạp và có những nơi xảy ra đột biến về lượng mưa trong khoảng thời gian ngắn, sai khác với quy luật nhiều năm qua cũng như cùng thời kỳ một số năm gần đây. Số đợt mưa lớn nhiều hơn năm 2016: 04 đợt, diện mưa thường tập trung hơn; mưa trong khoảng thời gian ngắn và đặc biệt lớn (từ ngày 10 - 11/10 có tổng lượng mưa cả đợt đạt từ: 293 - 466mm). Vì vậy, gây ngập úng cục bộ làm thiệt hại

đáng kể cho nhiều địa phương trong tỉnh. Hiện tượng cực đoan về mưa cường xuất lớn, tập trung và kéo dài hơn nhiều năm qua.

Diễn biến mưa ở tỉnh Hòa Bình trong mùa mưa, bão năm 2018 tập trung chủ yếu vào tháng 7, tháng 8. Diễn biến mưa khá phức tạp và có những nơi xảy ra đột biến về lượng mưa trong khoảng thời gian ngắn, khác sai với quy luật nhiều năm qua cũng như cùng thời kỳ một số năm gần đây. Số đợt mưa lớn xấp xỉ năm 2017, diện mưa thường tập trung hơn; mưa trong khoảng thời gian ngắn và đặc biệt lớn. Hiện tượng cực đoan về mưa cường xuất lớn, tập trung và kéo dài hơn nhiều năm qua, lượng mưa trung bình năm đạt 2.495mm cao hơn so với cùng kỳ năm trước 366mm.

Tình hình Mưa lớn diện rộng trong năm 2019 với tổng lượng mưa từ tháng 5 đến tháng 10/2019 ở khu vực tỉnh Hòa Bình từ: 1319 - 1904 mm; phổ biến ít hơn TBNN từ: 68 – 317 mm; ít hơn năm 2018 từ: 272 – 1201 mm. Kim Bôi có lượng mưa mùa lớn nhất, Chi Nê (Lạc Thủy) lượng mưa ít nhất. Trên khu vực tỉnh Hòa Bình đã xuất hiện 9 đợt mưa lớn diện rộng, đặc biệt, mưa với cường suất lớn đã xảy ra tại nhiều địa phương, ngày 21/7/2018 lượng mưa ngày tại trạm đo Lương Sơn đã đạt tới 238 mm/24h.

Tổng lượng mưa trung bình từ đầu năm 2020 là 1.985,957mm nhiều hơn cùng kỳ năm trước là 300,4mm. Xảy ra 18 đợt mưa lớn diện rộng, các trận mưa diễn hình và bất thường.

Qua số liệu thống kê 5 năm trở lại đây có thể thấy diễn biến tình hình mưa lớn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ngày càng phức tạp, không theo quy luật, tăng cả về cường độ và tần suất xuất hiện.

1.3. Rủi ro thiên tai do lũ và ngập lụt

Theo thống kê từ các báo cáo công tác PCTT&TKCN từ năm 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình:

Bảng 4: Đánh giá các trận lũ, ngập lụt từ năm 2015-2020

Năm	Số trận lũ	Diễn biến	Mức độ thiệt hại	Mức độ tổn thương		
				Thấp	T. bình	Cao
2015	5	Trong năm xuất hiện chủ yếu lũ vừa, đặc biệt trên sông Bôi (trạm thủy văn Hưng Thi) xuất hiện 01 trận lũ Báo động khẩn cấp, trên sông Bùi xuất hiện 01 trận lũ trên báo động cấp III.	- 2 người chết, 1 người mất tích; - 16 nhà bị trôi, đổ; 38 nhà bị hư hỏng, tốc mái; 35 nhà di dời khẩn cấp; 1.155 nhà bị ngập nước - Thiệt hại về trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải		x	
2016	10	3 trận lũ đạt cấp báo động III (trên lưu vực sông Bôi 02 trận và lưu	- 3 người chết, 3 người bị thương; - 3 nhà bị hư hỏng hoàn	x		

Năm	Số trận lũ	Diễn biến	Mức độ thiệt hại	Mức độ tổn thương		
				Thấp	T. bình	Cao
		vực sông Bùi 01 trận), 3 trận lũ đạt cấp báo động II (trên lưu vực sông Bôi 01 trận và lưu vực sông Bùi 02 trận), 4 trận lũ đạt cấp báo động I (trên lưu vực sông Bôi 01 trận và lưu vực sông Bùi 03 trận).	toàn; 49 nhà bị hư hỏng nặng, tốc mái; 432 nhà bị hư hỏng 1 phần - Thiệt hại về trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải - Ước tính thiệt hại 35.110 triệu đồng			
2017	21	Trên sông Đà xuất hiện 08 trận đặc biệt là đợt lũ do ảnh hưởng của mưa từ 09-11/10 nhà máy thủy điện Hòa Bình đã xả 8 cửa xả lũ mực nước hạ lưu sông Đà đạt sắp si báo động I (21,0), trên sông Bôi xuất hiện 07 trận lũ trong đó có 02 trận đạt trên báo động khẩn cấp, sông Bùi đều xuất hiện 06 trận lũ trong đó có 02 trận đạt trên báo động cấp III.	- 29 người chết, 5 người mất tích; 9 người bị thương; - Số hộ bị ảnh hưởng 5.855 hộ; số người bị ảnh hưởng 19.145 người - Thiệt hại về trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải - Ước tính thiệt hại 2.400 tỷ đồng			x
2018	12	Trong năm xuất hiện cả lũ lớn, lũ vừa và lũ nhỏ. Trên sông Đà xả lũ 12 lần, trên sông Bôi xuất hiện 07 trận lũ trong đó có 02 trận đạt trên báo động cấp III, sông Bùi xuất hiện 05 trận lũ trong đó có 03 trận đạt trên báo động cấp III.	- Do ảnh hưởng của thiên tai mưa lũ xảy ra gây nhiều thiệt hại cho công trình thủy lợi, mưa lớn kéo dài làm nhiều công trình hồ, đập, hệ thống kênh mương, bai bị hư hỏng nặng. Các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đều trong tình trạng xả tràn nhưng chưa có những sự cố lớn. - Thiệt hại về nhà cửa, trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải		x	
2019	9	Trên sông Đà mực nước biến đổi theo điều tiết của nhà máy thủy điện Hòa Bình, mực nước cao nhất 13,79 m, mực nước	- Nhiều khu vực của các đường giao thông bị ngập và sạt lở mái taluy âm, taluy dương khi có mưa lớn gây hư hỏng, ách tắc nhiều tuyến đường giao thông.	x		

Năm	Số trận lũ	Diễn biến	Mức độ thiệt hại	Mức độ tổn thương		
				Thấp	T. bình	Cao
		thấp nhất 8,86 m; Trên sông Bôi xuất hiện lũ nhỏ, lũ vừa và lũ lớn (tháng 6,8), mực nước cao nhất 13,84 m, mực nước thấp nhất 6,94 m; Trên sông Bùi xuất hiện lũ nhỏ, lũ vừa và lũ lớn (tháng 8), mực nước cao nhất 22,60 m, mực nước thấp nhất 20,16 m	- Thiệt hại về nhà cửa, trồng trọt, chăn nuôi, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải			
2020	18	Do mưa lớn ở thượng nguồn, lưu lượng nước về hồ Hoà Bình lớn, Thủy điện Hoà Bình đã thực hiện 04 đợt mở cửa xả lũ. Trên sông Bôi xuất hiện lũ nhỏ, lũ vừa và lũ lớn (tháng 6,8), mực nước cao nhất 11,7m, mực nước thấp nhất 8,4 m; Trên sông Bùi xuất hiện lũ nhỏ, lũ vừa và lũ lớn (tháng 8), mực nước cao nhất 21,91 m, mực nước thấp nhất 20,16m.	- Thiệt hại do mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất: 623.652.000.000 đồng gồm: Thiệt hại các công trình công cộng, đề nghị hỗ trợ (67 công trình): 528.780.000.000 đồng; thiệt hại về nhà cửa, nông lâm nghiệp, y tế, giáo dục, công nghiệp và các thiệt hại khác: 94.872.000.000 đồng		x	

Trong 5 năm trở lại đây, tình hình lũ, ngập lụt ở Hòa Bình có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Diễn hình là trận mưa lũ tháng 10/2017, mưa to nên tại các huyện vùng thấp hoặc các khu vực vùng trũng, vùng có khả năng tiêu thoát nước kém cũng đã xảy ra tình trạng ngập lụt trên diện rộng. Ngập lụt xảy ra tập trung tại các địa phương: Huyện Lạc Thủy, huyện Yên Thủy, huyện Kim Bôi, huyện Tân Lạc (Khu vực Lũng Vân – Nam Sơn) và một số vùng mang tính cục bộ khác. Đây là một đợt thiên tai mang tính bất thường, ảnh hưởng trên diện rộng và có nhiều loại hình thiên tai xảy ra cùng lúc nên cũng đã gây không ít khó khăn trong việc ứng phó với thiên tai.

1.4. Rủi ro thiên tai do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Hoà Bình là tỉnh miền núi, nằm ở phía tây nam Đồng bằng Bắc Bộ, là khu vực có tính chất chuyển tiếp giữa vùng cao phía tây với vùng đồng bằng, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, thường chịu ảnh hưởng của các hệ thống thời tiết phức tạp trong mùa hè như: hội tụ nhiệt đới, đường đứt, rãnh thấp, dông, bão... Các hệ thống thời tiết này có khi hoạt động riêng rẽ, có khi phối hợp tác động, thường gây ra những trận mưa lớn trên diện rộng, kéo dài là nguyên nhân của các trận lũ lớn xảy ra hàng năm ở các sông ngòi trong tỉnh.

Với đặc điểm địa hình bị chia cắt mạnh kết hợp với hệ thống sông suối ngắn dốc và ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong những năm gần đây thường xảy ra các hiện tượng cực đoan như mưa lũ, lũ lụt, mưa đá, lốc và đặc biệt là hiện tượng lũ quét đã gây ảnh hưởng và thiệt hại lớn đến đời sống của nhân dân.

So với các tỉnh lân cận như Sơn La, Yên Bái, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình không có những trận lũ quét ác liệt, nhưng tiềm ẩn những nguy cơ gây ra nhiều thiệt hại về người do những trận lũ quét, sạt lở đất.

Theo thống kê trong 20 năm qua (2001-2019) đã xảy ra 590 trận lũ quét trên hầu hết các tỉnh vùng núi phía Bắc ở Việt Nam, riêng ở Hòa Bình đã xảy ra 37 trận lũ quét.⁴³

Bảng 5: Thống kê thiệt hại về người và nhà ở do lũ quét, sạt lở đất từ năm 2000-2009

Tỉnh	Số người chết (người)	Số nhà bị thiệt hại (cái)	Số hộ bị di dời
Hòa Bình	39	2.301	1.045

Bảng 6: Số điểm nguy cơ cao lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông trên địa bàn các xã đã xảy ra lũ quét, sạt lở đất

Tỉnh	Số điểm có nguy cơ cao			Số hộ dân bị ảnh hưởng
	Lũ quét	Sạt lở đất	Sạt lở bờ sông	
Hòa Bình	24	86	12	3.042

Những trận lũ quét, sạt lở đất điển hình ở Hòa Bình phải kể đến tháng 10/2017 tại xóm Khanh, xã Phú Cường, huyện Tân Lạc do mưa lớn kéo dài nhiều ngày làm sạt lở đất vùi lấp, chôn vùi 4 hộ dân. Lượng mưa 3 ngày từ 19h00 ngày 9/10 đến 19h00 ngày 12/10, một số trạm có tổng lượng mưa lớn như

⁴³ Số liệu của Dự án: Điều tra, đánh giá hiện trạng phòng, chống lũ quét, sạt lở đất các tỉnh miền núi phía Bắc làm cơ sở điều chỉnh, xây dựng phương án phù hợp theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai do Trung tâm Chính sách và kỹ thuật PCTT- Tổng cục PCTT thực hiện.

Chi Nê là 458 mm; Kim Bôi là 468 mm. Về thiệt hại, 18 người chết (toàn bộ 4 nhà dân bị vùi lấp, chôn vùi). Năm 2018, trận mưa từ ngày 28/8 – 3/9 tại huyện Mai Châu, mưa to làm sạt lở đất, đá lăn vào nhà làm 1 người chết.

Trong những năm gần đây, tình hình thiên tai ở các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung và tỉnh Hòa Bình nói riêng diễn ra ngày càng phức tạp. Đặc biệt là hiện tượng lũ quét, sạt lở đất xảy ra ở nhiều nơi, với mức độ ngày càng gia tăng đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và môi trường sinh thái. Với đặc trưng khí hậu vùng nhiệt đới gió mùa, có độ ẩm cao, lượng mưa bình quân năm lớn lại tập trung trong mấy tháng mùa lũ. Đồng thời nhiều nơi trong khu vực có điều kiện địa hình chia cắt, độ dốc lưu vực và độ dốc sông suối lớn, độ ổn định của lớp đất mặt lưu vực yếu do quá trình phong hoá mạnh, lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh tạo nên những vùng xung yếu dễ tạo ra những hiện tượng sạt lở lớn làm tắc nghẽn dòng chảy. Những yếu tố trên đã tạo điều kiện cho việc tập trung nước nhanh khi gặp mưa lớn, nước mưa bào mòn lớp đất mặt của địa hình lưu vực. Lũ đổ về thường mang theo nhiều bùn cát và có sức tàn phá lớn. Lượng nước tích tụ lớn tạo ra sóng lũ mạnh, do có thể năng cao nhiều khi dòng lũ không chảy theo lòng suối cũ quanh co mà có xu hướng cắt thẳng, cuốn phăng các vật cản trên đường đi, tạo ra lòng suối mới.

Hòa Bình có độ ẩm cao với lượng mưa bình quân năm lớn lại tập trung trong mấy tháng mùa lũ, điều kiện mặt đệm lưu vực dễ bị rửa trôi, sạt lở nên lũ quét có thể xảy ra nhiều lần. Những điều kiện thuận lợi cho việc hình thành lũ quét như: có lượng mưa lớn, địa hình dốc, thảm phủ thực vật dòng sông, suối bị vùi lấp nhiều lần không được kè, khơi thông nên lũ quét có thể lặp lại tại cùng vị trí.

Khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét và sạt lở đất tập trung chủ yếu vào các tỉnh miền núi phía Bắc nơi có nhiều dân tộc ít người như: Mường, Mông, Dao, Thái,... Đời sống đồng bào các dân tộc bước đầu được cải thiện nhờ công cuộc đổi mới. Tuy nhiên, tình trạng lạc hậu, nạn du canh du cư vẫn còn ở một số tộc người. Phần lớn các trận lũ quét đều xảy ra ở khu vực miền núi hẻo lánh, dân cư thưa thớt, tuy nhiên có những trận lũ quét xảy ra có sức tàn phá lớn mang tính huỷ diệt gây tổn thất lớn về tính mạng và tài sản của nhân dân đặc biệt là những hộ dân sống ở các thung lũng sông khi có lũ quét tràn qua.

1.5. Rủi ro thiên tai do nắng nóng

Trong những năm gần đây cùng với xu thế nóng lên toàn cầu, nhiệt độ vùng tiếp tục tăng trong thời gian tới. Nắng nóng gia tăng không chỉ ở miền Trung, Tây Nguyên mà còn ở các tỉnh miền Bắc trong đó có Hòa Bình.

Theo thống kê từ các báo cáo công tác PCTT&TKCN từ năm 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình:

Bảng 7: Tổng hợp các trận nắng nóng từ 2015-2020

Năm	Số đợt nắng nóng	Đợt nắng nóng nhất	Nhiệt độ cao nhất
------------	-------------------------	---------------------------	--------------------------

2015	9	17-25/5	41 °C
2016	13	15/6	40,7°C
2017		6/2017	41 °C
2018	7	27/6 - 07/7	40,7°C
2019		22/6/2019	41,4°C
2020	13	21/5/2020	41,2°C

Theo số liệu có thể thấy trong 5 năm trở lại đây, nắng nóng tiếp tục tăng và gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người già và trẻ em; giảm sức lao động của nhóm người trong độ tuổi lao động. Thiệt hại của nắng nóng chủ yếu là về lúa, hoa màu, cây ăn quả, ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch của bà con nông dân.

1.6. Rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá

Theo thống kê từ các báo cáo công tác PCTT&TKCN từ năm 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, các loại hình thiên tai: giông, lốc, sét mưa đá thường xảy ra vào tháng 4-6 hàng năm, các huyện thường bị ảnh hưởng phải kể đến Tân Lạc, Lạc Sơn, Cao Phong, Đà Bắc, thành phố Hòa Bình.

Diễn hình là trận lốc xoáy xảy ra vào năm 2015 ở các huyện: Tân Lạc, Lạc Sơn, Cao Phong, Đà Bắc, thành phố Hòa Bình làm đổ hoặc tốc mái hàng trăm nhà dân và các công trình công cộng, hư hại hàng ngàn ha lúa và hoa màu ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống nhân dân, có 1 người chết do sét đánh.

Năm 2017, thiệt hại do dông lốc, sét, mưa đá ước tính là 5.019.000.000 đồng.

Năm 2020 xảy ra 182 ngày mưa dông, cảnh báo lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trên khu vực tỉnh Hòa Bình. Tập trung vào tháng 6 đến tháng 10/2020. Tháng 1/2020, thành phố Hòa Bình xuất hiện mưa đá nhẹ. Đây là hiện tượng hiếm thấy xuất hiện so với cùng thời kỳ nhiều năm qua. Tháng 4/2020 giông, lốc, mưa đá làm cho huyện Đà Bắc bị thiệt hại nặng với 129 ngôi nhà bị tốc mái; 433 ngôi nhà bị thủng mái; gần 300 ha lúa, hoa màu bị đổ gãy, dập nát không có khả năng khắc phục, thiệt hại 80%. Ước tính thiệt hại trên địa bàn huyện Đà Bắc do dông lốc kèm theo mưa đá gây ra khoảng 5 tỷ đồng. Trong đó, nhà ở thiệt hại khoảng 1 tỷ đồng, hoa màu 4 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây, giông, lốc, sét, mưa đá xảy ra thường xuyên hơn và gây hậu quả nặng nề đến cơ sở vật chất, cây trồng, vật nuôi của người dân.

1.7. Rủi ro thiên tai do sương mù

Do địa hình nhiều đồi núi, xe cộ khi di chuyển giao thông phải đi qua các đèo, điểm hình là ở Quốc lộ 6 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Sơn La thường xuyên xuất hiện sương mù bao phủ cả ngày lẫn đêm tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông rất cao. Đây là con đường huyết mạch nối Hà Nội với các tỉnh Tây Bắc, mỗi ngày có hàng nghìn lượt phương tiện lưu thông. Tuyến đường có địa hình hiểm trở với nhiều đoạn dốc cao, khúc cua nguy hiểm, một bên ta luy âm, việc xuất hiện sương mù khiến đường trơn trượt, tầm nhìn hạn chế của các

lái xe cùng với đó là hiện tượng mưa phùn dẫn đến nguy cơ tai nạn từ những đèo dốc, khúc cua luôn hiện hữu.

Sương mù thường xuyên xuất hiện tại các vị trí như đèo Phú Cường từ Km 114 - Km 118+500, đèo Thung Khe từ Km 124 - Km 131+100, dốc 81 từ Km 143 - Km 147 thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

Sương mù thường xuất hiện từ tháng 10 đến hết tháng 4 sang năm, nhiều lúc sương mù bao phủ cả ngày lẫn đêm. Ở khu vực đường đèo, dốc, cua gấp khúc, mặt đường trơn trượt do đường nhiều sương mù, nhất là vào mùa đông, đầu xuân, mỗi khi trời mưa cùng với trời mưa phùn khiến cho độ bám đường của lốp kém dẫn đến phanh không ăn dẫn đến xảy ra tai nạn. Sương mù ảnh hưởng làm hạn chế tầm nhìn của các phương tiện tham gia giao thông, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, giảm sản lượng cây trồng.

1.8. Rủi ro thiên tai do rét đậm, rét hại, sương muối

Là tỉnh miền núi phía Bắc nên Hòa Bình có mùa đông lạnh, có những năm nhiệt độ xuống thấp như ngày 08/02/2016 ở huyện Lạc Sơn là $4,5^{\circ}\text{C}$. Từ năm 2015-2020, trung bình hàng năm Hòa Bình có 10-15 đợt không khí lạnh, trong đó phải kể đến năm 2020 xảy ra 23 đợt không khí lạnh, không khí lạnh tăng cường và xảy ra 02 đợt rét đậm rét hại trên diện rộng từ: 28-31/01/2020; đợt 02: từ: 16 - 20/12/2020. Nhiệt độ không khí thấp nhất tuyệt đối: $8,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 30/01/2020 ở Mai Châu.

Năm 2018, đã xảy ra 10 đợt không khí lạnh và gây ra 02 đợt rét đậm, rét hại trên diện rộng tại các tỉnh miền Bắc; xảy ra tập trung trong tháng 01/2018 và đáng chú ý nhất là đợt rét đậm, rét hại kéo dài 13 ngày (từ ngày 28/01 đến ngày 09/02). Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối: 7°C xảy ra ở Mai Châu, ngày 09/02/2018.

Rét đậm, rét hại gây ảnh hưởng đến sức khỏe của những đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em và ảnh hưởng đến trồng trọt, đặc biệt chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản của người dân. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng cực đoan và khốc liệt cũng sẽ làm gia tăng những đợt không khí lạnh và những đợt rét đậm, rét hại sẽ gia tăng.

1.9. Rủi ro thiên tai do động đất

Khu vực Tây Bắc nằm trong đới cấu tạo địa mảng, vùng vỏ động, đây là vùng có nguy cơ động đất cao nhất ở Việt Nam. Do đó khi tích lũy năng lượng đủ lớn thì sẽ xảy ra động đất tại các miền núi phía Bắc, trong đó có Hòa Bình. Trong tương lai khu vực Tây Bắc vẫn có thể xảy ra những trận động đất có độ lớn tương tự và những rung động trên nền xảy ra ở những khu vực tâm chấn có thể ở cấp 8, cấp 9.⁴⁴

Do vậy, phải có giải pháp căn cơ, lâu dài phòng chống động đất, không chỉ cho các công trình thủy điện, thủy lợi. Bởi nhiều công trình hạ tầng, nhà ở có thiết kế chống động đất ở mức thấp.

⁴⁴ Theo phát biểu của Tiến sỹ Nguyễn Xuân Anh – Viện trưởng Viện Vật lý địa cầu đánh giá về trận động đất diễn ra tại Sơn La, Hòa Bình tháng 7/2020.

Hiện các hồ thủy điện lớn Hoà Bình được thiết kế chịu được động đất ở mức cao hơn những trận động đất đã xảy ra trong lịch sử. Tuy nhiên, động đất cũng hình thái thiên tai phức tạp, có nhiều tính chất phi tuyến nên cần tiếp tục theo dõi và xử lý khi có việc bất thường.

1.10. Rủi ro thiên tai do cháy rừng tự nhiên

Theo Quyết định của UBND tỉnh Hòa Bình về điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030: Tổng diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp là 298.013,00 ha (đất có rừng tự nhiên: 140.956,16 ha; đất có rừng trồng: 84.511,80 ha và đất chưa có rừng: 72.545,04 ha). Trong đó:

- Đất rừng đặc dụng: 40.352,72 ha (đất có rừng tự nhiên: 34.263,47 ha; đất có rừng trồng : 1.546,97 ha và đất chưa có rừng: 4.542,28 ha);
- Đất rừng phòng hộ: 108.231,28 ha (đất có rừng tự nhiên: 78.5621,61 ha; đất có rừng trồng: 13.642,95 ha và đất chưa có rừng: 16.026,72 ha);
- Đất rừng sản xuất: 149.429,00 ha ((đất có rừng tự nhiên: 28.131,08 ha; đất có rừng trồng: 69.321,88 ha và đất chưa có rừng: 51.976,04 ha);⁴⁵

Hiện trạng rừng tính đến 31/12/2019 tỉnh Hòa Bình có tổng diện tích có rừng là: 261,8 nghìn ha; trong đó rừng tự nhiên là 141,6 nghìn ha; rừng trồng là 120,2 nghìn ha; tỷ lệ che phủ rừng là 51,5%; diện tích rừng trồng mới là 7,9 nghìn ha.⁴⁶

Quốc hội khóa 14 đã thông qua Luật 60/2020/QH14 về sửa đổi một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều, trong đó đã bổ sung Cháy rừng tự nhiên là 1 loại hình thiên tai.

Với tầm quan trọng của rừng như tạo lớp thảm thực vật để giữ nước khi mưa lớn và lũ cao, tăng nước ngầm khi hạn hán nên cần bổ sung loại hình thiên tai này vào kế hoạch ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Hòa Bình.

2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

2.1. Đánh giá mối quan hệ giữa thiệt hại và độ lớn của thiên tai

Thiên tai trong những năm gần đây đa dạng hơn, với cường độ lớn hơn, cực đoan hơn trước đây, trong đó phải kể đến số lượng và cường độ các trận bão, mưa lớn, lũ quét sạt lở đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Đặc biệt trong năm 2017 xuất hiện nhiều các loại hình thời tiết cực đoan do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như đợt mưa lũ tháng 10 gây thiệt hại lớn về người và tài sản ước tính 2.400 tỷ đồng, thiệt hại do giông lốc, mưa đá trên 5 tỷ đồng, thiệt hại do bão, áp thấp nhiệt đới 360 tỷ đồng, với số người chết và mất tích là 42 người. Trong năm 2017 được đánh giá là năm có mức thiệt hại về người và cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra lớn nhất tại tỉnh Hòa Bình.

Qua đó cho thấy độ lớn thiên tai không chỉ liên quan đến thiệt hại, đến

⁴⁵ Theo Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hòa Bình.

⁴⁶ Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê.

năng lực phòng chống thiên tai mà còn liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương.

Tình trạng dễ bị tổn thương bao gồm con người, kinh tế, hạ tầng. Điều này có thể thấy mặc dù Hòa Bình có nhiều sông lớn, sông vừa, sông nhỏ bao quanh, có vị trí chiến lược trong quốc phòng- an ninh do tiếp giáp với thủ đô Hà Nội và là tỉnh miền núi phía Bắc đang trên đà phát triển kinh tế Tây Bắc. Làm sao để vừa phát triển kinh tế đồng thời phát triển xã hội và môi trường là bài toán đặt ra cho tỉnh, bởi nếu năng lực ứng phó với thiên tai tốt, tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giảm và rủi ro thiên tai cũng sẽ giảm; ngược lại năng lực còn hạn chế, làm gia tăng tình trạng dễ bị tổn thương sẽ làm tăng nguy cơ rủi ro đến con người, cơ sở vật chất, hạ tầng cơ sở. Điều này đã được chứng minh qua các trận thiên tai lớn ở Hòa Bình và cách phòng, chống, xử lý của từng trận thiên tai là rất tốt, mặc dù có thiệt hại nhưng đã nhanh chóng kịp thời khắc phục hậu quả nên giảm thiểu tốt nhất về số người chết và thương vong do thiên tai gây ra.

2.2. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

2.2.1 Tình trạng dễ bị tổn thương khi bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ

Loại hình thiên tai là bão, áp thấp nhiệt đới mặc dù không ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực tỉnh Hòa Bình, nhưng các hoàn lưu do bão, ATNĐ gây ra mưa lớn, lũ, ngập lụt đã ảnh hưởng không nhỏ đến địa bàn tỉnh.

Tình trạng dễ bị tổn thương do bão⁴⁷:

- Do người dân sinh sống ở các vùng đất thấp hoặc vùng đất ven sông suối (chịu ảnh hưởng trực tiếp do mưa lớn, sạt lở đất và lũ lụt).
- Do yếu kém trong hệ thống thông tin liên lạc hay hệ thống cảnh báo
- Các công trình nhẹ, công trình cũ, công trình xây dựng bằng các vật liệu có chất lượng kém
- Tàu thuyền không được trang bị phao cứu sinh/vật nổi
- Do cộng đồng thiếu nhận thức về mối hiểm họa do bão gây ra

Bảng 8: Đánh giá tổn thương đối với con người

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức độ tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao
Về tính thích nghi	Tỷ lệ hộ nghèo	11,36%	x		
	Tỷ lệ nhà đơn sơ- không có khả năng chống chịu trước thiên tai	9,4%	x		

⁴⁷ Theo Quyết định 2231/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh.

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	Tỷ lệ	Mức độ tổn thương		
			Thấp	Trung bình	Cao
	Tỷ lệ hộ không có điện	0,3%			
	Tỷ lệ hộ không có điện thoại	6%	x		
	Tỷ lệ hộ không có TV/đài radio	10%	x		
	Tỷ lệ không có internet	70%			x
Về tính nhạy cảm	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng dễ bị tổn thương	35,4%	x		
	Tỷ lệ người dân tộc thiểu số	74%			x

Qua bảng đánh giá độ lớn của thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới (Bảng 3) tình trạng dễ bị tổn thương đối với bão (Bảng 8), có thể thấy mức độ dễ bị tổn thương của Hòa Bình ở mức trung bình cao do tổng số trận bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra ở Hòa Bình những năm gần đây tăng cả về số lượng lẫn tần suất và cơ sở hạ tầng của tỉnh hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn vì là tỉnh miền núi nên giao thông, thông tin liên lạc dễ bị tác động bất lợi của bão, áp thấp nhiệt đới.

2.2.2. Đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ, lũ quét

Do địa hình nhiều đồi, núi, sông, suối và các tác động do chặt phá rừng làm giảm khả năng thoát nước của lưu vực có thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra lũ. Khi lượng nước xả từ hồ Hòa Bình xuống hạ lưu vượt cao trình 24m có nguy cơ gây lũ lụt cho khu vực thành phố Hòa Bình.

Tình trạng dễ bị tổn thương do lũ:

- Vị trí khu dân cư ở những vùng dễ chịu tác động của lũ (ven sông, suối, sườn núi, dốc, vùng trũng, thấp)
- Khả năng thấm của mặt đất bị suy giảm (do xói mòn hoặc bê tông hóa)
- Nhà cửa, cơ sở hạ tầng không có khả năng chôn chịu lũ
- Cơ sở hạ tầng nằm trong vùng có rủi ro lũ cao
- Kho chứa lương thực, thực phẩm, cây trồng, vật nuôi không được bảo vệ
- Tàu thuyền không được trang bị áo phao, vật nổi thích hợp
- Thiếu nguồn lực, kỹ năng cần thiết để ứng phó lũ (trang thiết bị cứu hộ trên sông, kỹ năng cứu nạn khi lũ, khả năng bơi).

Qua bảng đánh giá độ lớn mưa lớn, lũ, lũ quét (Bảng 4,5,6), tình trạng dễ bị tổn thương đối với mưa lớn, ngập lụt, lũ, lũ quét có thể thấy mức độ dễ bị tổn

thương của Hòa Bình ở mức trung bình cao do tổng số đợt mưa lớn, lũ xảy ra ở Hòa Bình những năm gần đây tăng cả về số lượng lẫn tần suất và cơ sở hạ tầng của tỉnh hiện tại vẫn còn nhiều hạn chế và khó khăn vì là tỉnh miền núi nên giao thông, thông tin liên lạc dễ bị tác động bất lợi của mưa lớn, lũ lụt, lũ, lũ quét.

2.2.3. Đối với hạn hán

Hạn hán ở Hòa Bình thường xảy ra vào mùa khô, nguyên nhân do thiếu nước; do khai thác và sử dụng nguồn nước không hợp lý, cũng có thể do các công trình hồ, đập, kênh mương xuống cấp.

Tình trạng dễ bị tổn thương do hạn hán:

- Nằm trong vùng đất khô hạn, nơi có điều kiện khô hạn gia tăng do hạn hán; canh tác trên các vùng đất có chất lượng thấp hoặc đất canh tác bạc màu.
- Thiếu hệ thống quản lý nguồn nước.
- Các vùng đất có lượng giữ ẩm trong đất thấp.
- Thiếu sự cân đối cây trồng để giảm nhẹ rủi ro do hạn hán gây ra.

Như vậy nhiệt độ tăng sẽ làm cho sản xuất không đạt được năng suất cao, người làm việc ngoài trời dễ bị cảm nắng, thiệt hại đến nền kinh tế do trời nắng phải bật các thiết bị làm mát gây ra tổn thất lượng điện không hề nhỏ. Tỷ lệ các hộ có tủ lạnh là 85%; tỷ lệ các hộ có điều hòa nhiệt độ ở Hòa Bình là 20.5%⁴⁸, mức chưa cao nên tình trạng dễ bị tổn thương đối với hạn hán ở Hòa Bình ở mức trung bình.

2.2.4. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất

Sạt lở đất là thiên tai đặc trưng ở khu vực miền núi phía Bắc, sạt lở đất do mưa to kéo dài, sự thay đổi của đất và cũng do con người tác động vào. Tình trạng dễ bị tổn thương của sạt lở đất:

Nằm trong vùng đất khô hạn, nơi có điều kiện khô hạn gia tăng do hạn hán; canh tác trên các vùng đất có chất lượng thấp hoặc đất canh tác bạc màu.

- Xây dựng các khu dân cư trên sườn dốc, trên nền đất mềm yếu hoặc trên đỉnh vách đá.
- Xây dựng các khu dân cư ở chân sườn dốc, tại nơi các sông suối từ trong thung lũng đổ ra sông.
- Xây dựng đường giao thông, đường dây thông tin ở các vùng núi.
- Xây dựng công trình trên nền mỏng, yếu.
- Thiếu hiểu biết, kỹ năng về sạt lở đất.
- Khai thác tài nguyên quá mức, tàn phá rừng trên lưu vực.

Sạt lở đất làm trượt lở sườn dốc thường gây chết người, bất kỳ thức gì nằm trên đường trượt lở sẽ bị phá hủy; đất đá có thể vùi lấp đường giao thông,

⁴⁸ Theo Theo Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê.

cắt đứt đường dây thông tin, đường thủy. Các tác động không trực tiếp có thể bao gồm thiệt hại về năng suất nông nghiệp, đất rừng và lũ lụt.

Kết quả phân vùng nguy cơ trượt lở đất đá trong phạm vi khu vực tỉnh Hòa Bình cho thấy ⁴⁹:

- Trong số 10 đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Hòa Bình, có 1 huyện được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá rất cao (huyện Mai Châu), 5 huyện được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá cao (các huyện Cao Phong, Đà Bắc, Tân Lạc, Kim Bôi và Thành phố Hòa Bình) và 4 huyện được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá trung bình (các huyện Lạc Sơn, Lạc Thủy, Lương Sơn và Yên Thủy).

- Trong số 151 đơn vị hành chính của tỉnh Hòa Bình, có 46 xã được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá rất cao; 67 xã được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá cao; 77 xã được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá trung bình; 17 xã được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá thấp; và 3 xã được xác định có nguy cơ trượt lở đất đá rất thấp.

Qua số liệu cho thấy tình trạng dễ bị tổn thương đối với sạt lở đất ở Hòa Bình ở mức độ cao và cần phải có các biện pháp, phương án ứng phó kịp thời để giảm thiểu rủi ro cũng như thiệt hại gây ra.

2.2.5. Đối với giông, lốc, sét, mưa đá

Giông, lốc, sét, mưa đá thường xảy ra vào thời điểm giao mùa cuối tháng 4 và tháng 5 và trong mùa mưa, bão. Hòa Bình hàng năm có hàng trăm căn nhà bị tốc mái, đổ sập và hàng ngàn diện tích lúa, hoa màu bị thiệt hại.

Tình trạng dễ bị tổn thương do giông, lốc, sét, mưa đá:

- Các công trình nhẹ, công trình cũ, xây dựng bằng các vật liệu có chất lượng kém.

- Thuyền đánh cá thiếu áo phao/ vật nổi

- Do cộng đồng thiếu nhận thức về rủi ro do giông, lốc, sét, mưa đá

Trong những năm gần đây, giông, lốc, sét, mưa đá xảy ra bất thường và thường xuyên hơn, xét về độ lớn của những loại hình thiên tai này và tình trạng dễ bị tổn thương tại Hòa Bình ở mức độ trung bình cao, cần phải có những biện pháp ứng phó, nâng cao nhận thức cộng đồng như trong quá trình sản xuất ngoài trời, nếu có thấy giông, người dân cần phải tìm những nơi trú tránh an toàn để tránh những hiện tượng bất thường xảy ra.

2.2.6. Một số loại hình thiên tai khác

Bên cạnh các loại hình thiên tai xảy ra thường xuyên gây thiệt hại đến

⁴⁹ Theo Báo cáo “Bản đồ phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá khu vực tỉnh Hòa Bình năm 2018 của Viện Khoa học địa chất và khoáng sản- Bộ Tài nguyên và Môi trường

người và tài sản của người dân thì địa bàn tỉnh Hòa Bình còn có một số các loại hình thiên tai khác có thể gây thiệt hại cho con người và thiệt hại về kinh tế như: sương mù, rét hại, sương muối, động đất.

Tình trạng dễ bị tổn thương của sương mù, rét hại, sương muối, động đất được đánh giá ở mức thấp xét về độ lớn thiên tai, tần suất xảy ra và mức độ thiệt hại. Tuy nhiên, cũng cần phải có phương án ứng phó vì thiên tai ngày càng khốc liệt và diễn biến bất thường, không theo quy luật nên cũng không thể chủ quan, lơ là.

3. Đánh giá năng lực phòng chống thiên tai

3.1. Những kết quả đạt được trong công tác phòng chống thiên tai

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy tỉnh đã quan tâm chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác chuẩn bị phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; chỉ đạo huy động lực lượng, phương tiện, vật chất đảm bảo cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Đã có sự chuyển biến tích cực về nhận thức của chính quyền các cấp và cộng đồng người dân trong công tác phòng chống thiên tai, theo hướng quản lý rủi ro thiên tai, qua đó đã từng bước chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, lấy phòng ngừa là chính.

- Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành đã tổ chức, duy trì nghiêm túc chế độ trực ban theo quy định.

- Các thành viên BCH PCTT tỉnh khẩn trương xuống địa bàn đã được phân công, phối hợp và chỉ đạo BCH PCTT các huyện, thị xã đối phó với mưa, bão, úng ngập, thiên tai theo phương án đã được xây dựng.

- Tổ chức thường trực, dự báo, theo dõi chặt chẽ và thông báo kịp thời diễn biến mưa bão, lũ, úng ngập, thiên tai cần thông báo kịp thời về cấp độ, hướng bão và thời gian dự kiến bão đổ bộ để phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại. Cảnh báo cho nhân dân đảm bảo an toàn về tính mạng trong bão lớn, ngập sâu.

- Phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách khu vực, cán bộ kỹ thuật theo dõi, tham mưu xử lý kịp thời các tình huống xảy ra (úng ngập, sạt lở, sự cố công trình đê điều, hồ đập).

- Sự phối hợp thống nhất, khẩn trương giữa Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, Thành phố, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các Sở, ban, ngành trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai đã góp phần vào việc giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Các Trưởng đoàn là thành viên Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh theo quyết định phân công phụ trách địa bàn, chủ động phối hợp với Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tại các địa phương kiểm tra, chỉ đạo công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn mình phụ trách; Thường xuyên nắm bắt thông tin và báo cáo về UBND tỉnh và Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh là nhân tố quan trọng trong công tác ứng phó thiên tai;

- Trong công tác phòng chống thiên tai, sự chủ động của các đơn vị, địa

phương triển khai theo phương châm 4 tại chỗ, công tác chỉ đạo kiên quyết là yếu tố quyết định đến hiệu quả công việc. Đặc biệt là trong công tác di dời dân khỏi vùng nguy hiểm; công tác huy động lực lượng giúp đỡ người dân trong việc di dời cũng như việc bảo vệ trật tự, trị an trong quá trình di dời vẫn phải được đảm bảo để không gây ra các sự cố hoặc trường hợp mất ổn định an ninh trật tự trong khu vực xảy ra thiên tai;

- Việc kêu gọi các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác phòng chống, ứng cứu sự cố thiên tai bên cạnh các lực lượng của chính quyền là phương cách hiệu quả để áp dụng phương châm bốn tại chỗ. Sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong công tác ứng phó thiên tai năm 2020 vừa qua đã giúp cho các địa phương nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân cũng như các thực hiện có hiệu quả các hoạt động phòng chống thiên tai khác;

- Bên cạnh sự chỉ đạo sâu sát, kiên quyết của chính quyền các cấp, sự đồng thuận của người dân trong việc ứng phó thiên tai, chủ động di dời khỏi vùng nguy hiểm cũng là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo an toàn tính mạng của nhân dân cũng như hạn chế các thiệt hại khác do thiên tai gây ra;

- Việc thành lập đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã mang lại hiệu quả thiết thực trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ngay từ những giờ đầu tại các địa phương; phát huy hiệu quả của lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai tại địa phương.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phòng chống thiên tai của thành phố vẫn còn tồn tại những hạn chế như sau:

- Đã có các bài học từ những năm trước để hạn chế thiệt hại về người tuy nhiên vẫn còn có trường hợp tử vong do giao thông trên đường tại các ngầm khi có lũ lớn, nhất là trong những trận mưa mang tính cục bộ. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức chủ quan của người dân, nhưng bên cạnh đó, chính quyền địa phương, các lực lượng chức năng thiếu chủ động, chưa thực sự cương quyết trong việc ngăn cản người dân trong vùng ảnh hưởng của thiên tai như đi qua ngầm tràn khi có nước lũ dâng cao và chảy siết;

- Phương án ứng phó thiên tai đã được xây dựng nhưng chưa thực sự sát với thực tế; Các kịch bản đặt ra còn mang tính lý thuyết, chưa dự báo được các sự cố thiên tai xảy ra dẫn đến việc ứng phó với sự cố thiên tai còn nhiều lúng túng, bất cập. Việc xác định các loại hình thiên tai chưa gắn sát được với các khu vực cụ thể chi tiết nên còn bị động trong việc phòng chống; Kế hoạch phòng chống thiên tai của các ngành, các địa phương còn mang nặng tính chung chung, hình thức khó triển khai ra ngoài thực tế, chưa bám sát các quy định của Luật phòng chống thiên tai, sổ tay hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai, các văn bản hướng dẫn của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh;

- Công tác tham mưu trong lĩnh vực phòng chống thiên tai của các ngành, các địa phương, đặc biệt là của cơ quan thường trực chưa thật sự hiệu quả, còn bị động; Khả năng phán đoán tình huống sự cố thiên tai còn nhiều hạn chế dẫn đến việc triển khai công tác ứng phó thiên tai còn chậm, chưa đáp ứng kịp thời; Các Sở, ngành đã có nhiều cố gắng trong công tác bám sát địa bàn được phân công nhưng sự hợp đồng giữa các địa phương và các Sở, ngành chưa nhịp nhàng, đồng bộ;

- Lực lượng cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai, đặc biệt là ở cấp cơ sở hầu hết vẫn là kiêm nhiệm; cán bộ trong Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện liên tục thay đổi do phải luân chuyển công tác nên còn thiếu kinh nghiệm, việc nắm bắt địa bàn, các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra để đưa ra phương án xử lý còn nhiều khó khăn; các cán bộ làm nhiệm vụ về công tác phòng chống thiên tai nhiều địa phương còn thiếu và yếu đặc biệt cán bộ liên quan đến các nhiệm vụ phòng chống thiên tai như thủy lợi, xây dựng, giao thông.

- Trang thiết bị, phương tiện phục vụ chỉ huy điều hành cũng như phục vụ công tác ứng phó thiên tai ở các cấp còn thô sơ và thiếu, không thường xuyên bảo dưỡng sử dụng, khi cần thiết không vận hành được khiến công tác ứng cứu khi có thiên tai không đáp ứng được yêu cầu, hầu hết các địa phương chưa có kho vật tư chuyên dùng thường phải kết hợp các phòng khác hoặc để vật tư ngoài trời;

- Hệ thống hạ tầng cơ sở còn nhiều hạn chế, địa hình miền núi phức tạp; Khi có thiên tai xảy ra một số bộ phận dân cư bị cô lập, việc tiếp cận chậm do tắc đường, thông tin liên lạc bị gián đoạn không thông suốt do mất điện, thiếu phương án thông tin dự phòng;

- Công tác dự báo, cảnh báo sớm còn nhiều hạn chế, chưa thực hiện được dự báo về lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, chủ yếu mới chỉ dự báo được mưa và lũ trên các triền sông chính. Hệ thống trạm đo mưa đã được tự động một số trạm, tuy nhiên hầu hết vẫn đang ở dạng đo mưa thủ công nên tác dụng dự báo bị hạn chế nhiều;

- Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng còn nhiều hạn chế do thiếu hệ thống, phương tiện và kinh phí, khu vực đồng bào thiểu số. Việc kiểm tra công tác chuẩn bị phòng chống thiên tai của cơ quan thường trực đối với các địa phương, các ngành chưa được duy trì thường xuyên; Công tác cập nhật thông tin do ảnh hưởng của thiên tai còn chậm; sự phối hợp của Văn phòng thường trực và các địa phương chưa đồng bộ dẫn đến có những thời điểm thông tin cung cấp chưa chính xác;

- Một số địa phương còn có tình trạng chủ quan, chưa đánh giá hết mức độ nguy hiểm của thiên tai, chưa kiên quyết trong việc đôn đốc, hướng dẫn, cưỡng chế người dân khi xảy ra thiên tai mưa lũ. Còn nhiều trường hợp, chính

quyền địa phương vẫn để người dân khi có thiên tai mưa lũ chưa chịu di dời hoặc vẫn để người và phương tiện đi qua ngầm tràn, đánh bắt thủy sản khi nước lũ dâng cao... tại vùng nguy hiểm;

- Chưa có các hình thức thông tin phù hợp đối với các khu vực vùng cao, vùng sâu, đặc biệt là các khu vực dân cư sinh sống chủ yếu dựa vào làm nương rẫy, du canh, du cư, khi có thông tin về thiên tai, mưa lũ việc thông báo cho người dân đang đi làm nương rẫy là hết sức khó khăn, do địa hình chia cắt, thông tin liên lạc không được thông suốt;

- Việc tổng hợp thiệt hại thiên tai đã cơ bản được triển khai kịp thời tuy nhiên một số địa phương vẫn còn chậm, chưa thực hiện đúng theo hướng dẫn của các văn bản pháp luật; việc kiến nghị hỗ trợ vẫn diễn ra đơn lẻ chưa có sự thống nhất gây khó khăn cho công tác tổng hợp và trả lời của cơ quan chuyên môn. Đây là vấn đề cần được các địa phương quan tâm sâu sát hơn trong thời gian tới.

- Trong năm qua, do đại dịch COVID19 đã làm cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Hoà Bình nói riêng bị ngưng trệ; dự phòng ngân sách tỉnh đã sử dụng phần lớn dồn cho công tác phòng chống dịch COVID19 nên kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai hạn hẹp dẫn tới việc phục hồi các công trình công cộng và thiệt hại về tài sản, diện tích sản xuất nông nghiệp hạn chế. Bên cạnh đó, công tác thu Quỹ Phòng chống thiên tai bị ảnh hưởng do dịch COVID19 các doanh nghiệp phải ngừng sản xuất, doanh thu tụt giảm nên việc đóng góp bị hạn chế. Từ đó việc hỗ trợ phục hồi công trình từ nguồn Quỹ Phòng chống thiên tai bị hạn chế.

4. Đánh giá mức độ rủi ro thiên tai

4.1. *Cấp độ rủi ro thiên tai ứng với các loại hình thiên tai trên địa bàn thành phố*

Căn cứ cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai. Khi có thiên tai xảy ra, cấp độ rủi ro thiên tai đối với tỉnh Hoà Bình được xác định như sau:⁵⁰

Bảng 9: Đánh giá rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ thiên tai	Loại hình thiên tai	Phạm vi, đối tượng ảnh hưởng
	Lốc xoáy ở mức độ mạnh trên phạm vi rộng	Phạm vi: xảy ra liên tiếp trên địa bàn một số xã Đối tượng chính: Các công trình nhẹ,

⁵⁰ Theo Quyết định 2231/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 về việc phê duyệt phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai cấp tỉnh

2		công trình cũ; người đi đường; thuyền trên sông.
	Hạn hán do lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50%; kéo dài 2-3 tháng và nguồn nước trong khu vực thiếu hụt trên 70%; kéo dài 3-6 tháng và nguồn nước trong khu vực thiếu hụt 50-70%; kéo dài trên 6 tháng và nguồn nước trong khu vực kéo thiếu hụt 20-50%	Phạm vi: xảy ra trên địa bàn một số huyện như: Yên Thủy, Cao Phong (do mất cân đối về cơ cấu cây trồng). Đối tượng chính: ảnh hưởng sản lượng nông nghiệp như: lúa, ngô, cam,...bị thiệt hại từ 30-70%
	Lũ, ngập lụt khi mực nước từ báo động 3 trên sông Đà; trên báo động 3 khoảng 1m trên sông Bùi, sông Bôi, sông Bưởi	Phạm vi: các xóm xã sống ven sông. Đối tượng chính: thuyền, bè trên sông, người và phương tiện đi qua ngầm và các cây trồng ngăn ngày.
	Lũ quét do mưa trong 24h với lượng mưa từ 200-500mm trên phạm vi nhiều tỉnh miền núi phía Bắc; từ trên 500mm trong phạm vi tỉnh	Phạm vi: trên các suối cấp II, cấp III một số xóm, xã Đối tượng chính: người dân và hộ dân nhỏ lẻ sống ven suối, cây nông nghiệp
3	Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa với lượng mưa trên 300mm trong 24h mà mưa đã xảy ra trước đó trên 2 ngày	Phạm vi: trên các tuyến đường giao thông, một số khu vực thuộc các xóm, xã. Đối tượng chính: người và phương tiện đi đường, hộ dân sông ven đồi.
	Bão, áp thấp nhiệt đới mạnh cấp 8,9 hoạt động trên biển Đông (khu vực Vịnh Bắc Bộ); cấp 12-15 hoạt động trên biển Đông (khu vực quần đảo Hoàng Sa)	Phạm vi: toàn tỉnh. Đối tượng chính: người và nhà ở vùng dễ bị ngập lụt, vùng có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét; cây trồng ngăn ngày.
	Hạn hán do lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50%; kéo dài 3-6 tháng và nguồn nước trong khu vực thiếu hụt trên 70%; kéo dài trên 6 tháng và nguồn nước trong khu vực thiếu hụt 50-70%	Phạm vi: xảy ra trên địa bàn một số huyện. Đối tượng chính: ảnh hưởng sản lượng nông nghiệp như: lúa, ngô, cam,...bị trên 70%
	Lũ, ngập lụt khi mực nước trên mức nước lũ lịch sử	Phạm vi: toàn bộ vùng có nguy cơ bị ngập lụt Đối tượng chính: nhà cửa, hoa màu, người và gia súc.

4.2. Xác định mức độ rủi ro thiên tai theo vùng

Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng làm cường độ thiên tai trung bình có xu thế gia tăng, tần suất thiên tai lớn xuất hiện dày hơn, xuất hiện nhiều đợt thiên tai cực đoan trái với quy luật, khó dự báo, cảnh báo, nhiều tình huống bất ngờ, vượt quá năng lực chống chịu của các hệ thống phòng chống. Tình hình khí tượng thủy văn, thời tiết nguy hiểm, nhất là các loại hình thiên tai như: bão trái mùa, trái quy luật; mưa lũ cường suất lớn, hạn hán, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, nắng nóng, rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến khu vực tỉnh Hòa

Bình tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường.

- Vùng có nguy cơ bị ngập lụt:

+ Các xã ven sông Bôi: Đú Sáng, Bình Sơn, Xuân Thủy, Thị trấn Bo, Kim Bôi, Sào Báy, Mỹ Hòa huyện Kim Bôi; Hưng Thi, Phú Thành, Phú Nghĩa, Lạc Long, Cổ Nghĩa, Khoan Dụ, Chi Lê, Yên Bồng huyện Lạc Thủy;

+ Các xã ven sông Bưởi: Xuất Hóa, Vụ Bản, Hương Nhượng, Tân Mỹ, thị trấn Vụ Bản, Vũ Lâm, Ân Nghĩa huyện Lạc Sơn;

+ Các xã ven sông Bùi: Cao Sơn, Tân Vinh, Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn;

+ Các xã ven sông Lạng: Lạc Lương, Đa Phúc, Bảo Hiệu, Hữu Lợi, Đoàn Kết, Ngọc Lương huyện Lạc Thủy

- Vùng có nguy cơ trượt lở đất: trên cơ sở tổng hợp các tài liệu đã có những năm trước đây và kết quả khảo sát thực địa sơ bộ khu vực có nguy cơ xảy ra trượt lở đất như sau:

+ Huyện Đà Bắc: trượt lở đất tập trung xảy ra ở vùng núi phía Bắc huyện Đà Bắc. Tại xã Đồng Nghê: xảy ra dọc theo sườn núi ở thung lũng suối Nghê, dọc theo tuyến đường từ xã Đồng Nghê đến xã Suối Nánh, sườn phía Đông thung lũng suối Khoáng; Trượt lở đất xảy ra mạnh mẽ cả về kích thước cũng như tần suất xuất hiện các khối trượt trên đèo từ xã Suối Nánh đến xã Mường Chiềng và từ xã Giáp Đất sang xã Tân Pheo, thượng nguồn của dòng Thu Lu; Dọc tỉnh lộ 433 từ xã Tân Pheo đến xã Tân Minh, trượt lở diễn ra mạnh mẽ trên các sườn núi, taluy 2 bên đường với mật độ và kích thước lớn; Dọc theo sườn phía tây bắc của suối Trâm, trượt lở xảy ra với mật độ lớn, theo dạng tuyến có phương Đông Bắc- Tây Nam Dọc thung lũng suối Cái từ Tây Mãng đến hồ Mu Công cũng xuất hiện các khối trượt có kích thước nhỏ ở sườn phía bắc của thung lũng; Trên địa phận phía bắc xã Tu Lý, tại các hồ Mố La, hồ Mạ, hồ Xóm Cháu cũng xuất hiện nhiều vết nứt, sụt đất gây nguy hiểm cho các đập của hồ.

+ Thành phố Hòa Bình: Trên đoạn đường từ Tu Lý về đến thành phố hiện tượng trượt lở xảy ra rất mạnh; ở sườn phía nam của thung lũng suối Tra, tại xóm Máy; ở dọc theo sườn phía Tây và Đông của trũng thung lũng thành phố Hòa Bình; dọc theo sườn phía tây sông Đà thuộc phường Hòa Bình và Yên Mông, dải này kéo dài đến tận phường Thái Bình ở phía nam thành phố. Khối trượt lớn nằm ở phường Thái Bình. Hiện tượng trượt lở đất phát triển mạnh ở dải phía đông của thung lũng Hòa Bình. Trên sườn núi có độ dốc trên 25° thuộc các xã Sủ Ngòi, Dân Chủ, Thống Nhất, trượt lở diễn ra cũng khá mạnh mẽ. Các tuyến dọc theo sườn núi phía đông thung lũng sông Đà thuộc các xã Hợp Thành, Hợp Thịnh; tuyến dọc tỉnh lộ từ Bãi Nải đến Phúc Tiến qua đèo Bụt và tuyến dọc QL6 thuộc các xã Dân Hòa, Mông Hóa.

+ Huyện Mai Châu: Là nơi phát triển và bị ảnh hưởng nặng nề của trượt lở đất và cả nứt sụt đất, phát triển mạnh ở xã Sơn Thủy (xã Phúc Sạn cũ), xã Tòng Đậu, xã Thành Sơn (xã Pù Bin, Noong Luông cũ), Cun Pheo. Tại xã Sơn Thủy (Phúc Sạn cũ) sạt, trượt lở đất xảy ra dọc theo QL6 (cũ); dọc theo sườn thung lũng suối Xia (trong kế hoạch ghi là Thia) khu vực thị trấn Mai Châu diễn

ra nhiều điểm sạt, trượt lở đất trên các thành đá vôi; dọc dải sườn núi có độ dốc khoảng $25-30^\circ$ ở phía bắc của xã Bao La (xã Bao La, xã Piềng Vế cũ) và Cum Pheo cũng xảy ra trượt lở rất mạnh.

+ Huyện Tân Lạc: trượt lở đất diễn ra chủ yếu ở các xã Phong Phú, Nhân Mỹ, Ngọc Mỹ và Đông Lai huyện Tân Lạc; các xã Quyết Chiến, Lũng Vân nằm trong các thung lũng cactơ, nên hiện tượng lũ úng ngập diễn ra rất mạnh mẽ. Sụt đất phát triển theo dạng tuyến từ Lũng Vân đến Ngổ Luông; tại Đông Lai còn phân bố tai biến nứt đất. Dọc theo tuyến từ Dịch Giáo đến Nhân Mỹ và Lỗ Sơn, trượt lở cũng diễn ra mạnh mẽ.

+ Huyện Cao Phong: Kết quả khảo sát nghiên cứu cho thấy, trượt lở đất diễn ra chủ yếu ở các xã Tây Phong, Hợp Phong, Thạch Yên, Thung Nai, Bình Thanh và dọc theo QL6 một số điểm trượt lở xảy ra mạnh như dốc Quy Hậu, dốc Cun; trượt lở đất diễn ra chủ yếu trên các sườn đồi, khi lũ quét đi qua sẽ cuốn theo các vật cản trên đường.

+ Huyện Lương Sơn: trên địa phận huyện Lương Sơn, trượt lở đất phát triển ở bên sườn núi phía đông của huyện, thuộc địa phận các xã Tân Vinh, Liên Sơn và Cao Sơn; Dọc theo tuyến khảo sát từ Bãi Chạo (Kim Bôi) đi Bãi Lạng (Lương Sơn), ngay ở khu vực xã Trường Sơn nơi tiếp giáp giữa 2 huyện. đã liên tiếp xảy ra nhiều lần trượt lở đất do ảnh hưởng trực tiếp của con suối nhỏ chạy từ hướng tây đổ vào suối Bùi; Tại khu vực Cầu Dâu đi Cốt Bài, xóm Ve, xóm Suối Khé. Điểm trượt ở taluy âm nguy hiểm nhất, đã từng gây ra nhiều vụ tai nạn cũng như ách tắc giao thông phải kể đến đoạn km số 4 tỉnh lộ từ ngã ba Khăm đến Bãi Lạng dọc theo sông Bùi; Ngoài ra, trên sườn núi có độ dốc lớn trên 25° ở các xã Tân Vinh và Cao Sơn đã xảy ra trượt lở với các khối trượt có kích thước không nhỏ; Dọc theo tuyến Ao Kênh- Sơn Thủy thuộc xã Liên Sơn. Sạt, trượt lở lớn xảy ra dọc theo sườn núi có độ dốc trên 25° .

+ Huyện Kim Bôi: trượt lở đất phổ biến ở xã Đú Sáng, Bình Sơn, Hợp Tiến, Đông Bắc, Kim Bôi, Cuối Hạ và Kim Lập. Tại xã Đú Sáng, sạt, trượt lở mạnh xảy ra dọc theo tuyến đường từ xã Bình Sơn đi Đú Sáng và Độc Lập (thành phố Hòa Bình). Trên đoạn đường dài gần 3km thuộc khu vực đèo Đú Sáng đi Bái Tam đã xảy ra hàng chục điểm trượt lở ; Dọc theo sườn núi phía tây huyện Kim Bôi từ xã Bình Sơn đến các xã Đông Bắc, Hợp Tiến, Kim Bôi đã diễn ra nhiều điểm sạt, trượt lở đất. Dọc theo các sườn dốc trên 25° ở xã Kim Bôi phân bố các khối trượt có kích thước lớn gây nguy hiểm cho cư dân sinh sống ở chân sườn núi; Từ xã Hùng Sơn đến các xã Kim Lập, mật độ khối trượt cũng lớn; khu vực đồi Mèo Rạ, đồi Có Múc thuộc xóm Gái Trong, xã Kim Lập tồn tại một vết nứt sâu, rộng và kéo dài cắt qua đồi gây trượt lở liên tục trong các mùa mưa bão.

+ Huyện Lạc Sơn: Trên địa phận huyện Lạc Sơn, trượt lở đất phát triển ở 2 bên sườn núi phía đông và phía tây của huyện. Trượt lở đất phát triển rất mạnh, hình thành 2 tuyến ở các xã Quý Hoà, Mỹ Thành, Tuấn Đạo, Miên Đồi, Bình Hẻm và Tân Mỹ, Ân Nghĩa.

Tại khu vực làng Chẹ, xã Ân Nghĩa, tiềm năng xảy ra trượt lở đất ở đây

rất lớn và nguy hiểm, cần thiết phải được cảnh báo.

Tại xã Quý Hoà, sạt, trượt lở rất lớn xảy ra dọc theo sườn núi có độ dốc trên 25° . Các khối trượt phân bố ở xóm Củ và xóm Ngọc, khi trượt lở kèm theo nứt đất và lũ quét.

Dọc theo sườn núi phía tây bắc xã Mỹ Thành, nứt đất kèm theo trượt đất phát triển mạnh; dọc theo tuyến lộ trình từ Vụ Bản đi Ngọc Lâu đoạn qua Dốc Đàm, các bậc địa hình có độ chênh cao khác nhau, vách dựng đứng, hiện tượng lở đá, đá đổ thường xuyên xảy ra gây ách tắc giao thông và đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng của cộng đồng dân cư đang sinh sống ở nơi.

Với mục đích giải quyết việc cung cấp nước cho trồng trọt và sinh hoạt cho cư dân địa phương ở một số khu vực khan hiếm nước trên địa bàn huyện, một loạt các hồ được tạo ra trong các vực hẻm sâu như hồ Làng Khoang (xã Phú Lương), các hồ nối tiếp nhau ở khu vực Mường Thượng, Mường Hạ, Làng Kho (xã Định Cư), hồ Mu Ma, hồ Re (xã Yên Nghiệp), hồ Ái, hồ Dài (xã Liên Hòa) Với dung tích chứa nước lớn, lại thường nằm ở các vị trí trên cao, trong phạm vi ảnh hưởng của các đứt gãy đang hoạt động, vì thế cũng cần thiết phải được cảnh báo.

Ngoài ra, ở huyện Lạc Sơn, hiện tượng sụt đất có phát triển ở nhiều nơi dọc theo đới đứt gãy Sông Đà và Sơn La - Bim Sơn. Tại xã Ân Nghĩa, nơi có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua đã xảy ra sụt đất.

+ Huyện Yên Thủy: Tai biến trượt lở xảy ra ở mức độ yếu. Tại khu vực xóm Hổ, xã Ngọc Lương, hồ Lãi Lũ và một số hồ khác lân cận có dung tích lớn được tạo thành do ngăn các con suối nhỏ. Các đập cũng như các lòng hồ nằm trong phạm vi ảnh hưởng của các đứt gãy đang hoạt động, do đó, xuất hiện hiện tượng nứt thân đập, hồ thường xuyên bị mất nước và hiện tượng lún sụt mặt đập xuất hiện.

Dọc ven bờ Sông Bôi dưới dạng các bãi bồi, bậc thềm tương đối bằng phẳng được nhân dân trong vùng tận dụng canh tác triệt để. Tuy nhiên nguy cơ tai biến như sạt lở bờ, úng ngập lại thường xảy ra ở các khu vực này. Hiện tượng phá hủy các bãi hoa màu và ruộng lúa do lở bờ sông đặc biệt nghiêm trọng. Đoạn sông chảy qua khu vực này theo phương của đứt gãy Đông Bắc - Tây Nam, bị đổi hướng đột ngột do bị chặn bởi vách dựng đứng của núi Niềng chạy theo phương Tây Bắc - Đông Nam. Sự đổi hướng đột ngột của lòng sông đã làm cho bờ trái của khúc ngoặt ở đây liên tục bị phá vỡ, có những chỗ lở bờ tựa như một hẻm vực rất nguy hiểm với độ cao lên đến 20m so với mực nước sông hiện tại. Diễn biến của hiện tượng lở bờ sông khu vực này về lâu dài không những chúng gây thiệt hại lớn cho diện tích trồng cây lương thực và hoa màu ở bờ trái mà còn đe dọa trực tiếp đến tuyến đường Hồ Chí Minh chạy ngang qua đây.

- Vùng có nguy cơ bị lũ, lũ quét : Trên cơ sở những tài liệu khảo sát chi tiết thực địa, xác định những dấu tích còn lại của những trận lũ quét đã từng xảy ra và kết quả điều tra trong nhân dân đã cho phép sơ bộ xác định vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét:

+ Huyện Đà Bắc:

Lưu vực suối Nghê rộng khoảng 19 km² gồm nhiều nhánh suối nhỏ cấp I chảy từ trên sườn núi có độ dốc lớn trên 25°. Mưa lớn, dòng nước tập trung từ các suối cấp I dồn về các suối cấp II, III cộng với nguồn vật liệu do các quá trình sườn như xâm thực, rửa trôi và trượt lở đất cung cấp đã gây nên những trận lũ quét với cường độ tàn phá khá mạnh.

Lưu vực Suối Nánh có diện tích khoảng 20 km², được hình thành từ các nhánh suối cấp I chảy từ trên các sườn núi dốc xuống. Dọc theo thung lũng suối Nánh, ở các khe suối thượng nguồn cấp I, II lũ quét xảy ra với dòng vật liệu lớn, sản phẩm do trượt lở đất diễn ra rất mạnh;

Lưu vực Suối Chum có diện tích khoảng 42 km², được hình thành từ các dòng suối phụ lưu ở trên sườn núi có độ dốc lớn. Dọc theo thung lũng suối Thu Lu, phụ lưu của suối Chum, chảy qua xã Giáp Đất và Mường Chiềng, trên lưu vực khoảng 26 km² đã từng diễn ra các trận lũ quét.

Dọc thung lũng nhỏ ở xóm Náy xã Tân Pheo cũng xảy ra lũ quét - lũ bùn đá.

Dọc theo sườn phía tây bắc của suối Trâm chảy qua xã Trung Thành và Đoàn Kết, trượt lở xảy ra với mật độ cao, theo dạng tuyến có phương Đông Bắc - Tây Nam.

Lũ úng xảy ra ở lưu vực Suối Cái chảy qua các xã Tu Lý, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình.

+ Thành phố Hoà Bình: Trượt lở đất, lũ quét diễn ra cũng rất phức tạp. Trên đoạn đường từ Tu Lý về đến thành phố Hoà Bình hiện tượng trượt lở xảy ra rất mạnh đã cung cấp nguồn vật liệu cho dòng suối Trà, gây lũ quét tàn phá nặng nề cho vùng phía tây thành phố Hoà Bình; Ở sườn phía mạnh đã cung cấp nguồn vật liệu cho dòng suối Trà, gây lũ quét tàn phá nặng nề nam của thung lũng suối Trà, tại xóm Máy, điểm ngã 3 nơi hội tụ của suối Cang với suối Trà còn để lại dấu tích của lũ quét. Ngoài ra, ở phía đông của thành phố Hoà Bình, dấu hiệu của lũ quét tồn tại ở xã Thống Nhất, thành phố Hoà Bình; Lưu vực Suối Thản, xã Phúc Tiên có diện tích khoảng 15km² là một trong những lưu vực suối đã từng diễn ra các trận lũ quét điển hình. Ngoài ra, lũ quét còn xảy ra trên các sông, suối thuộc lưu vực Suối Sào, xã Độc Lập.

+ Huyện Lương Sơn: Lưu vực Suối Trung, thượng nguồn sông Bùi có diện tích khoảng 77km² thuộc địa phận xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn. Theo điều tra trong nhân dân, nơi đây chủ yếu xảy ra lũ úng ngập khi có mưa lớn. Ngoài ra, lũ quét còn xảy ra trên các sông, suối thuộc lưu vực Suối Ông thuộc xã Liên Sơn có diện tích khoảng 15km² đã từng xảy ra lũ quét.

+ Huyện Kim Bôi: Lưu vực Suối Cả, Suối Lôi có diện tích khoảng 54 km², thuộc xã Hợp Tiến là một trong những lưu vực suối đã từng xảy ra những trận lũ quét trong lịch sử; Ngoài ra, các lò sinh lũ quét còn chủ yếu xảy ra lưu vực cấp I và II của lưu vực Suối Sào chảy qua xã Đú Sáng; Theo điều tra trong nhân dân, lũ úng ngập diễn ra khá mạnh mẽ ở xã Kim Lập, Kim Bôi, Hợp Tiến và Cuối Hạ, huyện Kim Bôi. Nơi hứng chịu sự tàn phá nằm trong lưu vực cấp III và IV

và ở gần nơi các thung lũng suối đổ vào lòng sông Bôi.

+ Huyện Cao Phong: Lưu vực suối Bưng chảy qua các xã Hợp Phong, Thu Phong và thị trấn Cao Phong, phần thượng nguồn có diện tích khoảng 30km² là một trong những lưu vực suối đã từng xảy ra lũ quét rất điển hình của huyện Cao Phong; Lưu vực suối Bằng, suối Bầm chảy qua các xã Hợp Phong, Dũng Phong, Nam Phong, Tây Phong và thị trấn Cao Phong, phần thượng nguồn có diện tích khoảng 21km², thuộc địa phận các xã Hợp Phong, Dũng Phong, Thạch Yên cũng đã từng xảy ra lũ quét.

+ Huyện Tân Lạc: Lưu vực Suối Lãng có diện tích khoảng 47km thuộc xã Ngọc Mỹ là một trong những lưu vực suối đã từng xảy ra các trận lũ quét trong lịch sử điển hình của huyện Tân Lạc; Lũ quét còn xảy ra trên các sông, suối thuộc lưu vực Suối Môn, xã Đông Lai, huyện Tân Lạc; Đập của hồ Vung nằm trong vùng ảnh hưởng của đối phá huỷ kiến tạo hiện đại, thân đập có biểu hiện của nứt nẻ, rò rỉ nước qua thân đập. Chính vì vậy, đập hồ Vung cần phải có biện pháp gia cố, bảo vệ an toàn cho thân đập, đặc biệt khi có mưa lớn ở đầu nguồn. Bởi lẽ khi trên các lưu vực cấp I, II ở đầu nguồn sinh lũ quét thì sẽ không lường hết hậu quả xảy ra; Ngoài ra, ở huyện Tân Lạc còn phát triển hiện tượng lũ úng ngập rất nặng nề ở các xã Lũng Vân, Nam Sơn, Ngổ Luông.

+ Huyện Mai Châu: Lưu vực Suối Lúp, ở xã Cum Pheo, xã Bao La (Bao La, Piềng Vế cũ) phụ lưu của sông Mã có diện tích khoảng 130km, là một trong những lưu vực suối đã từng xảy ra lũ quét trong lịch sử điển hình của huyện Mai Châu; Tại vực xóm Xộp và xóm Suối Nhúng xã Sơn Thủy (xóm Xộp và xóm Suối Lung của xã Phúc Sơn ghi trong kế hoạch) lòng suối tạo thác rất dốc, lưu vực suối Nhúng (suối Lung) với diện tích khoảng 41km² đã từng xảy ra các trận lũ quét lịch sử; Lưu vực Suối Vắn ở phía đông thị trấn Mai Châu cũng đã từng xảy ra lũ quét.

+ Huyện Lạc Sơn: Lưu vực Suối Trầm, Suối Cà có diện tích khoảng 48 km thuộc khu vực xã Quý Hoà, Tuân Đạo và Miền Đồi là một trong những lưu vực suối đã từng xảy ra lũ quét trong lịch sử điển hình của huyện Lạc Sơn; Trên lưu vực Suối Khiên thuộc địa phận xóm Chum, xóm Đồi Bui và xóm Rậm, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn đã từng xảy ra các trận lũ quét trong lịch sử. Như vậy, các lò sinh lũ quét chủ yếu xuất hiện ở các suối cấp I, II, trên các suối phụ lưu ở sườn phía đông của sông Bưởi. Nơi hứng chịu sự tàn phá cũng trong khu vực của lưu vực cấp III và IV ở gần nơi các thung lũng suối đổ vào lòng sông Bưởi. Trong khi đó trên sườn phía tây của thung lũng sông Bưởi thuộc huyện Tân Lạc, Lạc Sơn lại chủ yếu diễn ra các trận lũ, úng ngập.

+ Huyện Yên Thủy: Địa phận huyện Yên Thủy nằm ở hạ lưu của sông Bưởi chảy qua đất Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Các lưu vực suối chủ yếu chảy trên địa hình trũng thấp, độ dốc không lớn. Lũ quét không có điều kiện phát sinh và tàn phá. Nơi đây chủ yếu là nơi hứng chịu các trận lũ, úng ngập rất nặng nề. Các xã Ân Nghĩa và Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, xã Lạc Thịnh, Yên Lạc, huyện Yên Thủy là những nơi thường xuyên bị hứng chịu những trận lũ úng lụt lớn, gây ngập lụt cả một vùng rộng.

+ Huyện Lạc Thủy: Ở vùng hạ lưu của sông Bôi, nơi sông Bôi chảy sang đất của tỉnh Ninh Bình. Đây là vùng địa hình trũng thấp, chính vì vậy hiện tượng lũ, úng ngập thường xuyên xảy ra hàng năm. Các lưu vực suối nhỏ chủ yếu bắt nguồn từ các dãy núi đá vôi, hiện tượng lũ úng ngập lại càng phát triển mỗi khi có mưa lớn. Lũ úng ngập đã xảy ra trên các sông, suối thuộc lưu vực sông Bôi thuộc xã Đồng Tâm, Yên Bồng, huyện Lạc Thủy.

Như vậy, lũ quét đã diễn ra chủ yếu ở phần Bắc và trung tâm của tỉnh Hoà Bình. Kết quả khảo sát thực địa và điều tra trong nhân dân đã cho thấy, lũ quét xảy ra khá thường xuyên, cường độ mạnh ở các lưu vực Suối Nánh, xã Suối Nánh, Suối Chum, xã Giáp Đất, Mường Chiềng và Đồng Chum, Suối Trâm, Suối Sỏ, xã Tân Minh, Đoàn Kết và Trung Thành thuộc huyện Đà Bắc; các lưu vực Suối Bang, Suối Cun, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong và các lưu vực Suối Trâm, Suối Ca, xã Quý Hoà, Tuấn Đạo và Miền Đồi, huyện Lạc Sơn. Lũ quét diễn ra ở mức trung bình ở các lưu vực Suối Nghê, xã Đồng Nghê, huyện Đà Bắc; Suối Lúp, xã Cun Pheo, xã Bao La, xã Suối Lung, xã Phúc Sạn, Đồng Bảng, huyện Mai Châu; Suối Cả, Suối Lôi, xã Hợp Tiến, huyện Kim Bôi; Suối Môn và Suối Láng, xã Đông Lai, Ngọc Mỹ, huyện Tân Lạc. Ngoài ra, trên địa phận tỉnh Hoà Bình, lũ úng ngập lụt đã xảy ra thường xuyên ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các huyện phía nam của tỉnh như Tân Lạc, Yên Thủy và Lạc Thủy, phía đông của tỉnh như thành phố Hoà Bình và Lương Sơn .

PHẦN 2. KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÒA BÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

CHƯƠNG V. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Định hướng xây dựng kế hoạch

- Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 được xây dựng trên cơ sở các loại hình thiên tai đã và đang xảy ra trên địa bàn tỉnh, trong đó Luật 60/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT số 33/2013/QH13 và Luật Đê điều số 79/2006/QH11 trong đó tại Điều 1 Luật PCTT bổ sung loại thiên tai cháy rừng do tự nhiên;

- Kế hoạch xây dựng phù hợp với yêu cầu trong thực tiễn để nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, đáp ứng các mục tiêu giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các giải pháp cơ bản trong phòng chống thiên tai của tỉnh Hòa Bình tập chung vào 2 nhóm biện pháp chính là phi công trình và công trình.

2. Các biện pháp phòng chống thiên tai

2.1. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu

2.1.1. Biện pháp phi công trình

a) Thể chế, chính sách

- Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đồng bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và phù hợp với điều kiện địa phương; có chế tài để thực thi hiệu quả các quy định pháp luật trong phòng, chống thiên tai, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

- Ban hành chính sách cụ thể thúc đẩy xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống thiên tai, nhất là trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đầu tư xây dựng công trình, cung cấp dịch vụ công và bảo hiểm rủi ro thiên tai.

- Rà soát, áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định và xây dựng lộ trình kiểm soát việc đầu tư công trình hạ tầng đảm bảo an toàn trước thiên tai.

- Đề xuất các giải pháp phòng, chống ngập lụt, tiêu úng cho các khu vực dân cư, đô thị có nguy cơ cao đặc biệt là chống ngập úng cho thành phố Hòa Bình, đảm bảo hoàn thiện hệ thống đê điều khép kín ở 2 bờ sông Đà và các sông trên địa bàn tỉnh;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dự báo đặc biệt là phát triển phần mềm quản lý thủy lợi; tính toán mưa trên các lưu vực hồ lớn để đưa ra cảnh báo lũ và an toàn công trình.

- Xây dựng giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; phương án giá hương án giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác năm 2021 và các năm tiếp theo đảm bảo thực hiện phù hợp;

- Điều chỉnh điều kiện mật độ lưu vực và các khu trữ lũ: Thực hiện biện pháp "nông, lâm kết hợp" để chống xói mòn, cải tạo đất, tăng năng suất cây trồng, phát huy hiệu quả sử dụng đất.

- Phê duyệt và tiếp tục thực hiện đề án đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước.

- Xây dựng chi tiết hơn nữa các điểm sạt lở, có nguy cơ sạt lở khi lập bản đồ phân vùng nguy cơ lũ quét sạt lở đất.

- Xây dựng mô hình quản lý các công trình cấp nước tập trung nông thôn phù hợp, phát huy hiệu quả ở cấp cơ sở.

b) Tổ chức, bộ máy

- Kiện toàn, nâng tầm hoạt động của Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, tăng cường trách nhiệm cá nhân của thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp trong thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về PCTT các cấp theo hướng đồng bộ, thống nhất, chuyên nghiệp, trên cơ sở sắp xếp lại các tổ chức hiện có, đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng, chống thiên tai trong tình hình mới trên nguyên tắc không tăng thêm đầu mối và biên chế theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật PCTT.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai các cấp theo hướng chuyên nghiệp, thường xuyên được đào tạo, tập huấn để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

- Triển khai xây dựng các quy định, quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh.

- củng cố và đào tạo đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã đảm bảo hiệu quả phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phòng chống thiên tai.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị và công cụ hỗ trợ nhất là đối với Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh phục vụ chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai theo thời gian thực.

c) Rà soát phương án ứng phó thiên tai, Quy hoạch, kế hoạch phòng chống thiên tai phù hợp với điều kiện từng vùng trong tỉnh:

- Hàng năm rà soát và xây dựng phương án ứng phó rủi ro thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với từng loại hình thiên tai đã xảy ra trên địa bàn thành phố;

- Soát xét các quy hoạch đã quá 5 năm cần bổ sung, cập nhật để quy hoạch phù hợp với phát triển kinh tế của tỉnh (quy hoạch thủy lợi; quy hoạch đê điều, quy hoạch thoát nước...);

- Quy định việc huy động nguồn lực trong ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai cho trường Ban Chỉ huy PCTT các cấp;

- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du cho tất cả các hồ chứa được quy định phải xây dựng.

- Xây dựng hoàn thiện và rà soát phương án Ứng phó thiên tai ứng với cấp độ rủi ro thiên tai các cấp, kế hoạch phòng chống thiên tai các cấp.

d) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo

- Nâng cao trang thiết bị phù hợp với địa bàn tỉnh, đảm bảo thông tin dự báo, cảnh báo, chỉ đạo điều hành ứng phó thiên tai của cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai.

- Xây dựng hệ thống công cụ hỗ trợ dự báo thiên tai khí tượng thủy văn, hệ thống mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu ứng với từng thời kỳ; xây dựng hệ thống cảnh báo mưa lớn, lũ, ngập lụt, nắng nóng; đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai (lũ, ngập lụt, sạt lở).

- Tăng cường, cải tiến, chi tiết hóa các bản tin dự báo phục vụ phát triển kinh tế- xã hội và PCTT nhằm giảm chi phí đầu tư và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

đ) Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng

- Tổ chức phổ biến nội dung nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong phòng, chống thiên tai cho cán bộ, viên chức, cá nhân (thuộc đối tượng 4 và đối tượng là cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư) tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh hàng năm.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện Đề án ở các cấp.

- Phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong trường học, nhất là cấp tiểu học và trung học cơ sở. Tổ chức tập huấn, truyền thông, đào tạo nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng ứng phó các tình huống thiên tai phù hợp với đặc thù của địa phương.

- Tổ chức triển khai tập huấn “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Hướng dẫn tập huấn cho cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp về thống kê thiệt hại theo Thông tư 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT.

- Trước mùa mưa lũ cần tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu, rộng pháp luật, cơ chế, chính sách và kiến thức về phòng chống thiên tai trên hệ thống thông tin cơ sở và các báo, đài tỉnh; Đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai; tập huấn cho lực lượng quản lý đê, phòng chống thiên tai; Hàng năm tổ chức diễn tập nâng cao năng lực chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai; diễn tập phối hợp, hiệp đồng các lực lượng của

thành phố trong ứng cứu thiên tai và tiềm kiểm cứu nạn; Ngoài ra còn thông qua hội nghị, hội thảo, các lớp học để tuyên truyền phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách về phòng chống thiên tai.

e) Sản xuất nông nghiệp an toàn trước thiên tai, trồng và bảo vệ rừng phòng hộ.

- Các dự án điều chỉnh sản xuất nhằm hạn chế thiệt hại về người, đảm bảo sinh kế bền vững phù hợp hoặc thích ứng với loại thiên tai từng khu vực.

- Tăng độ che phủ rừng đầu nguồn nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, chống hạn hán, xói lở hạ du.

- Chuẩn bị phương án 4 tại chỗ để có biện pháp bảo vệ rừng khi có thảm họa cháy rừng xảy ra trong đó có tác nhân do thiên tai hạn hán, nắng nóng.

2.1.2. Biện pháp công trình

Tăng cường các thiết bị quan trắc cung cấp số liệu dự báo, cảnh báo sớm mưa lũ, lũ quét, lũ ống, sạt lở đất tại các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai như các huyện: Đà Bắc, Tân Lạc, Kim Bôi, Lạc Sơn, Mai Châu.

- Tăng cường, bổ sung các trạm quan trắc đo mưa, theo dõi thủy văn trên các sông, suối thường xuyên xảy ra thiên tai cho tỉnh Hòa Bình, tăng cường công tác cảnh báo, dự báo thiên tai. Xây dựng hệ thống chuyên dùng phòng, chống thiên tai (trạm đo mưa, trạm cảnh báo tại các ngàm tràn, hệ thống cảnh báo sạt lở đất, lũ quét).

- Triển khai Chương trình đầu tư công về bố trí, sắp xếp dân cư nhằm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai để đầu tư xây dựng các khu tái định cư, ổn định dân cư cho người dân vùng thiên tai.

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa điều tiết lũ ở khu vực thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất

- Xây dựng công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất. Tập trung vào nghiên cứu và xây dựng các đập ngăn bùn đá (đập Sabo) và các công trình phụ trợ tại các khu vực có nguy cơ cao và tập trung dân cư.

- Mở rộng khẩu độ thoát lũ của hệ thống cầu cống của đường giao thông.

- Nâng cao mức đảm bảo phòng chống lũ cho các tuyến đê, hoàn thành các dự án như đường Pheo – Chẹ; Kéo dài tuyến đê Ngòi Dong; nghiên cứu, xây dựng các tuyến đê để ngăn chặn lũ rừng. Xây dựng, nâng cấp đê kết hợp giao thông tại các vùng thấp trũng (thành phố Hòa Bình, Lạc Thủy, Yên Thủy).

- Xây dựng đề án nghiên cứu mức độ đáp ứng của các hồ chứa trong việc phòng chống lũ, cắt giảm lũ trên vùng. Hoàn thiện các đập, hồ chứa nước lớn trên địa bàn tỉnh: Hồ Cánh Tạng, Hồ Thượng Tiến

- Các chương trình, dự án về phát triển công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo an ninh nguồn nước, đầu tư nâng cấp và tăng cường tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn

- Xây dựng nhà ở, nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp sơ tán dân đảm bảo an toàn trước thiên tai. Xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu kết hợp sơ tán dân tại những vùng thường xuyên xảy ra bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân xây dựng nhà ở đảm bảo phòng chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, nhất là mưa đá, giông lốc.

a) Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi

Trong giai đoạn tới, để nâng cao hiệu quả trong sản xuất, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đảm bảo an toàn hồ đập. Tỉnh Hòa Bình cần thực hiện đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới 138 công trình thủy lợi với tổng nhu cầu kinh phí là 2.354,5 tỷ đồng, cụ thể:

- Sửa chữa, nâng cấp 105 công trình, gồm: 03 công trình hồ lớn, 16 công trình hồ vừa, 52 công trình hồ nhỏ và 34 công trình hồ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP với kinh phí 753,0 tỷ đồng, phục vụ tưới cho khoảng 3.039,8ha lúa và 1.314,78 ha cây trồng khác.

- Đầu tư xây dựng mới 33 công trình với kinh phí 1.601,5 tỷ đồng, phục vụ tưới cho khoảng 790,50 ha lúa và 1.100,8 ha cây trồng khác.

Các công trình thủy lợi cần đầu tư, nâng cấp, cải tạo gồm hệ thống kênh tưới tiêu, hồ chứa, bai.

Đầu tư, xây dựng được phân thành 3 giai đoạn:

Năm 2021: Ưu tiên thực hiện các công trình chuyển tiếp từ 2016 – 2020.

Giai đoạn 2022 -2023: Hoàn thiện các hạng mục, công trình đề xuất mới năm 2021 và cải tạo các công trình đã bị xuống cấp.

Giai đoạn 2024 - 2025: Hoàn thiện các hạng mục công trình đã đề xuất mở mới năm 2021 đang thực hiện, nhưng chưa xong của giai đoạn từ 2022-2023, cải tạo nâng cấp các công trình đã bị kém chất lượng, xuống cấp.

(Chi tiết xem tại Phụ lục số 5)

b) Đầu tư xây dựng, nâng cấp đê điều

Để nâng cao khả năng phòng lũ, đảm bảo an toàn dân cư tại các tuyến sông trên địa bàn tỉnh. Trong giai đoạn tới, tỉnh Hòa Bình cần nâng cấp, và xây dựng mới 06 tuyến đê (cấp III, IV, V) với tổng chiều dài 40,926 km và kinh phí là 1.661 tỷ đồng.

Năm 2021: Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 – 2020 và một số công trình đề xuất mới. Các giải pháp cho đê, kè chủ yếu là cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu và xây dựng kè chống sạt lở bờ sông ở một số đoạn gây nguy hiểm cho đê và khu dân cư.

Giai đoạn 2022 -2023: Hoàn thành các công trình mở mới 2021 và triển khai các công trình đề xuất của 2022-2023, bao gồm các công trình nâng cấp đê, kè ở khu vực phân lũ trước đây, hoàn chỉnh mặt đê kết hợp giao thông, xây dựng đường hành lang chân đê chống lún chiếm và xây dựng công trình bảo vệ bờ sông.

Giai đoạn 2024 -2025: Ở giai đoạn này tập trung hoàn thiện các công trình chưa hoàn thành ở các giai đoạn trước. Xây dựng và hoàn thiện các công trình đề xuất ở giai đoạn này để kết thúc đúng kế hoạch đã đề ra. Các công trình trong giai đoạn này vẫn tập trung nâng cấp đê để an toàn chống lũ cho các vùng vừa qua bị ngập. Xây dựng các công trình kè bảo vệ bờ sông khỏi sạt lở ở các khu vực gần đê, gần khu dân cư.

(Xem chi tiết tại Phụ lục 6)

c) Đầu tư, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai

Trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hiện có 49 đoạn sông với tổng chiều dài là 63,831 km bị sạt lở, xói lở các bờ sông, gây nên nguy hiểm tiềm tàng cho các khu vực đất canh tác, khu vực có người dân sinh sống và thay đổi dòng chảy. Để khắc phục nguy cơ trên, trong thời gian tới tỉnh Hòa Bình cần có các biện pháp như xây dựng mái kè, gia cố tường kè, tường bao; đóng cọc bê tông; xây dựng hệ thống mương thoát lũ... tại các đoạn sông trên, với nhu cầu kinh phí là 1.590 tỷ đồng.

(Xem chi tiết tại Phụ lục 7)

d) Đầu tư, xây dựng những khu tái định cư với những khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất

Hiện nay, tại tỉnh Hòa Bình hiện có 79 khu vực có nguy cơ cao về lũ quét và sạt lở đất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sản xuất và an toàn tính mạng của khoảng 6.800 hộ dân. Trong thời gian tới, để đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản và ổn định đời sống người dân, tỉnh Hòa Bình cần thực hiện các Dự án nhằm di dân tái định cư (ổn định dân cư tập trung) và di dân xen ghép, ổn định tại chỗ tại các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét và sạt lở đất với nhu cầu kinh phí 934,368 tỷ đồng.

(Xem chi tiết tại Phụ lục 8)

đ) Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông xét đến yếu tố rủi ro thiên tai

Việc quy hoạch và phát triển hệ thống giao thông thành phố cần kết hợp giữa các sở ngành, đảm bảo quy hoạch thoát nước tổng thể thành phố, có xem xét đến tình hình BĐKH, đặc biệt yếu tố mưa cực trị đảm bảo phòng chống thiên tai của thành phố. Khi xây dựng các công trình giao thông cần xét đến yếu tố RRTT.

- Công trình giao thông xét đến yếu tố thiên tai:

+ Khi đầu tư nâng cấp các công trình giao thông như cầu qua sông, các bến cảng, phà không được làm thu hẹp dòng chảy, thu hẹp thoát lũ gây ra ngập lụt:

- + Khi xây dựng công trình cầu đường không được làm co hẹp dòng chảy lũ;
- + Khi xây dựng đường giao thông, cao trình đường không được làm giảm khả năng thoát lũ, cần phải bố trí hệ thống cống tiêu thoát để tránh gây ngập lụt;

Xây dựng các công trình chỉnh trị giao thông thủy phải tính toán không làm xói lở hệ thống đê điều hay làm giảm mặt cắt thoát lũ, không làm ảnh hưởng đến bờ đối diện ...

Khi xây dựng công trình giao thông cần:

- + Công trình giao thông kết hợp với đường cứu hộ, cứu nạn: đối với vùng ngập lũ, hay bị chia cắt khi có mưa, lũ lớn, nghiên cứu kết hợp đường giao thông với đường cứu hộ, cứu nạn, sơ tán để người dân tránh trú tạm thời.
- + Nâng cao các tiêu chuẩn thiết kế của đường, có biện pháp gia cố chống sạt lở, lũ quét, lắp đặt hệ thống cảnh báo đảm bảo an toàn tại các khu vực nguy hiểm.

e) Công trình hạ tầng cấp, thoát nước và xét đến yếu tố rủi ro thiên tai

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh cần tiếp tục tăng cường năng lực tiêu thoát nước cho các sông, kênh, hồ điều hoà như: Cống điều tiết, hồ điều hoà cải tạo sông (xây kè, nạo vét, cải tạo lòng dẫn) và cải tạo, nâng cấp mở rộng, bảo trì, duy tu và sửa chữa định kỳ các tuyến cống thoát nước;

Khi đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng cần xem xét:

- Công trình hạ tầng cấp, thoát nước: Đối với khu vực đô thị, dân cư tập trung cần có các biện pháp cấp, thoát nước có tính đến yếu tố thiên tai như thiếu nước, hạn hán, ngập lụt...

- Các khu dân cư: Cần xem xét tùy từng khu vực mà thiên tai đã xảy ra theo cấp độ RRTT, loại hình để đưa các yếu tố rủi ro thiên tai vào thiết kế, xây dựng nhà ở, và các hạ tầng khác. Đặc biệt những dân cư chú trọng việc thoát nước nhanh và khu chứa nước khi mưa lớn để tránh ngập cục bộ, khu dân cư bị chia cắt. Cần rà soát tiêu chuẩn xây dựng để đưa chống động đất vào các khu cao tầng.

- Khu công nghiệp: Phải xem xét cốt nền, độ lớn của thiên tai đã xảy ra để thiết kế, xây dựng phù hợp. Cần kết hợp các công trình có sẵn hoặc xây dựng nhà tránh trú thiên tai cho cán bộ, công nhân trong khu công nghiệp hoặc hỗ trợ người dân gần đó để tránh trú thiên tai.

2.2. Các biện pháp ứng phó

2.2.1. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

Ủy ban nhân dân cấp xã: Triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ RRTT; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp huyện: Triển khai ứng phó với cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ RRTT vượt cấp độ 1; báo cáo và đề nghị UBND cấp tỉnh hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

Ủy ban nhân dân tỉnh: Hỗ trợ UBND cấp huyện ứng phó với cấp độ RRTT cấp 1 nếu có đề nghị; triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ RRTT vượt cấp 1; báo cáo, đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT và Ủy ban Quốc Gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

2.2.2. *Nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, đoàn thể*

- Căn cứ vào trách nhiệm của Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp, quyết định phân công nhiệm vụ của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; quyết định phân công nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh; công văn, công điện của Ban chỉ huy triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó theo cấp độ RRTT.

- Chuẩn bị nguồn lực và có kế hoạch rà soát từ đầu mùa thiên tai đảm bảo nguồn lực được huy động trong quá trình ứng phó thiên tai đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Các thành viên Ban chỉ huy các cấp căn cứ vào nhiệm vụ được giao, được phân công phụ trách các địa bàn chủ động kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình ứng phó của các địa bàn phụ trách; đồng thời cùng với lãnh đạo Ban chỉ huy xuống các địa phương để chỉ đạo trực tiếp công tác ứng phó, cứu trợ cũng như đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra để tổng hợp báo cáo về Văn phòng Ban chỉ huy.

- Văn phòng thường trực Ban chỉ huy các cấp tổ chức trực ban 24/24, thu thập các thông tin, phân tích, đánh giá và tham mưu kịp thời xử lý các tình huống trong quá trình chuẩn bị phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả. Công tác điều phối, công tác hậu cần, tổng hợp báo cáo các hoạt động của cả hệ thống và các địa phương để giảm thiểu tối đa thiệt hại về người, kinh tế- xã hội.

2.2.3. *Xác định nguồn lực của địa phương, sở, ngành*

- Nguồn lực ứng phó thiên tai của tỉnh đã được xác định thông qua số liệu đánh giá năng lực trong phần đánh giá RRTT như: hệ thống công trình PCTT; hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất của các ngành; nhân lực chỉ huy điều hành; nguồn nhân lực triển khai ứng phó; vật tư trang thiết bị của tỉnh.

- Căn cứ vào phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt⁵¹; phương án bảo vệ trọng điểm dễ xung yếu, phương án đảm bảo an toàn hồ, đập để xác định và chuẩn bị nguồn lực ứng phó thiên tai của tỉnh.

2.2.4. *Sơ tán dân về nơi an toàn*

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Công điện của Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh chỉ đạo ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, xả lũ hồ Hòa Bình gây ngập lụt, UBND các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị triển khai thực hiện:

⁵¹ Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 về việc phê duyệt phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán người dân vùng ngập lụt, vùng sạt lở đến nơi ở an toàn.

- Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Huy động đội ngũ y sĩ, bác sĩ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho người dân sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện cứu trợ dân sinh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh nơi sơ tán.

2.2.5. Nhiệm vụ ứng phó với từng loại thiên tai cụ thể

a) Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

- Trung tâm khí tượng thủy văn Hòa Bình cần theo dõi sao, dự báo chính xác, cung cấp kịp thời Bản tin dự báo bão mỗi lần 1 lần đến các cơ quan để có căn cứ quyết định triển khai các hoạt động ứng phó bão.

- Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tỉnh TKCN và địa phương ban hành Công điện chỉ đạo, chỉ huy triển khai các hoạt động cụ thể đối phó với bão. Đồng thời cử các đoàn công tác xuống các các vùng trọng điểm kiểm tra, đôn đốc công việc thực hiện.

- Khi có tình huống bão mạnh sẽ đổ bộ trực tiếp vào địa bàn tỉnh, phải lập tức huy động mọi lực lượng, phương tiện của địa phương cũng như của tỉnh có trên địa bàn bao gồm cả quân đội, công an tổ chức sơ tán khẩn cấp số dân trong các vùng trũng thấp, ven sông, vùng có nguy cơ bị sạt lở đất tới địa điểm an toàn hơn, trong đó cần đặc biệt quan tâm, giúp đỡ chu đáo đối tượng dễ bị tổn thương (người già, phụ nữ có thai, trẻ em, người tàn tật). Những người này không chấp hành sơ đồ, các quyền chính có thể áp dụng biện pháp chế tạo để bảo đảm an toàn cho hệ thống mạng cho họ.

- Tại chỗ sơ tán tạm, chính các quyền cần triển khai phương án hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, chăn màn và các điều kiện tối thiểu về y tế, vệ sinh môi trường, trật tự trị an để đồng bào yên tâm lánh nạn; cố gắng bảo đảm bằng yêu cầu: không để dân bị đói, bị rét hoặc phát sinh bệnh dịch.

- Tại những nơi đồng bào vừa đi sơ tán khẩn cấp, lực lượng công an tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm triển khai phương án giữ gìn thứ tự, an ninh, bảo vệ nhà cửa, tài sản cho đồng bào. Khi bão tan, các quyền chính cũng cần huy động đủ phương tiện đưa cho bà con về quê cũ, an toàn, thứ tự.

- Đối với các hồ chứa đang tích đầy nước, khi có dự báo về mưa lũ, lũ sau bão sẽ diễn ra trên lưu vực có khả năng vượt quá mức thiết kế, đe dọa trực tiếp sự an toàn của công trình, UBND các huyện, thành phố, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi chủ động xả bớt nước ở mức độ hợp lý tăng thêm dung tích cất lũ của hồ.

- Tại những đoạn đường, ngầm bị ngập sâu do mưa, lũ phải có biển cấm người và các phương tiện giao thông qua lại. Lực lượng cảnh sát giao thông và thanh tra giao thông phải phân công người túc trực tại chỗ để chỉ dẫn cho người và phương tiện tham gia giao thông đi theo đường tránh nhằm hạn chế ùn tắc giao thông.

- Khi có bão khẩn cấp, hoặc lũ, lụt lớn, Sở Giáo dục và Đào tạo có thể quyết định cho học sinh tạm nghỉ học và hướng dẫn, chỉ đạo các trường thực hiện phương án bảo vệ an toàn trường học, bàn ghế, trang thiết bị giảng dạy; hướng dẫn cho học sinh bảo quản sách, vở không bị bão, lũ lụt gây hư hỏng, mất mát để sau thiên tai học sinh có thể trở lại trường, lớp học tập bình thường.

- Trong thời gian bão đang đổ bộ vào bờ cũng như khi mắt bão đi qua (lúc trời đột ngột lặng gió), các Đài Phát thanh địa phương phải liên tục nhắc nhở những người không được giao nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn khẩn cấp nhất thiết không được ra khỏi nhà để tránh thương vong đáng tiếc.

- Đối với các khu dân cư ở vùng sâu, vùng xa bị cô lập nhiều ngày do cầu, đường bị hư hỏng nặng hoặc bị ngập sâu, giao thông bị tê liệt; dự trữ lương thực, thực phẩm của đồng bào bị cạn kiệt UBND, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN địa phương cần báo tin sớm nhất cho Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh để báo cáo Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn cho máy bay trực thăng chở hàng cứu trợ khẩn cấp đến cho đồng bào.

b) Đối với lũ quét và sạt lở đất

*) Tình huống 1: Lũ quét sạt lở đất xảy ra ở những khu vực đã dự kiến trước

- Khi nhận được lệnh sơ tán khẩn cấp, lực lượng cứu hộ, cứu nạn phải lập tức tới hiện trường triển khai thực hiện phương án chuyển dần tới nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét hoặc sạt lở đất . Chú ý ưu tiên sơ tán trước các đối tượng dễ bị tổn thương.

- UBND, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN cấp huyện , xã triển khai nhanh các điều kiện tối thiểu theo phương án đã chuẩn bị trước để đảm bảo cuộc sống cho nhân dân tại nơi sơ tán.

*) Tình huống 2 : Lũ quét sạt lở đất xảy ra đột xuất ở những khu vực ngoài dự kiến.

- Cứu chữa kịp thời những người bị thương, những người bị thương nặng phải được chuyển nhanh lên tuyến trên;

- Khẩn trương tìm kiếm những người còn mất tích.

- Chôn cất những người bị chết theo phong tục của địa phương

- Nhanh chóng chuyển những người còn sống đến nơi an toàn, dựng lều bạt, cứu trợ khẩn cấp các điều kiện thiết yếu cho đồng bào, động viên thăm hỏi,

chia sẻ đau thương mất mát và giảm nhẹ tổn thương tinh thần cho những người bị mất người thân, mất mát tài sản.

- Sau khi thống kê nhanh, đánh giá mức độ thiệt hại thực tế, đối chiếu chính sách hiện hành theo quy định và báo cáo Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trình đề nghị mức hỗ trợ cụ thể để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định mức cứu trợ khẩn cấp cho các gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

c) Đối với lũ, ngập lụt

- Khi các tuyến đê có nhiệm vụ ngăn lũ xảy ra sự cố, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN cấp huyện cần huy động mọi nguồn lực để cứu hộ và bảo vệ để an toàn theo phương châm “ 4 tại chỗ ”.

- Khi có tin báo lũ khẩn cấp của Trung tâm Khí tượng thủy văn Hòa Bình, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh, huyện, thành phố phải ra lệnh sơ tán dân ở những vùng có nguy cơ bị lụt sâu tới nơi an toàn , trong đó đặc biệt ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương. Đồng thời chính quyền các cấp cần cố gắng chăm lo, đáp ứng được các điều kiện tối thiểu về : chỗ ở , lương thực , thực phẩm, thuốc men, dịch vụ y tế, vệ sinh, môi trường và trật tự, trị an cho nhân dân ở nơi sơ tán.

- Nếu có lệnh vận hành các cửa xả của hồ Hòa Bình, mà dự báo mực nước tại Trạm thủy văn Hòa Bình có thể vượt cao trình 24m, Giám đốc Công ty thủy điện Hòa Bình phải thông báo cho Chủ tịch UBND và Trưởng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh biết trước 06 giờ tính đến thời điểm mực nước lũ đạt tới cao trình 24m, để tỉnh Hòa Bình có đủ thời gian sơ tán dân, đồng thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai.

- Nếu phát hiện sự cố để điều ở hạ du do xả lũ của Công ty thủy điện Hòa Bình thì UBND, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh có trách nhiệm báo cáo và đề xuất phương án khắc phục với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT để xử lý, đồng thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương chống thiên tai để chỉ đạo điều chỉnh chế độ vận hành.

- Công ty Thủy điện Hòa Bình báo cáo cho Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh số liệu của tất cả các lần quan trắc đo đạc trong suốt thời gian làm nhiệm vụ điều tiết chống lũ: mực nước thượng lưu, mực nước hạ lưu, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả, lưu lượng tháo qua tuabin theo các giờ quan trắc: báo cáo trạng thái làm việc của công trình mỗi ngày một lần vào lúc 07 giờ sáng trong suốt mùa lũ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang trên địa bàn triển khai việc tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn ở tất cả các vùng bị

ngập lụt, nhất là ở những vùng có lũ ở thượng nguồn chảy về quá nhanh, gây ngập lụt trong đêm tối, dân chưa kịp đi sơ tán.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các địa phương thu hoạch sớm các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm thủy sản để hạn chế thiệt hại.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh ban hành cấm các dò ngang, dò dọc hoạt động trên sông và chỉ đạo triển khai lực lượng cảnh sát giao thông và lực lượng thanh tra giao thông ứng trực tại chỗ để kiểm tra việc thực hiện lệnh.

- Ngành giao thông vận tải thực hiện cấm biển báo, cảnh sát giao thông và thanh tra giao thông triển khai lực lượng ứng trực tại chỗ cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập sâu và nơi có dòng chảy xiết.

- Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN cấp huyện huy động vật tư, phương tiện, lực lượng của cả Trung ương và địa phương có trên địa bàn để cứu hộ các công trình bị cố sự do lũ lụt gây ra.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh huy động các nguồn lực dự phòng của địa phương để cứu trợ cho nhân dân các vùng bị lũ lụt nặng. Trường hợp nhu cầu cứu trợ của nhân dân vượt quá khả năng của địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ khẩn cấp.

*) Tình huống xảy ra nguy cơ vỡ đập thủy điện Hòa Bình, xả lũ gây ngập lụt ở hạ du:

- 1) Công ty Thủy điện Hòa Bình phải thông báo cập nhật liên tục về sự bất thường hoặc khẩn cấp tại đập, xác định, cập nhật cấp độ khẩn cấp và có những thông báo kịp thời đến các đơn vị tham gia phối hợp ứng phó khẩn cấp. Các hành động ứng phó tại công trình thủy điện Hòa Bình.

- Giám sát chặt chẽ những diễn biến của tình huống;

- Hành động ứng cứu để bảo vệ công trình, khắc phục các nguy cơ xảy ra sự cố dẫn đến trường hợp khẩn cấp đối với hạ du;

Tiến hành các biện pháp đảm bảo an toàn cho lực lượng tham gia vận hành, tham gia ứng phó với tình huống khẩn cấp tại công trình, đảm bảo an toàn người, và tài sản;

- Thông báo và cập nhật thường xuyên diễn biến của tình huống đến các đơn vị tham gia phối hợp ứng phó;

- Cập nhật thông tin ứng phó khẩn cấp của các địa phương để có những quyết định kịp thời liên quan đến báo động và sơ tán;

2) Đối với các địa phương, phải thực hiện nghiêm kế hoạch ứng phó khẩn cấp đã được lập, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan tiến hành các công tác:

- Báo động rộng rãi và ngay lập tức cho người dân trong vùng nguy hiểm khi có các cảnh báo ứng phó hoặc lệnh sơ tán từ các cơ quan ra quyết định;
- Triển khai ứng cứu, sơ tán người dân khỏi vùng ngập, các tổ chức ứng cứu khẩn cấp phải nỗ lực cảnh báo và sơ tán dân ra khỏi vùng hạ lưu nguy hiểm;
- Chỉ dẫn người dân thực hiện các tiến trình an toàn, tất cả mọi người phải tránh xa khu vực có khả năng bị ngập. Thực hiện các phương án bảo vệ người và tài sản của nhân dân khi tham gia sơ tán;
- Khẩn trương triển khai các thiết bị, vật tư, nhu yếu phẩm dự trữ đến người dân.

3) Đảm bảo Quy định các hình thức thông báo xả lũ:

Công ty Thủy điện Hòa Bình kết hợp với các nhà máy thủy điện khác trên hệ thống sông Hồng thông báo xả lũ ứng với các tình huống khẩn cấp theo trình tự như sau ⁵²:

- Trước khi vận hành mở cửa van đập tràn từ trạng thái đóng hoàn toàn trước mỗi trận lũ, phải thông báo trước 1 giờ và 30 phút
- Khi dự báo xuất hiện xả lũ dự kiến có thể làm dâng mực nước sông Đà tại Thành phố Hòa Bình vượt cao trình 24,0m: Trước ít nhất 6 giờ tính đến thời điểm mực nước lũ đạt cao trình 24,0m.
- Thông báo bằng điện thoại, fax, email.

4) Đảm bảo thông tin, liên lạc thông suốt, kịp thời:

Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông, Đài truyền hình, đài phát thanh truyền hình các cấp, các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và phổ biến kịp thời thông tin cảnh báo thiên tai, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và các kiến thức về phòng chống thiên tai cho chính quyền, cộng đồng, người dân.
- Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông xây dựng phương án chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin nhằm đảm bảo an toàn, thông suốt thông tin liên lạc trước, trong và sau sự cố vỡ hồ, đập thủy điện.
- Quản lý thông tin chính xác, tránh thông tin thất thiệt gây hoang mang dư luận.

d) Đối với hạn hán

⁵² Theo Điều 22, Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Hòa Bình ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-BCT ngày 31/10/2019

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo và giao nhiệm vụ cho phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ và các phường, xã thông báo cho nông dân biết tình hình khô hạn, thiếu nước mùa khô, vận động nông dân biết tình hình khô hạn, thiếu nước mùa khô, vận động nông dân hạn chế trồng lúa để chuyển sang trồng các loại cây trồng cạn, có nhu cầu nước tưới ít như rau, màu, đậu phộng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN xã kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình cấp nước liên quan đến địa bàn mình, ưu tiên cấp nước sinh hoạt, sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước; kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Đối với khu vực dưới hạ lưu Nhà máy thủy điện Hòa Bình, trường hợp hạn hán thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu bất thường về sử dụng nước thì UBND, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN tỉnh báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, chỉ đạo các hồ trên lưu vực sông Hồng điều tiết xả nước cho hạ du.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh chỉ đạo các chủ đập điều tiết vận hành các công trình hồ chứa có biện pháp tích nước và phân phối nước hợp lý; nạo vét kênh mương nội đồng, chuẩn bị các biện pháp tưới bổ sung bằng các máy bơm lưu động;

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN cấp huyện, xã vận động nhân dân ra quân nạo vét kênh mương nội đồng, đắp bờ vùng bờ thửa ; thực hiện các biện pháp chống hạn truyền thống, tận dụng tối đa lượng nước tiêu từ các công trình thủy lợi và nguồn nước của ao hồ, sông suối để chống hạn.

- Ngành Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo ngành kiểm lâm, phát triển lâm nghiệp và nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn phối hợp với các huyện xã và đơn vị sản xuất, các chủ rừng để tổ chức thực hiện các giải pháp chống hạn, phòng chống cháy rừng, cung cấp nước sạch sinh hoạt cho nhân dân.

e) Đối với động đất

*) Tình huống 1: Động đất cấp 4 trở lên xảy ra trên địa bàn tỉnh Hòa Bình⁵³

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

+ Điều hành các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham gia sơ tán dân tại các khu vực chịu ảnh hưởng của động đất.

⁵³ Theo Kế hoạch số 32/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ngày 16/3/2018 về ứng phó sự cố động đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đến năm 2020.

+ Chỉ đạo, điều động các lực lượng, phương tiện, vật tư để chi viện, tìm kiếm cứu nạn khi có động đất để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất.

+ Chỉ đạo công tác ứng phó với lũ do động đất gây vỡ đập, hồ chứa từ thượng nguồn tràn xuống khu vực các huyện, thành phố.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

+ Chỉ đạo lực lượng địa phương tham gia sơ tán dân tại các khu vực chịu ảnh hưởng của động đất.

+ Chỉ đạo, điều động lực lượng địa phương trong công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

*) Tình huống 2: Động đất xảy ra ở các tỉnh đầu nguồn sông Đà (*Lai Châu, Điện Biên, Sơn La*) gây vỡ các hồ, đập tác động tới địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Phạm vi có thể bị ảnh hưởng: các huyện của tỉnh Hòa Bình dọc theo sông Đà có thể bị ảnh hưởng như: Mai Châu, Tân Lạc, Đà Bắc, Cao Phong, Lương Sơn, thành phố Hòa Bình.

Mức độ ảnh hưởng: các xã, phường, thị trấn của các huyện và thành phố nằm ven sông Đà bị ảnh hưởng trực tiếp. Vùng hạ lưu hồ thủy điện Hòa Bình sẽ có nguy cơ bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn (Thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn).

Các hậu quả có thể gây ra: vỡ hồ đập từ các tỉnh thượng nguồn sông Đà có thể gây thảm họa lũ cực lớn dọc sông Đà thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình sẽ tác động cực kỳ nghiêm trọng đến con người, mọi cơ sở vật chất có dòng lũ chảy ra.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh:

+ Chỉ đạo nắm bắt thông tin chi tiết từ các tỉnh đầu nguồn sông Đà về tình hình xảy ra động đất; tình hình vỡ hồ, đập do động đất gây ra.

+ Điều hành các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham gia sơ tán dân.

- Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

+ Chỉ đạo công tác nhận thông tin và truyền thông tin bảo đảm nhanh, chính xác.

+ Chỉ đạo lực lượng địa phương tham gia sơ tán dân.

+ Chỉ đạo, điều động lực lượng địa phương trong công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ công trình thủy điện Hòa Bình có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo sát sao công tác vận hành công trình bảo đảm an toàn nhất về mạng lưới điện khi có sự cố động đất gây tác động tới an toàn đập thủy điện.

+ Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về công tác vận hành nhà máy thủy điện tới cơ quan chức năng khi xảy ra động đất.

2.3. Biện pháp khắc phục hậu quả, tái thiết

2.3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa, nhu yếu phẩm

- Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, y tế tổ chức cấp cứu kịp thời cho người gặp nguy hiểm về tính mạng, sức khỏe, tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương là người già, người tàn tật, trẻ em, phụ nữ.

- Các đơn vị y tế phối hợp với lực lượng quân y và các lực lượng khác lập các trạm cấp cứu lưu động hoặc trưng dụng các trụ sở cơ quan, trường học ... tại các khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận và sơ, cấp cứu người bị nạn.

- Tiến hành xác định những đối tượng cần được hỗ trợ để có biện pháp cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Huy động lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia vào công tác cấp cứu người bị nạn

- Xây dựng các lán trại tạm thời cho người bị mất nhà cửa, tiến hành cấp phát lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cho người bị nạn.

2.3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ

- Các cấp, các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, thống kê, đánh giá mức độ thiệt hại do thiên tai, xác định nhu cầu cần hỗ trợ để đề xuất phương án khắc phục hậu quả kịp thời.

- Địa phương kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh ... để kịp thời ổn định đời sống người dân, khôi phục sản xuất.

- Ngành y tế, môi trường tổ chức vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

- Tổ chức huy động lực lượng kiểm tra, rà soát, đánh giá hư hỏng hệ thống công trình PCTT, cơ sở hạ tầng vật chất, công trình công cộng, đề xuất giải pháp sửa chữa, nâng cấp, khôi phục.

2.3.3. Xây dựng tái thiết

- Phân bổ kinh phí hỗ trợ từ Trung ương và nguồn kinh phí dự phòng của địa phương để đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng bị thiệt hại sau thiên tai theo thứ tự ưu tiên tiến hành khắc phục hậu quả khẩn cấp đảm bảo thời gian ngắn nhất sau khi thiên tai xảy ra).

- Tiến hành thực hiện các dự án, chương trình theo kế hoạch cập nhật mới.

CHƯƠNG VI: NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Nguồn lực thực hiện

Ngân sách Trung ương, vốn vay ODA: tập trung đầu tư vào các công trình thủy lợi, công trình có quy mô và kinh phí đầu tư lớn như: các dự án tiêu úng, tiêu thoát lũ, đê điều, xây dựng, nâng cấp hồ chứa, các dự án giao thông, ...

Ngân sách địa phương: tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống đê kết hợp giao thông nông thôn, công trình phòng chống sạt lở, dự án di dời dân, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra...

Ngân sách dự phòng của địa phương: xử lý các yêu cầu ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, phục vụ cho phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trong trường hợp cần thiết, cấp bách.

Quỹ Phòng, chống thiên tai: dùng để hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Luật phòng, chống thiên tai.

Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp do Ủy ban Mặt trận huy động (bao gồm toàn bộ các tổ chức chính trị, xã hội): hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai đề khắc phục thiệt hại, giảm bớt khó khăn và ổn định cuộc sống, sinh kế từ việc huy động trong xã hội.

Vốn đầu tư từ khối tư nhân và khuyến khích người dân đầu tư nâng cấp nhà ở đảm bảo an toàn với thiên tai: xây dựng cơ chế chính sách trong hỗ trợ đầu tư, vay vốn, hợp đồng cung cấp dịch vụ (hợp tác công tư - PPP).

2. Tiến độ thực hiện

Các nhiệm vụ, chương trình, dự án được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và trình bày tại chương V. Các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các cấp được giao chủ trì tổ chức thực hiện lập dự toán chi tiết và tiến độ triển khai từng nhiệm vụ, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.

Giải pháp PCTT được thống kê và ưu tiên phân bổ vốn (phân kỳ đầu tư) thực hiện trong năm 2020-2021 và các năm tiếp theo như sau:

Hạng mục	Thời gian thực hiện
A. BIỆN PHÁP PHI CÔNG TRÌNH (Chi tiết Phụ lục 9)	
I. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật cơ chế chính sách	Hàng năm
II. Kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực QLTT	Hàng năm
III. Lập rà soát và thực hiện các kế hoạch quy	Hàng năm

Hạng mục	Thời gian thực hiện
hoạch phương án	
IV. Nâng cao năng lực dự báo cảnh báo cấp thành phố	Hàng năm
V. Nâng cao nhận thức kiến thức PCTT cho cộng đồng	Hàng năm
VI. Chương trình trồng và bảo vệ rừng	2021-2025
B. BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH	
I. Đầu tư nâng cấp công trình Thủy lợi và công trình phòng chống thiên tai	Giai đoạn 1: 2021 Giai đoạn 2: 2022-2025
1.1. Công trình Thủy lợi (<i>Chi tiết tại Phụ lục 5</i>)	
1.2. Công trình đê điều (<i>Chi tiết tại Phụ lục 6</i>)	
1.3. Công trình phòng chống thiên tai (<i>Chi tiết tại Phụ lục 7</i>)	
1.4. Những khu tái định cư với những khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất (<i>Chi tiết tại Phụ lục 8</i>)	
I.5. Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai	
II. Đầu tư nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai	2021-2025

CHƯƠNG VII: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Xây dựng kế hoạch tài chính

Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các cấp xây dựng dự toán: kinh phí cho các hoạt động phi công trình, công trình theo nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao; kinh phí vật tư, vật liệu, mua sắm trang thiết bị và các khoản chi tiêu theo phương án PCTT và TKCN hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, đơn vị mình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các quy định hiện hành khác của Nhà nước có liên quan.

2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch

Sở Kế hoạch và Đầu tư lồng ghép nội dung PCTT vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Quá trình thực hiện cần đảm bảo các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch PCTT giai đoạn 2021 -2025 được lồng ghép trong quy hoạch, kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương để ưu tiên thực hiện.

Sở NN và PTNT là cơ quan thường trực phòng chống thiên tai, chủ trì phối hợp với các sở, ngành thực hiện kế hoạch: Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

Các sở, ban, ngành, đơn vị và địa phương đóng vai trò là chủ trì hoặc phối hợp thực hiện (tại Phụ lục 2).

Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch

a) Báo cáo đột xuất: Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện khi triển khai các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch gặp khó khăn về nhân lực, tài chính hoặc gặp sự cố ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản phải báo cáo đột xuất về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để kịp thời xử lý. Trong báo cáo đột xuất nêu tóm tắt sự việc, những khó khăn trở ngại cần giải quyết.

b) Báo cáo định kỳ: 6 tháng 1 lần các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong báo cáo định kỳ nêu rõ kết quả đạt được, những khó khăn và tồn tại cần giải quyết.

Cuối năm các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai về UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN. Trong báo cáo cuối năm nêu rõ tình hình thiên tai ở địa phương, ảnh hưởng thiên tai đến lĩnh vực quản lý của các sở, ban, ngành; công tác triển khai các hoạt động PCTT theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn, bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết.

Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục Thủy lợi tổng hợp, báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng năm cho Sở NN và PTNT.

3. Đánh giá thực hiện kế hoạch

a) Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Hòa Bình được áp dụng đối với các sở, ban ngành của tỉnh, các đơn vị của tỉnh hàng năm có đánh giá bằng báo cáo gửi sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp để báo cáo với UBND tỉnh.

b) Các nội dung đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng chống thiên tai của thành phố bao gồm:

- Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác phòng chống thiên tai;

- Năng lực ứng phó, tìm kiếm cứu nạn;
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy phòng chống thiên tai và TKCN;
- Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai;
- Thông tin, truyền thông; nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống thiên tai;
- Quy hoạch, kế hoạch phòng chống thiên tai và việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phát triển ngành;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai;
- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ vào các ngành bị ảnh hưởng bởi thiên tai;
- Tiến độ xây dựng, triển khai thực hiện và giải ngân của các chương trình, dự án, đề án.

4. Tổ chức thực hiện

Kế hoạch Phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh Hòa Bình sau khi được phê duyệt. Các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện/ thị xã, cấp phường/xã khẩn trương tiến hành rà soát, bổ sung phương án Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của cơ quan, địa phương mình; lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án được giao vào kế hoạch phát triển của sở, ngành, đơn vị, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn cần chủ động xây dựng kế hoạch PCTT và TKCN theo chu kỳ 5 năm theo lĩnh vực quản lý phù hợp với đặc điểm, tình hình thiên tai của tỉnh; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành của tỉnh trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực về phòng chống thiên tai tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện/thị xã, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 và chế độ báo cáo theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục I:
Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN
tỉnh Hòa Bình

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
1	Trưởng ban	Chủ tịch UBND tỉnh	Phụ trách chung trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn tỉnh
2	Phó Trưởng ban thường trực	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	- Chỉ đạo, điều hành các hoạt động trong công tác PCTT&TKCN trong phạm vi toàn tỉnh khi Trưởng ban vắng mặt - Chỉ đạo, đôn đốc các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ PCTT&TKCN
3	Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn	Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	- Chỉ huy công tác ứng phó và TKCN. - Xây dựng phương án sẵn sàng huy động các phương tiện, vật tư, nhân lực tham gia công tác PCTT &TKCN - Chỉ đạo các lực lượng cấp huyện, cấp xã chủ động trong mọi tình huống ứng phó thiên tai.
4	Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai	Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	-Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các Tổ chức, cá nhân có liên quan đôn đốc các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong công tác PCTT -Tham mưu, báo cáo cho Trưởng ban, UBND tỉnh các văn bản, báo cáo trước, trong và sau mỗi đợt thiên tai. - Đề xuất các biện pháp khắc phục thiệt hại thiên tai và TKCN, khôi phục sản xuất, nông, lâm nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật sau thiên tai.
5	Ủy viên thường trực	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc trong công tác PCTT, công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đê điều và PCTT trên địa bàn các huyện, thành phố trước, trong và sau thiên tai -Tổng hợp báo cáo, ký các văn bản về công tác PCTT theo thẩm quyền.
6	Ủy viên Thường trực công tác cứu hộ, cứu nạn	Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	-Tham gia chỉ huy công tác ứng phó và TKCN. -Triển khai phương án sẵn sàng huy động các phương tiện, vật tư, nhân lực tham gia công tác PCTT và TKCN. - Chỉ huy các lực lượng cấp huyện, cấp xã chủ động trong mọi tình huống ứng phó thiên tai, ký các văn bản, báo cáo về công tác cứu hộ, cứu nạn theo thẩm quyền
7	Ủy viên	Giám đốc Công an tỉnh	-Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với Tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án và triển khai phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trước, trong và sau thiên tai.

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
			- Tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, sơ tán dân, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.
8	Ủy Viên	Phó Giám đốc Công an tỉnh	- Chỉ đạo việc hướng dẫn, phân luồng các phương tiện đi lại đảm bảo an toàn các tuyến giao thông bị ngập sâu khi có mưa lũ - Trực tiếp tham gia công tác chỉ đạo hiện trường các sự cố về công tác PCTT&TKCN
9	Ủy viên	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu đề xuất ban hành các văn bản chỉ đạo trước, trong và sau thiên tai - Tham mưu cho Trưởng ban giao nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành trong việc khắc phục hậu quả thiên tai, tổ chức các hội nghị, hội nghị trực tuyến về công tác PCTT. - Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan chủ động tham mưu khắc phục hậu quả thiên tai do Ban chỉ huy PCTT&TKCN báo cáo, đề xuất sinh kế cho người dân vùng thiên tai.
10	Ủy viên	Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư	- Thực hiện phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, đánh giá ưu tiên, đưa vào kế hoạch vốn đầu tư công để khắc phục cơ sở hạ tầng hư hỏng do thiên tai gây ra. - Tham mưu các trình tự, thủ tục đầu tư khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh
11	Ủy viên	Giám đốc Sở Tài chính	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, căn cứ khả năng ngân sách đề xuất kinh phí và ưu tiên bố trí kinh phí khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh.
12	Ủy viên	Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và xã hội	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu, giải quyết các chế độ, chính sách giúp người dân sau thiên tai. - Đề xuất tổ chức công tác cứu trợ, hỗ trợ, các biện pháp cứu trợ khẩn cấp nhằm sớm ổn định đời sống nhân dân vùng thiên tai.
13	Ủy viên	Giám đốc Sở Giao thông vận tải	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức hướng dẫn phân luồng giao thông đường bộ, đường thủy trước, trong và sau thiên tai - Tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo khắc phục, lưu thông các tuyến đường giao thông do ảnh hưởng của thiên tai.
14	Ủy viên	Giám đốc	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
		Sở Tài nguyên và Môi trường	nhân có liên quan trong việc giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường sau thiên tai. -Hướng dẫn các địa phương trong việc quản lý đất đai vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, các khu tái định cư - Xử lý các vi phạm về cát sỏi, khoáng sản gây ảnh hưởng đến công trình PCTT, thoát lũ.
15	Ủy viên	Giám đốc Sở Công Thương	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, đôn đốc các đơn vị quản lý công trình thủy điện đã đưa vào vận hành hoặc đang thi công, thực hiện xây dựng phương án phòng, chống lũ, lụt cho vùng hạ du; phương án đảm bảo an toàn đập trước, trong và sau thiên tai. -Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, thực phẩm và các mặt hàng thiết yếu kịp thời cứu trợ, hỗ trợ khi có thiên tai xảy ra.
16	Ủy viên	Giám đốc Sở Xây dựng	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, rà soát chất lượng và đánh giá mức độ an toàn cho công trình PCTT -Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng trước, trong và sau thiên tai.
17	Ủy viên	Giám đốc Sở Y tế	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án chuẩn bị đội ngũ y, bác sỹ, cơ sở thuốc dự phòng để khám chữa bệnh, phòng dịch bệnh xảy ra tại những khu vực bị thiên tai - Chuẩn bị và hỗ trợ kịp thời thuốc khử trùng, tiêu độc phục vụ sinh hoạt cho người dân tại những khu dân cư bị ảnh hưởng do thiên tai.
18	Ủy viên	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch	- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến cho người dân hiểu về việc phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu ; xây dựng các phương án đảm bảo an toàn các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý. - Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh du lịch xây dựng các phương án phòng chống thiên tai tại các điểm du lịch.
19	Ủy viên	Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thông tin kịp thời, nhanh chóng tình hình diễn biến thời tiết và thiên tai đến các tổ chức, cá nhân trong địa bàn tỉnh biết để chủ động phòng ngừa và ứng phó, - Xây dựng kế hoạch bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trong công tác PCTT, đặc biệt là thông tin tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị chia cắt do ngập lụt, sạt lở đất

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
20	Ủy viên	Tổng biên tập Báo Hòa Bình	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thông tin kịp thời tình hình, diễn biến của thời tiết, thiên tai, các Công điện và văn bản chỉ đạo công tác PCTT của UBND tỉnh, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh đến cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn tỉnh để biết chủ động phòng ngừa và ứng phó. - Có kế hoạch bố trí phóng viên tác nghiệp tại các địa phương để kịp nắm bắt thông tin và phối hợp với các cơ quan truyền thông Trung ương nhằm thông tin kịp thời về diễn biến thiên tai, tình hình ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh.
21	Ủy viên	Giám đốc Đài phát thanh và truyền hình tỉnh	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan thông tin truyền truyền kịp thời, chính xác trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chỉ thị, công điện, mệnh lệnh của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT, Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh về công tác PCTT. - Truyền phát tin thiên tai theo quy định về phát hành bản tin và truyền tin dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.
22	Ủy viên	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng các phương án đảm bảo an toàn cho các điểm, trường, học sinh, thầy cô giáo khi có thiên tai xảy ra đặc biệt là phương án đảm bảo an toàn trong các kỳ thi trên địa bàn tỉnh.
23	Ủy viên	Giám đốc Sở Khoa học và công nghệ	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu, đề xuất các phương án xử lý, phòng chống thiên tai, khắc phục hậu quả thiên tai gây ra.
24	Ủy viên	Giám đốc Bưu điện tỉnh Hòa Bình	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án ưu tiên chuyển, phát các loại văn bản của tỉnh, địa phương và các cơ quan PCTT đảo đảm nhanh chóng, chính xác.
25	Ủy viên	Giám đốc Viễn Thông Hòa Bình	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án chuẩn bị phương án chuẩn bị dự phòng nhân lực, vật tư, phương tiện khắc phục sự cố kịp thời, đảm bảo thông tin liên lạc tại các địa phương và Văn phòng BCH PCTT&TKCN các cấp khi xảy ra thiên tai
26	Ủy viên	Giám đốc Công ty Điện lực	-Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng phương án và triển khai phương án đảm bảo an toàn về điện khắc phục kịp thời

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
			các sự cố về điện do thiên tai gây ra -Ưu tiên cấp điện cho các cơ quan tỉnh, cơ quan PCTT các cấp.
27	Ủy viên	Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn Hòa Bình	-Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo dõi diễn biến của thiên tai phát hành các bản tin dự báo, cảnh báo về thiên tai, cấp độ RRTT gửi các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ trong công tác PCTT. - Cập nhật, báo cáo tổng hợp tình hình khí tượng thủy văn, sau mỗi đợt thiên tai.
28	Ủy viên	Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan duy tu sửa chữa, theo dõi các diễn biến ảnh hưởng đến an toàn các công trình hồ chứa, trạm bơm trong phạm vi quản lý, thường xuyên cập nhật thông tin tình hình hồ chứa báo cáo Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp
29	Ủy viên	Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm Lâm	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát, xây dựng các kế hoạch, phương án phòng, chống cháy rừng, quy hoạch diện tích trồng rừng đảm bảo an toàn trong công tác PCTT.
30	Ủy viên	Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi	- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham mưu tổng hợp báo cáo tình hình thiệt hại thiên tai; các văn bản đôn đốc trong công tác PCTT -Tham gia kiểm tra, đôn đốc, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra. - Theo dõi công tác trực ban PCTT của Văn phòng Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh
31	Ủy viên	Phó Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan đôn đốc, rà soát, tổng hợp báo cáo nhanh tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra, nắm bắt kịp thời diễn biến tình hình thiên tai, tham mưu giúp việc cho Văn phòng BCH PCTT&TKCN tỉnh.
32	Ủy viên	Chủ tịch UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hòa Bình	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp nhận hàng cứu trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; cứu trợ kịp thời cho nhân dân vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra theo chức năng nhiệm vụ được giao.
33	Ủy viên	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh	-Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp nhận hàng cứu trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; - Cứu trợ kịp thời cho nhân dân vùng bị thiệt hại do

TT	Chức vụ	Cơ quan	Nhiệm vụ phân công
			thiên tai gây ra; - Tập huấn, tuyên truyền kiến thức PCTT
34	Ủy viên	Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan chỉ đạo công tác tuyên truyền, hỗ trợ, cứu trợ người dân phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong lĩnh vực được giao.
35	Ủy viên	Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan chỉ đạo lực lượng thanh niên tiên phong trong phòng, chống, ứng phó khắc phục thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh
36	Ủy viên	Giám đốc Công ty Thủy điện Hòa Bình	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan theo dõi diễn biến mực nước lưu lượng về hồ Hòa Bình, thường xuyên báo cáo việc vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Bình liên quan đến công tác PCTT đặc biệt là việc vận hành xả lũ của Nhà máy, đảm bảo theo quy chế phối hợp giữa Nhà máy Thủy điện Hòa Bình và Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.
37	Ủy viên	Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý Bảo trì đường thủy nội địa số 9	Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn dọc bờ sông Đà khi có tình huống thiên tai xảy ra.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục II:
Tình hình thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
từ năm 2017-2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Năm			2017	2018	2019	2020
	Thiệt hại		Đơn vị				
1	Người	Người chết/mất tích	người	- ATNĐ, nước dâng: 7 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 34 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 1	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2	4 (1 bị đá lăn ở Đà Bắc; 1 bị sét đánh tại Kim Bôi; 2 đi qua ngầm bị cuốn trôi)	4
		Người bị thương	người	-ATNĐ, nước dâng: 1 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 14	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 5 -Sương muối, sương mù, rét hại: 1	1 (bị sét đánh tại Lương Sơn)	3
		Người bị ảnh hưởng	Hộ	- ATNĐ, nước dâng: 157 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 5855 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 198	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 752	63 (Do giông lốc)	282
2	Nhà	Thiệt hại hoàn toàn	nhà	- ATNĐ, nước dâng: 1 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 83 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 2	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 104	7 (6 kiên cố và 1 bán kiên cố)	40
		Thiệt hại nặng	nhà	-ATNĐ, nước dâng: 137 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 726 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 196	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 557	160 (35 nhà kiên cố và 125 nhà bán kiên cố)	1194
		Bị ảnh hưởng	nhà	- ATNĐ, nước dâng: 24 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất:	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2466 -Lốc, sét, mưa	570	1843

STT	Năm			2017	2018	2019	2020
	Thiệt hại		Đơn vị				
				5456	đá: 76		
3	Giáo dục	Điểm trường	<i>điểm</i>	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 12	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 10	1	4
		Công trình bị ảnh hưởng	<i>phòng</i>	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 60	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 11	1	6
4	Y tế		<i>cơ sở</i>				
5	Giao thông	Đường giao thông	<i>m</i>	- ATNĐ, nước dâng: 4591.5 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 131094 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 5	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 7,509	2,709	1324
		Cầu giao thông	<i>cái</i>	- ATNĐ, nước dâng: 3 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 36	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 48	5	0
6	Công trình văn hóa		<i>công trình</i>		-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2	1	3
7	Nông nghiệp	Trồng trọt	<i>ha</i>	- ATNĐ, nước dâng: 923.3 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 5327.03	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2,390.6 -Lốc, sét, mưa đá: 3.4	720.8	286
		Cây bóng mát	<i>cây</i>	-Giông, lốc, sét, mưa đá: 30		5	719
		Gia súc	<i>con</i>	- ATNĐ, nước dâng: 17 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 4849 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 9	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 164 -Lốc, sét, mưa đá: 1 -Sương muối, sương mù, rét hại: 916	12	21
		Gia cầm	<i>con</i>	- ATNĐ, nước dâng: 212 - Mưa lớn, lũ,	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt	2,770	9.600

STT	Năm			2017	2018	2019	2020
	Thiệt hại		Đơn vị				
				lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 184745 -Giông, lốc, sét, mưa đá: 100	lở đất: 9,320		
		Thủy sản	ha	- ATNĐ, nước dâng: 102.8 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 1717.82 - Giông, lốc, sét, mưa đá: 5	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 259.5	330.2	30
8	Cơ quan, nhà xưởng, chợ	Nhà xưởng, nhà kho, phân xưởng	nhà	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 14	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2	1 (Tốc mái)	0
9	Công trình thủy lợi	Đê, kè, bờ sông	m	- Bão, ATNĐ, nước dâng: 2340 (Kè) - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 30 (Đê); 2521 (Kè); 3000 (sông, suối)	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 420 (Đê); 1,054 (Kè); 24,235 (sông, suối)	476 (Kè) 7,250 (sông, suối)	1.350 (Kè)
		Kênh mương	m	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 45431	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 21,911 -Lốc, sét, mưa đá: 640	3,002	5.870
		Bai, đập	cái	- ATNĐ, nước dâng: 31 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 82	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 35	19	2
		Trạm bơm	cái	- ATNĐ, nước dâng: 1 - Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 1	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 7	8	1
		Cống	công trình	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 104	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 54	4	1
		Công trình	cái	- Mưa lớn, lũ,	-Bão, ATNĐ,	9	0

STT	Năm			2017	2018	2019	2020
	Thiệt hại		Đơn vị				
		thủy lợi khác bị vỡ, trôi và hư hỏng		lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 36	mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 63		
10	Thông tin liên lạc, điện	Trạm biến thế	trạm	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 6	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 1	8	3
		Cột điện	cột	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 326	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 184	78	51
		Dây điện	m	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 7650	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 2,300	320	10.950
11	Môi trường	Diện tích vùng dân cư bị ô nhiễm	ha	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 83	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 6	0	0
		Số hộ thiếu nước sạch sử dụng	Hộ	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 2661	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 123	0	0
		Công trình cấp nước bị hư hỏng	Công trình	- Mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất: 69	-Bão, ATNĐ, mưa lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất: 4	1	0
12	Thiệt hại khác		triệu đồng	9099.5	2,805	519	6.639
Ước tính tổng thiệt hại			Tỷ đồng	2.838,243	1.433,199	278,061	672,215

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục III:**Danh sách Trạm khí tượng - thủy văn tỉnh Hòa Bình***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Huyện, thành phố	Điểm	Địa chỉ	Ghi chú
1.	Mai Châu	Mai Châu	Thị trấn Mai Châu	
2.		Bao La (Mai Châu)	Xã Bao La	
3.		Pù Bin (Mai Châu)	Xã Pù Bin	
4.		Đồng Bàng	Xã Đồng Bàng	Chi cục
5.		Trạm Ba Khan	UBND xã Ba Khan	Chi cục
6.	Thành phố	TP Hoà Bình	Phường Tân Thịnh	
7.		Trạm Chi cục Thủy lợi	Chi cục Thủy lợi (Phường Lâm)	Chi cục
8.	Kim Bôi	Kim Bôi	Thị trấn Bo	
9.		Bình Sơn (Kim Bôi)	Xã Bình Sơn	
10.		Thượng Tiến (Kim Bôi)	Xã Thượng Tiến	
11.		Kim Tiến	Xã Kim Tiến, H. Kim Bôi	Chi cục
12.		Trạm Nuông Dăm	UBND xã Nuông Dăm	Chi cục
13.	Lạc Thủy	Chi Nê (Lạc Thủy)	Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy	
14.		Hưng Thi (Lạc Thủy)	Xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy	
15.		Ba Hàng Đồi (Lạc Thủy)	Xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy	
16.		Thanh Hà	Thị trấn Thanh Hà, H. Lạc Thủy	Chi cục
17.		Trạm An Bình	UBND xã An Bình	Chi cục
18.	Lạc Sơn	Lạc Sơn	Xã Liên Vũ, huyện Lạc Sơn	
19.		Hương Nhượng (Lạc Sơn)	Xã Hương Nhượng, huyện Lạc Sơn	
20.		Quý Hòa	Xã Quý Hòa, H. Lạc Sơn	Chi cục
21.		Trạm Ngọc Sơn	Ban Quản lý dự án khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn	Chi cục
22.	Lương Sơn	Lâm Sơn (Lương Sơn)	Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn	
23.		Dốc Kẽm (Lương Sơn)	Xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn	
24.		Tiến Sơn	Xã Tiến Sơn, H. Lương Sơn	Chi cục

25.		Trạm Cao Rằm	UBND xã Cao Rằm	Chi cục
26.	Đà Bắc	Mường Chiềng (Đà Bắc)	Xã Mường Chiềng, huyện Đà Bắc	
27.		Đà Bắc	Thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc	
28.		Tiên Phong (Đà Bắc)	Xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc	
29.		Cao Sơn	Xã Cao Sơn, H. Đà Bắc	Chi cục
30.		Trạm Tân Pheo	UBND xã Tân Pheo	Chi cục
31.	Tân Lạc	Tân Lạc	Thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc	
32.		Đông Lai (Tân Lạc)	Xã Đông Lai, huyện Tân Lạc	
33.		Ngòi Hoa (Tân Lạc)	Xã Ngòi Hoa, huyện Tân Lạc	
34.		Thị trấn Mường Khến	Thị trấn Mường Khến, H. Tân Lạc	Chi cục
35.		Trạm Lũng Vân	UBND xã Lũng Vân	Chi cục
36.	Yên Thủy	Yên Thủy	Thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy	
37.		Lạc Sỹ (Yên Thủy)	Xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy	
38.		Đoàn kết	Xã Đoàn kết, H. Yên Thủy	Chi cục
39.		Trạm Lạc Lương	UBND xã Lạc Lương	Chi cục
40.	Cao Phong	Cao Phong	Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong	
41.		Xuân Phong	Xã Xuân Phong, H. Cao Phong	Chi cục
42.		Trạm Nam Phong	UBND xã Nam Phong	Chi cục
43.	Kỳ Sơn	Dân Hoà (Kỳ Sơn)	Xã Dân Hòa, huyện Kỳ Sơn	
44.		Dân Hạ	Xã Dân Hạ, H. Kỳ Sơn	Chi cục
45.		Trạm Độc Lập	UBND xã Độc Lập	Chi cục

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10 trạm hỗ trợ từ quỹ cộng đồng phòng tránh thiên tai (Chi cục Thủy Lợi quản lý)

TT	Địa điểm lắp đặt	Địa chỉ công ty liên hệ
1	Nhà máy thủy điện Suối Tráng (Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Hồng - xã Bắc Phong, huyện Cao Phong)	Đ/c: Tổ 11, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình. C thảo: 0363656569
2	Hồ Cạn Thượng (Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Hòa Bình – Xã Tân Phong, huyện Cao Phong)	Đ/c: Số 101, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình
3	Nhà máy Thủy điện So lo 1 (Công ty Cổ phần Thủy điện Mai Châu – Xã Phúc Sơn, huyện Mai Châu)	Đ/c: Tiểu khu 2, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh HB. SĐT: A Hiếu 0989559817
4	Hồ Trọng (Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Hòa Bình – Xã Phong Phú, huyện Tân Lạc)	Đ/c: Số 101, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình
5	Nhà máy thủy điện Miền Đồi (Công ty TNHH Thủy điện Miền Đồi – xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn)	Đ/c: Xóm Tre, xã Miền Đồi, huyện Lạc Sơn, tỉnh HB. SĐT: A Minh 0942122879
6	Nhà máy thủy điện Định Cư (Công ty TNHH xây dựng Thủy điện Định Cư – xã Định Cư, huyện Lạc Sơn)	Đ/c: Xóm Bán, xã Định Cư, huyện Lạc Sơn, tỉnh HB, SĐT: a. Chung 0983351969
7	UBND xã Yên Trị, huyện Yên Thủy	
8	UBND xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi	
9	UBND xã Thanh Lương, huyện Lương Sơn	
10	Nhà máy Thủy điện Suối Nhạp (Công ty Cổ phần ĐTXD và Thương mại Hoàng Sơn – Xã Đồng Chum, huyện Đà Bắc)	Đ/c: Tổ 1, phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, SĐT: A Chung 0983351969

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục IV : Số liệu về kinh tế xã hội tại địa phương

Tiêu chí	Chỉ thị	Đơn vị	Huyện										Tổng hợp toàn tỉnh
			T.Phố	Cao Phong	Tân Lạc	Mai Châu	Lạc Sơn	Yên Thủy	Kim Bôi	Lạc Thủy	Đà Bắc	Lương Sơn	
Nông nghiệp	Diện tích đất nông nghiệp	ha	26.026,2	21.231,78	46.228,11	49.858,12	58.694,5	28.890,52	47.889,77	20.949,99	77.976,81	34.88,85	26.026,2
	Số lượng gia súc, gia cầm	con	632.146	315.485	625.114	337.700	1.256.077	818.695	845.940	1.723.044	323.624	1.883.939	8.761.764
	Số lượng tàu thuyền	Chiếc	628	50	15		1			18	27	1	740
	Số khu neo đậu tàu thuyền	Khu	25	3						4			32
	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	330	210	160	220	325	285	146	475	215	320	2686
	Thời gian mùa vụ	Tháng	Vụ Xuân từ T1-T5; Vụ Mùa từ T6-T11; vụ Đông từ T12-T2 năm sau										
	Diện tích rừng phòng hộ	ha		2473,06	2006,1	1208,1					15216,9		20904,16
Thương mại dịch vụ	Số doanh nghiệp, cơ sở kinh tế đang hoạt động trên địa bàn		539	23	44	26	40	27	52	106	11	172	1040
Cơ sở hạ tầng	Km đường giao thông gồm quốc lộ, tỉnh, lộ, huyện lộ	km	133,8	85,7	181,9	201,5	215,1	155,8	117,8	114,2	246,9	109,1	1.561,8
	Diện tích đất ở	ha	1486	1277	1245	508	3374	1832	1676	947	619	1046	14.010,0
	Số lượng công trình trọng điểm (trụ sở, trường học, trạm y tế)	Công trình	77	88	95	96	174	65	125	97	87	113	1.017,0
	Tỷ lệ nhà kiên cố/bán kiên cố	%											90,60
	Mật độ đường giao thông (km/km2)	%	1,09	1,24	1,23	0,64	1,96	1,87	0,92	1,66	1,06	1,31	1,298
Con người	Dân số	Người	135.958	45.551	87.043	55.739	136.894	60.408	118.978	60.500	55.100	99.633	855.804
	Tỷ lệ người già	%											6,7
	Tỷ lệ trẻ em	%											26,1
Kinh tế - xã hội	Tỷ lệ người tốt nghiệp THPT trở lên/ Tổng số dân	%	1,18	0,73	0,76	0,68	0,77	0,97	0,83	1,17	0,84	1,32	0,93
	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người											50,07

Tiêu chí	Chỉ thị	Đơn vị	Huyện										Tổng hợp toàn tỉnh
			T.Phố	Cao Phong	Tân Lạc	Mai Châu	Lạc Sơn	Yên Thủy	Kim Bôi	Lạc Thủy	Đà Bắc	Lương Sơn	
Kinh tế - xã hội	Tỷ lệ GDP của ngành nông nghiệp	%											3,76
	Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp	%	2,87										2,87
	Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo	%	4,34	12,53	14,75	29,2	12,99	11,25	14,7	4,75	29,22	7,14	14,087
	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	89,6	94,4	96,7	93,6	98,6	94,3	99,3	88,4	99,9	89,8	94,46
	Tỷ lệ người dân tham gia BHXH	%	25,53	5,78	5,12	6,74	3,66	5,82	4,70	7,84	6,04	14,76	8,56
Môi trường	Số lượng khu khai thác khoáng sản/hồ chứa bùn thải	khu											94/2
	Tỷ lệ hộ không sử dụng nước sạch	%	31,85	38,5	66,5	49,5	46,1	58,5	47,8	61	64,3	56,4	52,045
Thông tin truyền thông	Tỷ lệ dân được tiếp cận với thông tin dự báo thời tiết	%											98
	Tỷ lệ hộ gia đình có tivi	%											98
	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng internet	%											30
	Tỷ lệ người sử dụng điện thoại	%											100
Trình độ canh tác	Năng suất cây lương thực có hạt	tấn/ha	19,16	9,59	9,82	8,92	9,2	9,03	10,45	11,53	9,42	10,07	107,19
	Năng suất hoa màu	tấn/ha	217,884	104,273	91,446	57,24	105,537	119,4	121,979	111,306	60,782	117,183	1107,03
	Năng suất nuôi trồng thủy sản	tấn/ha	1,8	1,3	1,5	1,6	1,1	1,1	1,0	1,1	1,8	1,2	0
PCTT	Tổng dung tích hồ chứa thủy lợi, thủy điện	hồ	25	29	74	12	167	69	63	73	26	23	561
	Số lượng trạm bơm	trạm	7			5	17		22	21		3	75
	Mật độ kênh mương	Km/Km2	85			0,36	55	51,63	55	70	80		39,699
	Số km đê sông, đê biển	km	3,78				2,5	3,337			1,2	6	16,82

Tiêu chí	Chỉ thị	Đơn vị	Huyện										Tổng hợp toàn tỉnh
			T.Phố	Cao Phong	Tân Lạc	Mai Châu	Lạc Sơn	Yên Thủy	Kim Bôi	Lạc Thủy	Đà Bắc	Lương Sơn	
Quản lý	Mức độ hiệu quả trong công tác quản lý của chính quyền (yếu đến mạnh)		Khá	Tốt	Mạnh	Trung bình	Khá	Tốt	Mạnh	Tốt	Mạnh	Khá	Khá
	Năng lực thể chế (mức từ 0 đến 1)		0,5	1	0,7	0,5	0,5	1	1	0,7	1	0,5	0,74
	Chi phí cho công tác chuẩn bị và phòng chống thiên tai	Tỷ đồng		0,1					0,2		3,5		3,8

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục V: Danh mục các công trình cần nâng cấp, xây mới phục vụ sản xuất nông nghiệp và tái cơ cấu ngành nông nghiệp

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
TỔNG CỘNG		138 CT					3.859,90	2.730,66	87,00	2.057,5
A. Sửa chữa, nâng cấp		(105 CT)					3.034,40	1.380,96	87,00	686,00
I	Hồ Lớn	(03 CT)					136,91	50,00	28,00	33,0
1	Hồ Suối Ong	Tiến Sơn - Lương Sơn	Sông Đáy	Công ty TNHH MTV KTCTTL	21	181	0,00	0,00	15,0	20,0
2	Hồ Thím	Hương Nhượng-Lạc Sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	15,0	120,0	41,40	50,00	3,0	8,0
3	Hồ Rộc Cầu	Yên Phú-Lạc Sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	15,0	120,0	95,51	0,00	10,0	5,0
II	Hồ vừa	(17 CT)					873,54	351,63	59,00	104,00
1	Hồ Múi	Xã Hợp Phong, huyện Cao Phong	Sông Đà	Công ty TNHH MTV KTCTTL	17	92,5	10,00	40,00	10,0	
2	Hồ Lầy	Xã Bắc Phong, huyện Cao Phong	Sông Đà		12	50	15,00	45,00	15,0	
3	Hồ đập Đội Bắc Phong	Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong	Sông Đà	UBND huyện	15	70	0,00	50,00	15,0	

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
4	Hồ Lục	Yên Nghiệp-Lạc sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	10	96	56,39	13,20	5,0	5,0
5	Hồ Ngọc Khánh + Ngọc Cáo	Liên Vũ-Lạc sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	12	342	37,61	14,00	3,0	5,0
6	Hồ Át	Vũ Lâm-Lạc Sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	12	180	148,89	0,00	6,0	11,0
7	Hồ Đập Khang	Bình Hẻm-Lạc Sơn	Sông Bưởi	UBND huyện	11	30	74,81	3,50	5,0	7,0
8	Hồ Đàm Đạo	Văn Nghĩa-Lạc Sơn	Sông Bưởi	UBND huyện	12	80	1,50	2,00		1,0
9	Hồ Chóng	Định Cư - Lạc Sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	13	98	200,06	0,00		4,0
10	Hồ Voi	Liên Vũ-Lạc Sơn	Sông Bưởi	Công ty TNHH MTV KTCTTL	10	116	26,53	50,00		10,0
11	Hồ Kho	Chí Đạo-Lạc Sơn	Sông Bưởi	UBND huyện	12	132	52,20	76,00		15,0
12	Hồ Cốc Quân	Yên Nghiệp-Lạc Sơn	Sông Bưởi	UBND huyện	10	90	40,95	27,30		10,0
13	Hồ Nà Sung	Dân Chủ-TP Hòa Bình	Sông Đà	Công ty TNHH MTV KTCTTL	12	95	41,93	5,20		10,0
14	Hồ Bận	Phú Lương-Lạc Sơn	Sông Bưởi	UBND huyện	11	110	10,00	9,70		5,0

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
15	Hồ Sáu Thượng	Thanh Lương-Lương sơn	Sông Đáy	UBND huyện	6	10	16,55	0,00		4,0
16	Hồ Yên Bồng II	Yên Bồng-Lạc Thủy	Sông Bôi	UBND huyện	13	80	35,15	0,00		9,0
17	Hồ Đàm Khánh	TT Chi Nê, Lạc Thủy	sông Bôi	UBND huyện	4	147	105,97	15,73		8,0
III	Hồ nhỏ	(52 CT)					1.205,56	791,30	5,00	364,0
1	Hồ Tam Long	Lạc Long-Lạc Thủy		UBND huyện			56	12		6
2	Hồ Cây Khế	Thanh Hà-Lạc Thủy		UBND huyện			91,375	18		12
3	Hồ Mới	Thu Phong, huyện Cao Phong	Sông Đà	UBND huyện	4	40	2	20	5	
4	Hồ Beo	Liên Vũ -Lạc Sơn		UBND huyện			32,2	0		7
5	Hồ Ghò Chè 1	Miền Đồi-Lạc Sơn		UBND huyện			62,15	53,3		25
6	Hồ Thá	Dân Hạ-Kỳ Sơn		UBND huyện			3,5	12		2
7	Hồ Man	Chí Đạo-Lạc Sơn		UBND huyện			15,75	41,7		15
8	Hồ Khòong Pô	Bình Hẻm-Lạc Sơn		UBND huyện			42,45	3		8
9	Hồ Quốc, Bai Trăn	Bình Hẻm-Lạc Sơn		UBND huyện			49,24	1,5		7

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
10	Hồ Quảng	Bình Cánh-Lạc Sơn		Công ty TNHH MTV KTCTTL			16,3	10		4
11	Hồ Ngọc Luộc	Văn Nghĩa-Lạc Sơn		UBND huyện			12,2	8		2
12	Hồ Kịch Ngựa	Định Cư-Lạc Sơn		UBND huyện			54,31	19,7		15
13	Hồ Háng Bò	Thượng Cốc-Lạc Sơn		UBND huyện			24,85	9		6
14	Hồ Cạnh	Yên Phú-Lạc Sơn		UBND huyện			43,51	4,8		6
15	Hồ Nà Mè	Nhân Nghĩa-Lạc Sơn		UBND huyện			16,8	11		15
16	Hồ Vồ	Xuất Hóa-Lạc Sơn		UBND huyện			17,94	27,35		6
17	Hồ Yên Kim	Yên Nghiệp-Lạc sơn		Công ty TNHH MTV KTCTTL			0	0		10
19	Hồ Khoang Bưởi	Cư Yên-Lương Sơn		Công ty TNHH MTV KTCTTL			82	0		8
20	Hồ Suối Đò	Lạc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			12	5		3
21	Hồ Sập Vợn	Lạc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			13	5,5		3
22	Hồ Sậm Cả	Lạc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			7	0		3

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
23	Hồ Cây Chu	Đoàn Kết-Yên Thủy		Công ty TNHH MTV KTCTTL			42	8		8
24	Hồ Đồng Vó	Hữu Lợi-Yên Thủy		UBND huyện			11,5	0		8
25	Hồ Đồng Đồi	Hữu Lợi-Yên Thủy		UBND huyện			11,075	10		3
26	Hồ Hom	Đa Phúc-Yên Thủy		UBND huyện			11,5	0		15
27	Hồ Bư Giang	My Hòa-Kim Bôi		UBND huyện			28	0		8
28	Hồ Cầu Đô	Yên Bông-Lạc Thủy		UBND huyện			31,29	0		7
29	Hồ Vở	Liên Hòa-Lạc Thủy		UBND huyện			17,94	27,35		6
30	Hồ Rộc Mít	Liên Hòa-Lạc Thủy		UBND huyện			13,25	20		6
31	Hồ Cây Đa	Đồng Môn-Lạc Thủy		UBND huyện			23,5	2		7
32	Hồ Rộc Iêng	Đồng Tâm-Lạc Thủy		UBND huyện			8,5	9		6
33	Hồ Rộc Luộc	Ngọc Mỹ-Tân Lạc		UBND huyện			12,9	16		5
34	Hồ Đồng Ảnh	Mãn Đức-Tân Lạc		UBND huyện			11,25	16		3
35	Hồ Múc	Quy Hậu-Tân Lạc		UBND huyện			12,9	20		4
36	Hồ Bận	Tuân Lộ-Tân Lạc		UBND huyện			10	9,7		5

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
37	Hồ Tụn - Bọc	Tử Nê-Tân Lạc		UBND huyện			13,25	10		6
38	Hồ Chăn	Tử Nê-Tân Lạc		UBND huyện			14,25	16		8
39	Hồ Trà Đa	Chí Thiện-Lạc Sơn		Công ty TNHH MTV KTCTTL			10	25		5
40	Hồ Thê	Văn Nghĩa-Lạc Sơn		UBND huyện			63,4	43		8
41	Hồ Phung	Văn Nghĩa-Lạc Sơn		UBND huyện			2,3	0		1
42	Hồ Bèo	Đa Phúc-Yên Thủy		UBND huyện			17	15		8
43	Hồ Cánh Bể	An Lạc-Lạc Thủy		UBND huyện			21,825	0		3
44	Hồ Học Cát	Mỹ Hòa-Tân Lạc		UBND huyện			10,25	16		4
45	Hồ Quẩn	Gia Mô-Tân Lạc		UBND huyện			16,5	28		4
46	Hồ Hoàn	Gia Mô-Tân Lạc		UBND huyện			19,8	28		5
47	Hồ Can 1	Độc Lập-Kỳ Sơn		UBND huyện			18,37	1		4
48	Hồ Rộc Bách	Dân Chủ-TP Hòa Bình		UBND huyện			23	20,7		4
49	Hồ Góc Sáu	Yên Mông-TP Hòa Bình		UBND huyện			27	22,7		7
50	Hồ Nông Trường	TT Hàng Trạm-Yên Thủy		Công ty TNHH MTV 2/9			5,4405	129		8

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
51	Hồ Suối Hối	Hào Lý-Đà Bắc		UBND huyện			0	56		15
52	Hồ Mỹ Đông	My Hòa-Kim Bôi		UBND huyện			26	1		10
IV	Hồ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 114/2018/NĐ-CP	(34 CT)					818,39	188,03		185,0
1	Hồ Bai Ruôi	Bình Hẻm-Lạc Sơn		UBND huyện			7,6	0		3
2	Hồ Vó Reo	Yên Lạc-Yên Thủy		UBND huyện			30	0		6
3	Hồ Tân Thịnh	Yên Trị-Yên Thủy		UBND huyện			30	0		6
4	Hồ Ninh Hòa	Yên Trị-Yên Thủy		UBND huyện			50	0		6
5	Liên Hồ Cây Vừng	Ngọc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			105	0		8
6	Hồ Đồi Than	Ngọc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			32,9	0		7
7	Hồ Đồi 2	Ngọc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			19,6	0		7
8	Hồ Hoa Kiều	Ngọc Lương-Yên Thủy		UBND huyện			17,3	0		7
9	Hồ Cây Lim	Hữu Lợi-Yên Thủy		UBND huyện			5,8	5,8		8

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
10	Hồ Trạm Xá	Lạc Thịnh-Yên Thủy		UBND huyện			11,25	1,5		5
11	Hồ Cáp	Đa Phúc-Yên Thủy		UBND huyện			9,5	0		5
12	Hồ Bai Bách	Lạc Long-Lạc Thủy		UBND huyện			17,3225	10,75		4
13	Hồ Chợ Nai	Liên Hòa-Lạc Thủy		UBND huyện			36,835	19,96		8
14	Hồ Sinh Địa	Đồng Tâm-Lạc Thủy		UBND huyện			16,3125	5,97		3
15	Hồ Quèn Ván	Đồng Tâm-Lạc Thủy		UBND huyện			8,5	0		6
16	Hồ Bến Mậu	Cổ Nghĩa-Lạc Thủy		UBND huyện			0	10		5
17	Hồ Quyết Tiến	Yên Bồng-Lạc Thủy		UBND huyện			11,175	0		2
18	Hồ Cái Làn	An Lạc-Lạc Thủy		UBND huyện			10,475	8		2
19	Hồ Rộc Sắn	An Lạc-Lạc Thủy		UBND huyện			13,975	0		9
20	Hồ Bai Làng	Đồng Môn-Lạc Thủy		UBND huyện			3,6	4,3		4
21	Hồ Ruộng Cạn	Đồng Môn-Lạc Thủy		UBND huyện			15,5	0		3
22	Hồ Lải Khụ	Đồng Môn-Lạc Thủy		UBND huyện			24,25	0		6
23	Hồ Rộc é	Khoan Dụ-Lạc Thủy		UBND huyện			17,25	0		6

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
24	Hồ Đẹn Tâm	Khoan Dụ-Lạc Thủy		UBND huyện			23,025	0		7
25	Hồ Rộc Chòm	Khoan Dụ-Lạc Thủy		UBND huyện			17,85	0		6
26	Hồ Thung Khi	An Bình-Lạc Thủy		UBND huyện			23,75	20		5
27	Hồ Đồng Muôn	An Bình-Lạc Thủy		UBND huyện			26,5075	33,95		8
28	Hồ Rộc Côm	An Bình-Lạc Thủy		UBND huyện			80,44	44		10
29	Hồ Đồng Đôi	Hưng Thi-Lạc Thủy		UBND huyện			11,075	10		3
30	Hồ Đồng Khoang	Hưng Thi-Lạc Thủy		UBND huyện			22,88	9,8		4
31	Hồ Quán Lim	Thanh Lương-Lương sơn		Công ty TNHH MTV KTCTTL			81,2	0		4
32	Hồ Ông Sường	Đồng Tâm-Lạc Thủy		UBND huyện			12,3725	0		5
33	Hồ Ba bò	Khoan Dụ-Lạc Thủy		UBND huyện			12,15	0		2
34	Hồ Rộc Khén	Đồng Môn-Lạc Thủy		UBND huyện			13	4		5
B. Công trình xây mới		(33 CT)					825,50	1.349,70	400,00	1.371,50
I	Thủy						10,00	10,00		10,0
1	Hồ Vó Đuống	Phú Lai	sông Bôi				10,00	10,00		10,0
II	Huyện Lương Sơn						274,00	0,00		100,4
1	Hồ Mòng	Lương Sơn	Sông Đáy				270,00	0,00		100,0

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
2	Hồ Cột Bài	Trường Sơn	Sông Đáy				4,00	0,00		0,4
III	Huyện Cao Phong						135,00	971,00	400,00	0,0
1	Hồ Thoong	Tây Phong	Sông Đà				20,00	120,00	30,00	
2	Hồ Tả Lị	Nam Phong	Sông Đà				50,00	222,00	150,00	
3	Hồ Bậy Cốc	Thu Phong	sông Bôi				15,00	129,00	20,00	
4	Hồ Ô Mềm	Thạch Yên	Sông Đà				50,00	500,00	200,00	
IV	Huyện Đà Bắc						11,50	0,20		9,0
1	Hồ Kê hê	Mường Chiềng	Sông Đà				4,50	0,20		4,0
2	Hồ Tả Tương	Mường Chiềng	Sông Đà				7,00	0,00		5,0
V	Huyện Tân Lạc						66,00	41,00		82,8
1	Hồ Lan 3	Do Nhân	sông Bưởi				13,00	16,00		40,0
2	Hồ Chu	Mãn Đức	sông Bưởi				25,00	25,00		40,0
3	Hồ Lướm	Tử Nê	sông Bưởi				10,00	0,00		1,0
4	Hồ Lự	Lũng Ván	sông Bưởi				10,00	0,00		1,0
5	Hồ Ngay	Mỹ Hòa	sông Bưởi				6,00	0,00		0,6
6	Bai Hồng	Quyết Chiến	sông Bưởi				2,00	0,00		0,2
VI	Huyện Lạc Thủy						56,00	0,00		14,0
1	Hồ Hưng Thi	Hưng Thi	sông Bôi				10,00	0,00		3,0
2	Hồ Sông Quán	Đồng Mòn	sông Bôi				16,00	0,00		5,0
3	Hồ Bông	Đồng Mòn	sông Bôi				30,00	0,00		6,0
VII	Huyện Kim Bôi						75,00	0,00		1.068,0
1	Tiến	Thượng Tiến	sông Bôi				0,00	0,00		1.050,0
2	Hồ đôi Trám	Hợp Châu	sông Bôi				51,00	0,00		10,0
3	Hồ Đồng Đăng	Hợp Châu	sông Bôi				24,00	0,00		8,0
VIII	Huyện Mai Châu						0,00	0,00		0,0
IX	Huyện Lạc Sơn						73,00	150,00		42,3
1	Hồ Lay	Hương Nhượng	sông Bưởi				0,00	100,00		25,0
2	Hồ Bui	Hương Nhượng	sông Bưởi				0,00	50,00		10,0
3	Hồ Khang Mặc	Tân Mỹ	sông Bưởi				9,00	0,00		0,9

TT	Tên công trình	Địa điểm	Lưu vực sông	Đơn vị quản lý	Quy mô công trình (Đập chính)		Diện tích lúa (ha)	Cây trồng khác (ha)	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)	
					Hmax (m)	L (m)			Trung ương	Địa phương
4	Hồ Cuối	Tân Mỹ	sông Bưởi				17,00	0,00		1,7
5	Hồ Lay	Hương Nhượng	sông Bưởi				15,00	0,00		1,5
6	Hồ Ngọc Tác	Bình Hẻm	sông Bưởi				7,00	0,00		0,7
7	Hồ Chua	Mỹ Thành	sông Bưởi				25,00	0,00		2,5
X	TP. Hòa Bình						125,00	177,50		45,0
1	Hồ Thăng		Sông Đà				75,00	52,50		15,0
2	Hồ Cang		Sông Đà				50,00	125,00		30,0

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục VI: Danh mục đầu tư, nâng cấp các công trình đê điều trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)			Dự kiến giai đoạn đầu tư
						Vốn TW	Vốn ĐP	Vốn khác	
I. Đầu tư, nâng cấp						1.591			
1	Nâng cấp, mở rộng đê Quỳnh Lâm kết hợp làm giao thông, đoạn từ K2+000 đến K3+926, thành phố Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình	Để nâng cao khả năng phòng lũ, đảm bảo an toàn dân cư tại các tuyến sông trên địa bàn tỉnh	Kết hợp đường giao thông	Nâng cấp, mở rộng	150			2021-2025
2	Nâng cấp tuyến đê lái lũ sau hồ Ngọc Lương 2, huyện Yên Thủy	Huyện Yên Thủy	Để nâng cao khả năng phòng lũ, đảm bảo an toàn dân cư tại các tuyến sông trên địa bàn tỉnh	Công trình vẫn chưa phát huy tác dụng tiêu thoát lũ, chỉ bảo vệ cho một số hộ dân và phần diện tích đất canh tác của xóm Hồ 1. Khi mưa lũ lớn kéo dài, nước bị đẩy dồn về 4 xóm: Ba Cầu, Thung, Hồ 3, Liên Tiến làm khu vực này thường xuyên bị ngập úng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.	Nâng cấp, mở rộng	350			2021-2025
3	Xây dựng kéo dài tuyến đê Ngòi Dong, thành phố Hòa Bình	Thành phố Hòa Bình	Để nâng cao khả năng phòng lũ, đảm bảo an toàn dân cư tại các tuyến sông trên địa bàn tỉnh	Tăng cường khả năng chống lũ, đặc biệt trong trường hợp Thủy điện Hòa Bình xả lũ	Nâng cấp, mở rộng	350			2021-2025

4	Xây dựng tuyến đê ngăn lũ xóm Yên Bình, xã Đoàn Kết huyện Yên Thủy	Huyện Yên Thủy	Bảo vệ 95 hộ dân và bảo đảm 75 ha canh tác của xóm Yên Bình và Nam Bình		Xây mới	180			2021-2025
5	Xây dựng, nâng cấp tuyến đê Nam Thái, xã Đoàn Kết huyện Yên Thủy	Huyện Yên Thủy	Bảo đảm an toàn cho 160 hộ dân và 120 ha đất sản xuất cho các xóm của xã Đoàn Kết		Xây mới, nâng cấp	40			2021-2025
6	Tuyến đê kết hợp giao thông đường Pheo-Chẹ	Thành phố Hòa Bình	Để nâng cao khả năng phòng lũ, đảm bảo an toàn dân cư tại các tuyến sông trên địa bàn tỉnh	Kết hợp đường giao thông	Xây mới, nâng cấp	521			2021-2025
II. Duy tu, sửa chữa						100			
1	Duy tu sửa chữa các tuyến đê: Tuyến đê Đà Giang, Ngòi Dong, Quỳnh Lâm, thành phố Hòa Bình					50			2021-2025
2	Nâng cấp mở rộng Tuyến đê Trung Minh, thành phố Hòa Bình					20			2021-2025

3	Duy tu sửa chữa tuyến đê Xuân Dương, Thanh Lương, huyện Lương Sơn					20			2021-2025
4	duy tu sửa chữa đê Yên Trị, huyện Yên Thủy					10			2021-2025
Tổng I+II						1.691			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục VII: Các đoạn sông, suối bị sạt lở, cần có giải pháp xử lý, khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông, bờ suối.

TT	Đoạn sông	Xã, huyện	Chiều dài (m)	Dự kiến giải pháp	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)
TỔNG CỘNG			74.831		1.730
1	Tuyến sông Cầu Đường	Thôn Thạch Quyền và thôn Đồng Bon xã Cao Dương huyện Lương Sơn	600	Xây dựng kè bằng bê tông mác 150 đá 2x4 để chống sạt lở dài khoảng 600m và các hạng mục khác	20
2	Tuyến suối Tiên Hội	Thôn Tiên Hội xã Cao Dương , huyện Lương Sơn	800	Xây dựng tường bao chống sạt lở bằng bê tông mác 150 đá 2x4 dài khoảng 800m và các hạng mục khác	20
3	Tuyến sông Song Huỳnh	Thôn Bá Lan 2, thôn Song Huỳnh và thôn Chợ Bến, xã Thanh Cao , huyện Lương Sơn	170	Xây dựng tường chắn trọng lực, nạo vét khơi thông dòng chảy từ đoạn nối tiếp tường kè đã có đến cống thủy lợi thôn Song Huỳnh, nâng cấp đoạn đường đất chống lũ từ vị trí điểm cuối tường kè chống sạt lở bên bờ phải sông Song Huỳnh dọc xuống hạ lưu sông nối với đoạn đê bao của huyện Mỹ Đức, Hà Nội dọc theo đường 431 và xây dựng một số hạng mục cần thiết khác....	20
4	Tuyến Sông Bùi (2 bên)	Tính từ Trạm thu phí đến cầu Bãi Sỏi xã Nhuận Trạch	4.500	Kè chống sạt lở sông Bùi	400
5	Tuyến sông Đà	khu cầu Ngòi Mại xã Hợp Thành, TP. Hòa Bình	35	Đóng cọc bê tông, kè đá và bê tông	5
6	Tuyến sông Đà	khu xóm Độc Lập và Trung Thành xã Thịnh Minh , TP. Hòa Bình	900	Kè đá khan, kết hợp bê tông nắn dòng chảy	3,5
7	Tuyến sông Đà	khu vực xóm Tân Thành, xã Hợp Thành, TP. Hòa Bình	600	Kè đá khan, kết hợp bê tông nắn dòng chảy	3

TT	Đoạn sông	Xã, huyện	Chiều dài (m)	Dự kiến giải pháp	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)
8	Tuyến bờ phải sông Đà	xóm Máy Giấy, xã Độc Lập , TP. Hòa Bình	1.000	Kè chống sạt lở bờ bằng kiểu mái nghiêng và kiểu tường chắn. Kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.	68
9	Sạt lở bờ suối, đất đồi	xóm Rừng, xã Cao Sơn, Huyện Đà Bắc	2.500	Xây kè, bảo vệ khu dân cư, bảo vệ ruộng màu	10
10	Sạt lở bờ suối	Xóm Tầy Măng, xã Tu Lý, Huyện Đà Bắc	200	Xây hệ thống mương thoát lũ	2
11	Kè bờ hồ Hòa Bình	Xóm Doi, xóm Ké, xã Hiền Lương	180	Kè gia cố tường kè bê tông	2,0
12	Kè bờ hồ Hòa Bình	Xóm Săng Bờ, xóm Nưa, xã Vầy Nưa	100	Kè gia cố tường kè bê tông	1,4
13	Kè bờ hồ Hòa Bình	Xóm Mực, xã Tiên Phong	70	Kè gia cố tường kè bê tông	1,3
14	Tuyến Suối Te	Xóm Khoè, xã xãm Khoè, Huyện Mai Châu	300	Kè gia cố bờ suối, bê tông tường kè cao từ 3- 4m	5
15	Tuyến suối Mùn	Xóm Pom Coọng, Thị trấn Mai Châu, Huyện Mai Châu	400	Kè gia cố bờ suối, bê tông tường kè cao từ 2- 3m	3
16	Bờ trái tuyến suối Mùn	Xóm Lác, xã Chiềng Châu	700	Kè gia cố tường kè bê tông	7
17	Bờ trái tuyến suối Mùn	Xóm Đồng Uống, xã Mai Hạ	500	Kè gia cố tường kè bê tông	5
18	Bờ phải tuyến sông Đà	Xóm gò Mu, xã Phúc Sơn	500	Kè gia cố tường kè bê tông	10
19	Bờ trái tuyến sông Mã	Kè bảo vệ khu dân cư xóm Thanh Mai, xã Vạn Mai	400	Kè gia cố tường kè bê tông	40
20	Bờ phải tuyến sông Đà	Xóm Doi, xã Tân Mai	500	Kè gia cố tường kè bê tông	10
21	Bờ phải tuyến sông Đà	Xóm Khoang xã Tân Mai	500	Kè gia cố tường kè bê tông	10

TT	Đoạn sông	Xã, huyện	Chiều dài (m)	Dự kiến giải pháp	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)
22	Tuyến sông Yên Diễm (bờ tả)	Xóm Đúc, xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	700	Già gia cố bờ trái suối Yên Diễm nơi có đường liên xã đi qua bằng kè bê tông, chiều dài 700 mét, xây dựng tuyến đường cứu hộ cứu nạn qua xóm Đúc, xã Yên Phú bằng bê tông	50
23	Tuyến suối Miếu (đoạn nối liền với tràn Hồ Khả, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình)	Xóm Khả, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	630	Kè gia cố bằng bê tông, xây dựng cầu qua ngầm đảm bảo đường cứu hộ cứu nạn	25
24	Tuyến bờ sông Bưởi (đoạn tiếp giáp xã Hương Nhượng và Thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình)	Xóm Chum xã Hương Nhượng và thị trấn Vụ Bản huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình	500	Kè bê tông 2 bên bờ suối	20
25	Tuyến bờ suối	Xã Tự Do, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	200	Kè hai bên bờ bai và thân Bai	3
26	Suối Bằng, Suối Bám xã Tây Phong	Thị trấn Cao Phong; xã Tây Phong, xã Nam Phong, Huyện Cao Phong	10.000	Kè bê tông chống sạt lở	150
27	Tuyến suối Cái	Xóm Mỗ xã Bình Thanh, Huyện Cao Phong	500	Kè bê tông chống sạt lở	10
28	Kè mương thoát nước	Khu 3, Thị trấn Cao Phong, Huyện Cao Phong	1.200	Kè bê tông	15
29	Khu vực suối Quáng, xã Hợp Phong.	Xóm Quáng Trong, Quáng Giữa, xã Hợp Phong	300	Kè bê tông chống sạt lở	6

TT	Đoạn sông	Xã, huyện	Chiều dài (m)	Dự kiến giải pháp	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)
30	Khu vực suối Nà Dè xã Thạch Yên	Xóm Ngái, xã Thạch Yên	200	Kè bê tông chống sạt lở	4
31	Suối Mỗ, xã Bình Thanh	Xóm Mỗ xã Bình Thanh, Huyện Cao Phong	2.000	Kè bê tông chống sạt lở	40
32	Tuyến Sông Đập	Xã An Bình, Huyện Lạc Thủy	8.000	Kè mái bờ sông	30
33	Tuyến sông	Xóm Vôi, Thấu, xã Hòa Bình, TP.Hoà Bình	5.000	Xây dựng kè chống sạt lở	14
34	Tuyến bờ suối Cò Cai	Xóm Hạ Sơn, phường Thống Nhất, TP.Hoà Bình	700	Xây dựng kè chống sạt lở	7,5
35	Tuyến bờ suối Chấm	Phường Dân Chủ, TP.Hoà Bình	3.500	Xây dựng kè chống sạt lở	40
36	Sạt lở tại khu vực tổ 26 phường Đồng Tiến và kè chống sạt lở bờ sông Đà (đoạn qua xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình)	TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	3.800	Kè chống sạt lở bờ bằng kiểu mái nghiêng và kiểu tường chắn. Kết cấu bằng bê tông, bê tông cốt thép.	320
37	Sạt lở tại xóm 11, xã Sủ Ngòi	Xã Sủ Ngòi, thành phố Hoà Bình	60	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	7
38	Sông Bôi	Xóm Đầm Rừng, xã Vĩnh Tiến	1.000	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	14
39	Sông Bôi	4 xóm: Bèo, Khót, Khoang, Lốc thuộc xã Sơn Thủy	3.000	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	42
40	Sông Bôi	3 xóm: Bơ Bờ, Nè, Khoai thuộc xã Xuân Thủy	1.200	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	16,8
41	Sông Bôi	Xóm Rường, xã Xuân Thủy	1.000	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	14
42	Sông Bôi	Xóm Mến Bôi, xã Kim Lập	1.000	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	14
43	Sông Bôi	Xóm Bôi Câu, xã Kim Bôi	1.300	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	18,2
44	Sông Bôi	3 xóm: Bộ Mu, Dứng Ổi, xã Kim Bôi	2.200	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	30,8

TT	Đoạn sông	Xã, huyện	Chiều dài (m)	Dự kiến giải pháp	Nhu cầu kinh phí (tỷ đồng)
45	Sông Bôi	2 xóm: Bôi Cả, Nam Hạ thuộc xã Nam Thượng	1.400	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	19,6
46	Sông Bôi	Xóm Nà Bờ, xã Sào Báy	1.150	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	16,1
47	Sông Bôi	5 xóm: Mỹ, Ba Giang, Đồng Hòa, Mý Đông, Cánh thuộc xã Mỹ Hòa	3.000	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	42
48	Sông Bôi	Xóm Dăm, xã Nuông Dăm	1.800	Xây dựng Kè bảo vệ dân sinh	25,2
49	Bờ Phải và Bờ trái	5 thôn: Chợ Đập, An Sơn II, Đồng Vạn, Đồng Bàu, Ninh Nội, xã An Bình	3.236	Xây dựng kè bê tông	75
50	Bờ trái	Khu 1, Khu 2, thị trấn Chi Nê	800	Xây dựng kè bê tông	15

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục VIII: Các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất và danh mục các dự án đề xuất giai đoạn 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
	CỘNG TỔNG		6.796		938.068	914.627	23.441	136.500	797.068
I	Huyện Lạc Sơn		157		83.800	83.800	0	55.000	28.800
1	Di dân tái định cư khu dân cư xóm Hồ 2, xã Yên Nghiệp	xã Yên Nghiệp, Huyện Lạc Sơn	17	Đảm bảo ổn định đời sống cho 17 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	10.000	10.000		10.000	
2	Xây dựng khu tái định cư xóm Ráy, xã Văn Sơn	Xóm Ráy, xã Văn Sơn, Huyện Lạc Sơn	40	Đảm bảo ổn định đời sống cho 40 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	15.000	15.000		15.000	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm dân cư tập trung xóm Rài, xóm Nạc, xã Tuân Đạo	Xã Tuân Đạo, huyện Lạc Sơn	37	Đảm bảo ổn định đời sống cho 37 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	15.000	15.000		15.000	
4	Xây dựng khu tái định cư xóm Đan Đào, xã Tuân Đạo	Xã Tuân Đạo, huyện Lạc Sơn	30	Đảm bảo ổn định đời sống cho 30 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	15.000	15.000		15.000	
5	Kè chống sạt lở ổn định dân cư đoạn cầu Chum và phố Nghĩa thị trấn Vụ Bản	Thị Trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn	25	Đảm bảo an toàn cho 25 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	25.000	25.000			25.000

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
6	Kè chống sạt lở ổn định dân cư xóm Đúc, xã Yên Phú	xã Yên Phú, huyện Lạc Sơn	8	Đảm bảo an toàn cho 8 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	3.800	3.800			3.800
II	Huyện Yên Thủy		188		31960	31960	0	29900	2060
7	Dự án khẩn cấp di dân vùng lũ quét và sạt lở đất tại xóm Nâu xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy	Xã Bảo Hiệu, huyện Yên Thủy	32	Đảm bảo ổn định đời sống cho 32 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	14.900	14.900		14.900	
8	Dự án khẩn cấp di dân vùng lũ quét và sạt lở đất tại xóm Hạ 1 xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy	Xã Lạc Sỹ, huyện Yên Thủy	34	Đảm bảo ổn định đời sống cho 34 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	15.000	15.000		15.000	
9	Dự án di dân xen ghép, ổn định tại chỗ tại các xóm trên địa bàn xã Lạc Sỹ	Lạc Sỹ, Yên Thủy	72	Đảm bảo an toàn cho 72 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	1.260	1.260			1260
10	Dự án di dân xen ghép, ổn định tại chỗ tại các xóm trên địa bàn xã Bảo Hiệu (xã Lạc Hưng cũ)	Bảo Hiệu, Yên Thủy	50	Đảm bảo an toàn cho 50 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	800	800			800

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
III	Huyện Đà Bắc		1.851		185.524	182.908	2.616	38.100	142.924
11	Dự án di dân tái định cư Bura cốc	Xã Suối Nánh	61	Đảm bảo an toàn cho 61 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	29.792	29.792			29.792
12	Dự án di dân tái định cư xóm Kề	Xã Mường Chiềng	29	Đảm bảo an toàn cho 29 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	17.381	17.381			17.381
13	Dự án di dân tái định cư xóm Nhạp	Xã Đồng Ruộng	25	Đảm bảo an toàn cho 25 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	19.942	19.942			19.942
14	Dự án di dân tái định cư xóm Lau Bai	Xã Vầy Nưa	30	Đảm bảo an toàn cho 30 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	15.649	15.649			15.649
15	Xây dựng điểm dân cư tập trung khu tái định cư	Xã Mường Chiềng	85	Đảm bảo an toàn cho 85 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	34.000	34.000			34000
16	Khu tái định cư Xóm Túp, xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc	xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc	31	Đảm bảo ổn định đời sống cho 31 hộ dân ảnh hưởng trực tiếp do sạt lở	38.100	38.100		38.100	
17	Xen ghép, xã Mường Chiềng	Xã Mường Chiềng	17	Ổn định cho 17 hộ	1.530	1.377	153		1.530

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
18	Xen ghép, ổn định tại chỗ xã Nánh Nghê	Xã Nánh Nghê	155	Ổn định cho 155 hộ	12.975	11.678	1.298		12.975
19	Xen ghép, ổn định tại chỗ xã Đồng Ruộng	Xã Đồng Ruộng	326	Ổn định cho 326hộ	4.635	4.172	464		4.635
20	Xen ghép, ổn định tại chỗ xã Đoàn Kết	Xã Đoàn Kết	58	Ổn định cho 58 hộ	1.845	1.661	185		1.845
21	Xen ghép, ổn định tại chỗ xã Đồng Chum	Xã Đồng Chum	45	Ổn định cho 45 hộ	3.750	3.375	375		3.750
22	Xen ghép, ổn định tại chỗ xã Trung Thành	Xã Trung Thành	20	Ổn định cho 20 hộ	1.425	1.283	143		1.425
23	xã Tân Pheo	Xã Tân Pheo, huyện Đà Bắc	218	Ổn định dân cư tại chỗ	750	750			
24	xã Hiền Lương	Xã Hiền Lương, huyện Đà Bắc	11	Ổn định dân cư tại chỗ	45	45			
25	thị trấn Đà Bắc	thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc	79	Ổn định dân cư xen ghép tại chỗ	360	360			
26	xã Toàn Sơn	Xã Toàn Sơn, huyện Đà Bắc	15	Ổn định dân cư xen ghép tại chỗ	270	270			
27	xã Yên Hòa	Xã Yên Hòa, huyện Đà Bắc	70	Ổn định dân cư xen ghép tại chỗ	930	930			

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
28	Xã Cao Sơn	Xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc	119	Ổn định dân cư xen ghép tại chỗ	585	585			
29	Xã Giáp Đất	Xã Giáp Đất, huyện đà bắc	70	Ổn định dân cư tại chỗ	360	360			
30	Xã Tú Lý	Xã Tú Lý, huyện Đà Bắc	204	Ổn định dân cư xen ghép tại chỗ	930	930			
31	Xã Tiên Phong	Xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc	183	Ổn định dân cư tại chỗ	270	270			
IV	Huyện Kim Bôi		249		85.951	85.951	0	5.900	80.051
32	Dự án khẩn cấp di dân tái định cư vùng sạt lở đất tại xóm Mớ Khoắc, xã Hạ Bì	Xã Hạ Bì	29	Đảm bảo an toàn cho 29 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	14.011	14.011			14011
33	Dự án khẩn cấp di dân tái định cư vùng sạt lở đất tại xóm Chanh Trên, xã Vĩnh Đồng	Xã Vĩnh Đồng	26	Đảm bảo an toàn cho 26 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	19.350	19.350			19.350
34	Dự án khẩn cấp di dân tái định cư vùng sạt lở đất tại xóm Đúp, xã Tú Sơn	Xã Tú Sơn	30	Đảm bảo an toàn cho 30 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	17.350	17.350			17.350

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
35	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xóm Thượng, xã Cuối Hạ	Cuối Hạ, huyện Kim Bôi	22	Đảm bảo an toàn cho 22 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	27.200	27.200			27200
36	Dự án di dân xen ghép nội vùng tại xã Vĩnh Tiến, thị trấn Bo, My Hòa	Xã Vĩnh Tiến, thị trấn Bo, xã My Hòa, huyện Kim Bôi	26	Đảm bảo an toàn cho 26 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	1.820	1.820			1820
37	Dự án ổn định tại chỗ cho các hộ dân đang sinh sống tại xã Tú Sơn, Hùng Sơn, Kim Bôi, Cuối Hạ, Nuông Dăm	Xã Tú Sơn, xã Hùng Sơn, xã Kim Bôi, xã Cuối Hạ,xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi	32	Đảm bảo an toàn cho 32 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	320	320			320
38	Dự án bố trí ổn định dân cư theo hình thức xen ghép nội vùng cho 48 hộ dân thuộc các xã: Cuối Hạ, Vĩnh Tiến, thị trấn Bo, My Hòa	Xã Cuối Hạ, Vĩnh Tiến, My Hòa và thị trấn Bo, huyện Kim Bôi	48	Đảm bảo an toàn cho 48 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	3.400	3.400		3.400	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
39	Dự án bố trí ổn định dân cư theo hình thức ổn định tại chỗ cho 36 hộ dân thuộc các xã: Cuối Hạ, Tú Sơn, Hùng Sơn, Nuông Dăm, Kim Bôi, My Hòa.	Xã Cuối Hạ, Tú Sơn, Hùng Sơn, Nuông Dăm, Kim Bôi, My Hòa, huyện Kim Bôi	36	Đảm bảo an toàn cho 36 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	2.500	2.500		2.500	
V	Huyện Cao Phong		138		39.200	39.200	0	7.600	31.600
40	Dự án di dân tái định cư tập trung tại xã Hợp Phong	Tại các xóm: Quyền, Nhồi Trong, Mừng, Rú Mới, Cạn Thượng	25	Đảm bảo an toàn cho 25 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	25.000	25.000			25.000
41	Dự án di dân xen ghép các hộ dân tại thị trấn Cao Phong	Khu 3, TT Cao Phong	1	Đảm bảo an toàn cho 1 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	3.000	3.000			3.000
42	Dự án di dân xen ghép các hộ dân tại xã Thung Nai	Tại các xóm: Chiềng, Tiện, Mới, Nai	17	Đảm bảo an toàn cho 17 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	1.700	1.700			1.700

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
43	Dự án di dân xen ghép và ổn định tại chỗ các hộ dân tại xã Thạch Yên	Tại các xóm: Dai, Bợ, Róm Khánh, Mới, Thôi Bạ, Chằm, Đầy xã Thạch Yên	19	Đảm bảo an toàn cho 19 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	1.900	1.900			1.900
44	Dự án di dân xen ghép và ổn định tại chỗ cho các hộ dân tại xã Bắc Phong	Tại các xóm: Môn, Dài, Dê, xã Bắc Phong	4	Đảm bảo an toàn cho 4 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	400	400		400	
45	Dự án di dân xen ghép, ổn định tại chỗ các hộ dân tại xã Bình Thanh	Tại các xóm: Tráng, Lòn, Giang, Mỗ, xã Bình Thanh	35	Đảm bảo an toàn cho 35 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	3.500	3.500		3.500	
46	Dự án di dân xen ghép và ổn định tại chỗ cho các hộ dân tại xã Nam Phong	Tại các xã: Ong, Đúc, Nam Thái, xã Nam Phong	24	Ổn định dân cư xen ghép	2.400	2.400		2.400	
47	Dự án di dân xen ghép và ổn định tại chỗ các hộ dân tại xóm Vô, xã Thu Phong	Xóm Vô, xã Thu Phong	3	Ổn định dân cư xen ghép	300	300		300	
48	Dự án di dân xen ghép và ổn định tại chỗ các hộ dân tại xã Tây Phong	Xóm: Nếp, Bàng, Chao Khạ, xã Tây Phong	10	Ổn định dân cư xen ghép	500	500		500	

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
49	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các hộ dân phải di chuyển nhà ở do thiên tai xã Tây Phong	Xóm: Nếp, Bàng, Chao Khạ, xã Tây Phong		Xây dựng cơ sở hạ tầng cho các hộ dân phải di chuyển nhà ở do thiên tai	500	500		500	
VI	Tp. Hòa Bình		353		258.788	258.788	0	0	258.788
50	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư di dân vùng sạt lở đất tại phường Thái Bình	Tổ 7, Phường Thái Bình,	50	Đảm bảo an toàn cho 50 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	14.900	14.900			14.900
51	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư di dân vùng sạt lở đất tại xã Hòa Bình	Xóm Máy 1, xã Hòa Bình	40	Đảm bảo an toàn cho 40 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	39.000	39.000			39.000
52	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư di dân vùng sạt lở đất tại xã Trung Minh và tổ 26 phường Đồng Tiến	Xóm Tân Lập II, xã Trung Minh	57	Đảm bảo an toàn cho 57hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	54.948	54.948			54.948

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
53	Kè chống sạt lở, ổn định dân cư khu vực tổ 11, 12 phường Thái Bình, thành phố Hoà Bình (giai đoạn I và giai đoạn II)	Phường Thái Bình			51.440	51.440			51.440
54	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xóm Tiểu Khu xã Hoà Bình	Xã Hoà Bình, thành phố Hòa Bình	28	Đảm bảo an toàn cho 28 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	10.500	10.500			10.500
55	Khu tái định cư và ổn định dân cư Tổ 2, 3 phường Kỳ Sơn,	phường Kỳ Sơn	150	Đảm bảo an toàn cho 150 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	60.000	60.000			60.000
56	Khu tái định cư Đồng Chanh, phường Kỳ Sơn	phường Kỳ Sơn	28	Đảm bảo an toàn cho 28 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	28.000	28.000			28.000
VII	Huyện Tân Lạc		328		78.695	78.695	0	0	78.695
57	Khẩn cấp di dân tái định cư vùng sạt lở đất tại xã Nam Sơn, huyện Tân Lạc	Xã Vân Sơn	62	Đảm bảo an toàn cho 62 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	19.975	19.975			19.975

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
58	Xây dựng khu tái định cư chuyển dân xóm Khanh, xóm Khời, xóm Bưởi, xóm Vìn, xóm Trao, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	51	Đảm bảo an toàn cho 51 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	14.800	14.800			14.800
59	Xây dựng khu tái định cư di dân vùng sạt lở đất Lũng Vân	Xã Vân Sơn	42	Đảm bảo an toàn cho 42 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	10.700	10.700			10.700
60	Xây dựng khu tái định cư xóm Dom, thị trấn Mãn Đức	Thị trấn Mãn Đức	27	Đảm bảo an toàn cho 27 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	8.500	8.500			8.500
61	Xây dựng khu tái định cư xóm Bương, xóm Dồ, xóm Xôm, xóm Bái, xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn	55	Đảm bảo an toàn cho 55 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	15.000	15.000			15.000
62	Xây dựng khu tái định cư xen ghép xóm Ong, xóm Thung, xã Suối Hoa	Xã Suối Hoa	15	Đảm bảo an toàn cho 15 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	4.300	4.300			4.300

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
63	Xây dựng khu tái định cư xen ghép xã Lỗ Sơn	Xã Lỗ Sơn	18	Đảm bảo an toàn cho 18 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	5.400	5.400			5.400
64	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư xóm Bách, xã Vân Sơn	Xã Vân Sơn huyện Tân Lạc	58	Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 7 tháng 10/2020 gây sạt lở một số vị trí thuộc các xóm trên địa bàn xã Vân Sơn, đặc biệt là xóm Bách, địa phương đã phải di dời các hộ trong diện nguy hiểm đến nơi an toàn	20	20			20
VIII	Huyện Mai Châu		303		70.900	70.900	0	0	70.900
65	Dự án di dân tái định cư xóm Ban, xã Tân Dân	Xã Tân Dân	30	Đảm bảo an toàn cho 30 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	22.500	22.500			22.500
66	Dự án di dân khu Bãi Sét, xã Tân Thành	Xã Tân Thành	45	Đảm bảo an toàn cho 45hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	5.000	5.000			5000
67	Dự án di dân tái định cư xóm Đoi xã Tân Thành, huyện Mai Châu	Xã Tân Thành	45	Đảm bảo an toàn cho 45hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	20.000	20.000			20.000

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
68	Xã Nà Phòn		40	Đảm bảo an toàn cho 40hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	4.800	4.800			4.800
69	Xã Thành Sơn		40	Đảm bảo an toàn cho 40hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	4.300	4.300			4.300
70	Xã Cùn Pheo		20	Đảm bảo an toàn cho 20hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	2.800	2.800			2.800
71	Thị trấn Mai Châu		25	Đảm bảo an toàn cho 25hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	3.000	3.000			3.000
72	Xã Vạn Mai		8	Đảm bảo an toàn cho 8hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	4.000	4.000			4.000
73	Xã Mai Hịch		50	Đảm bảo an toàn cho 50hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	4.500	4.500			4.500

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
IX	Huyện Lạc Thủy		1.892		28.250	25.425	2.825	0	28.250
74	Bổ trí ổn định dân cư tại chỗ	Các xã Khoan Du, Yên Bồng, Hưng Thi, huyện Lạc Thủy	1.892	Đảm bảo an toàn cho 1892hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	28.250	25.425	2.825		28250
X	Huyện Lương Sơn		1.337		75.000	57.000	18.000	0	75.000
75	Dự án kè chống sạt lở, ổn định dân cư xóm Rỗng Vòng xã Lâm Sơn	Xóm Rỗng Vòng, xã Lâm Sơn	82	Đảm bảo an toàn cho 82 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	15.000	12.000	3.000		15.000
76	Dự án kè chống sạt lở, ổn định dân cư xóm Tiên Hội xã Cao Dương	Thôn Tiên Hội xã Cao Dương	25	Đảm bảo an toàn cho 25 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	20.000	15.000	5.000		20.000
77	Dự án kè chống sạt lở, ổn định dân xóm Thạch Quyền và xóm Đồng Bon xã Cao Dương	Thôn Thạch Quyền và thôn Đồng Bon xã Cao Dương	180	Đảm bảo an toàn cho 180 hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	20.000	15.000	5.000		20.000

TT	Danh mục dự án đề xuất	Địa điểm xây dựng	Số hộ dân bị ảnh hưởng	Nhiệm vụ, mục tiêu của dự án	Nhu cầu kinh phí dự kiến			Đề xuất hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2020	Đề xuất hỗ trợ từ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
					Tổng số	Trong đó:			
						NSTW	NSDP và các nguồn khác		
78	Dự án kè chống sạt lở, ổn định dân cư thôn Song Huỳnh và thôn Chệ Bền xã Thanh Cao	Thôn Bá Lan 2, thôn Song Huỳnh và thôn Chợ Bền, xã Thanh Cao	1050	Đảm bảo an toàn cho 1050hộ dân, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ sớm ổn định cuộc sống	20.000	15.000	5.000		20.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục IX: Tổng hợp danh mục biện pháp phòng chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Dự kiến thời gian hoàn thành	Dự kiến nguồn lực (tỷ đồng)		
						Trung ương	Địa phương	Nguồn khác
A. Biện pháp phi công trình								
I. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách								
1	Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định pháp luật về xây dựng trạm khí tượng thủy văn đối với các hạng mục công trình phải thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo Luật Khí tượng thủy văn	Sở Tài nguyên và môi trường	Các Sở, ngành địa phương	Quyết định, quy định, văn bản hướng dẫn	2021-2025			
2	Hoàn thiện, sửa đổi các quy định, hướng dẫn về Quỹ phòng, chống thiên tai, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp theo Luật và Nghị định mới.	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Quy định, hướng dẫn	2021-2025			
3	Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, rà soát, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, dự báo dài hạn về thiên tai, nguồn nước	Sở Tài nguyên và môi trường	Các Sở, ngành địa phương	Kế hoạch, kịch bản	2021-2025			
4	Cơ chế chính sách để huy động nguồn lực trong xã hội, dịch vụ công tham gia vào công tác phòng chống thiên tai	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Chính sách	2021-2025			

II. Kiện toàn tổ chức, bộ máy và tăng cường năng lực quản lý thiên tai								
1	Kiện toàn tổ chức, bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Củng cố bộ máy chỉ huy PCTT và TKCN các cấp đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả	Hàng năm			
2	Tăng cường cơ sở vật chất của cơ quan chỉ huy PCTT các cấp	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Hạ tầng, trang thiết bị phục vụ đảm bảo công tác chỉ huy, trực ban	2021-2025	15	10	
3	Hiện đại hóa các công cụ hỗ trợ điều hành theo thời gian thực đáp ứng yêu cầu ứng phó kịp thời, chính xác, hiệu quả	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Lắp đặt các thiết bị, phần mềm chuyên dùng	2021-2025	7	3	
4	Trang bị vật tư, thiết bị phương tiện phục vụ công tác phòng, chống thiên tai	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Các vật tư, thiết bị, phương tiện như: rọ thép, áo phao, nhà bạt	2021-2025	18	12	
5	Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương châm "4 tại chỗ" trong phòng chống thiên tai và xây dựng cộng đồng an toàn gắn với xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Cộng đồng an toàn, thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ	2021-2025	5	5	
6	Tổ chức diễn tập, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn					1	4	
6,1	Nâng cao năng lực chuyên môn về thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai cho các cán bộ chỉ huy PCTT TKCN các cấp	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Các lớp tập huấn	Hàng năm			

6,2	Nâng cao năng lực, kỹ năng về PCTT cho đội xung kích cấp xã	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Các lớp tập huấn	Hàng năm			
6,3	Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Các lớp tập huấn	Hàng năm			
7	Sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai cho các hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Khắc phục sửa chữa các công trình	Hàng năm		48	
8	Xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan Ban chỉ huy với các Tổ chức chính trị, xã hội	Ban chỉ huy PCTT&TKCN các cấp	Các Sở, ngành địa phương	Cơ chế, chính sách	2021-2022			
9	Xây dựng kế hoạch công tác của Ban chỉ huy PCTT&TKCN	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Kế hoạch	Hàng năm			
10	Xây dựng, nâng cấp kho vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Hạ tầng, trang thiết bị phục vụ đảm bảo công tác PCTT&TKCN	2021-2025	20		
III. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án								
1	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành địa phương	Giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản	2021			
2	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm	UBND cấp huyện/thị xã	Các phòng, ban có liên quan	Giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản	2021			
3	Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã giai đoạn 2021 – 2025 và cập nhật hàng năm	UBND cấp phường/ xã	Các phòng, ban có liên quan	Giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản	2021			

4	Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc xây dựng, cập nhật, sửa đổi phương án ứng phó thiên tai theo từng cấp độ RRTT	UBND tỉnh	Các Sở, ngành địa phương	Giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản	2021-2015			
IV. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo								
1	Hiện đại hóa và bổ sung mạng lưới quan trắc KTTV phục vụ công tác PCTT					5	2	4
1,1	Lắp đặt thiết bị cảnh báo, dự báo các khu vực bị ngập sâu, trũng thấp; sạt lở đất	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Biển cảnh báo; thiết bị cảnh báo	2021-2023			
1,2	Lắp đặt thiết bị đo độ rung chấn để cảnh báo, dự báo sạt lở	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sạt lở để có biện pháp khắc phục kịp thời	2021-2023			
1,3	Lắp đặt các trạm quan trắc khí tượng thủy văn để phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai để có biện pháp khắc phục kịp thời	2021-2025			
2	Xây dựng mới, Điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành các hồ chứa; cập nhật dữ liệu thông tin vận hành hồ chứa	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Quy trình vận hành; hệ thống cơ sở dữ liệu	2021-2022			
3	Tăng cường các bản tin dự báo phục vụ phát triển KTXH phòng chống thiên tai trên địa bàn thành phố	Đài KTTV	Các đơn vị có liên quan	Cung cấp các bản tin dự báo, cảnh báo phục vụ các ngành	2021-2025			
4	Xây dựng công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành các quy trình liên hồ chứa	Sở Tài nguyên và môi trường	Các Sở, ngành địa phương	UBND thành phố	2021-2025			

5	Khai thác, thu thập dữ liệu thời tiết, khí tượng thủy văn, phục vụ công tác phòng chống thiên tai	Văn phòng BCH PCTT&TKCN	Đài KTTV tỉnh và các đơn vị cung cấp dịch vụ	Các bản tin về KTTV phục vụ PCTT	2021-2025		4,69	
6	Đẩy mạnh truyền thông, áp dụng công nghệ thông tin truyền tin, cảnh báo thiên tai, nâng cao kiến thức và kỹ năng ứng phó trong phòng chống thiên tai	Sở Thông tin và truyền thông	Đài phát thanh truyền hình, báo Hòa Bình và các đơn vị, địa phương		2022			
7	Đầu tư, chỉ đạo phát triển công nghệ quan trắc, ứng dụng công nghệ dự báo hiện đại nhằm nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai	Sở Tài nguyên và môi trường	Các Sở, ngành địa phương		2023			
V. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cho cộng đồng								
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kỹ năng về phòng chống thiên tai				2021-2015		4	
1,1	<i>Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng của tỉnh</i>	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Các Sở, ngành địa phương</i>	<i>Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai</i>				
1,2	<i>Biên soạn tài liệu kiến thức về PCTT cho vùng sạt lở</i>	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Các Sở, ngành địa phương</i>	<i>Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT cho doanh nghiệp</i>				
1,3	<i>Biên soạn tài liệu kiến thức về PCTT cho người dân vùng ngập lụt</i>	<i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn</i>	<i>Các Sở, ngành địa phương</i>	<i>Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT cho cộng đồng</i>				

2	Nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức cho người dân phòng tránh và giảm thiểu rủi ro thiên tai	Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Các Sở, ngành địa phương	Tài liệu; Hội nghị và hội thảo			2	
VI. Chương trình trồng và bảo vệ rừng								
1	Trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Đảm bảo an toàn cho người dân và sản xuất				
2	Dự án trồng bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán bảo vệ dân cư huyện Lạc Sơn	UBND huyện Lạc Sơn	Các đơn vị có liên quan	Đảm bảo an toàn cho người dân và sản xuất	2021-2015	220	57	100
3	Dự án trồng bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn sông Bôi và nâng cấp tuyến đê bao ngăn lũ sông Bôi kết hợp đường giao thông chạy lũ (Đường 438A đoạn cầu Chi Nê, xã Khoan Dụ, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đến xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình)	UBND huyện Lạc Thủy	Các đơn vị có liên quan	Đảm bảo an toàn cho người dân và sản xuất	2021-2025	100	30	87
B.	BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH							
I	Đầu tư, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, công trình thủy lợi							
1	Công trình thủy lợi (Chi tiết tại Phụ lục 5)							
2	Công trình đê điều (Chi tiết tại Phụ lục 6)							
3	Công trình phòng chống thiên tai (Chi tiết Phụ lục 7)							

4	Những khu tái định cư với những khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất (Chi tiết Phụ lục 8)							
5	Xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai							
5,1	Xây dựng các khu tái định cư cho người dân các khu vực sạt lở, lũ ống, lũ quét	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Các khu vực tái định cư ổn định cho người dân				
5,2	Xử lý sạt lở đồi Ông Tượng và Tổ 4, phường Thái Bình, Tổ 4,5,6 phường Chăm Mát, T.P Hòa Bình	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Công trình đảm bảo cho người dân và nhà nước	2021	331	9	
5,3	Xử lý sạt lở các khu vực dân cư, bờ sông, suối trên địa bàn tỉnh (kè sông Bôi, sông Bùi, kè sạt lở đất đá sông suối khác)	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Các Sở, ngành địa phương	Đảm bảo an toàn cho người dân và sản xuất	2021-2022	500		
II. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai								
1	Xây dựng các trường học, cơ sở y tế, nhà văn hóa, sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm nơi tránh trú khi bão, lũ	Sở Giáo dục Đào tạo, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	Lồng ghép nội dung PCTT trong các dự án xây dựng	2021-2025			2
2	Xây dựng trung tâm cứu hộ, cứu nạn khu vực Lòng hồ và hạ lưu Sông Đà	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở tài chính và các sở, địa phương có liên quan	công trình phòng chống khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn	2021-2025	150		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục X: Trang thiết bị tìm kiếm cứu nạn hiện tại và đề xuất nhu cầu năm 2021-2025

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực						Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
				Thời điểm 01/01/ 2021	Chất lượng						
					1	2	3	4	5		
1	Phao các loại										
-	Áo phao	Chiếc	DTQG	3.178	1.365	1.387	98	76	252	13.550	
+	Áo phao cao su	Chiếc	QK3	4				1	3		
-	Áo phao ba đai theo tàu	Chiếc		35		35					
-	Phao tròn	Chiếc	DTQG	3.170	1.848	1.062	98	27	135	5.480	
-	Phao bè	Chiếc	QK3	8	8					80	
-	Phao tròn vải	Chiếc	BCH tỉnh cấp	29							
+	Phao tròn hanen	Chiếc	QK3	27					27		
+	Phao tròn xốp	Chiếc	QK3	7					7		
+	Phao tròn cao su	Chiếc	QK3	6				2	4		
+	Phao quây dầu tự nổi	Bộ								2	
+	Neo cho phao quây dầu	Bộ								5	
+	Dây kéo phao	Mét								400	
2	Bao tải dứa	Chiếc	MS	12.407	8.607	1.700	0	2.100	200	20.000	
3	Rọ thép	Chiếc	MS	4.087	4.087					4.400	
4	Nhà bạt các loại	Chiếc	DTQG	197	55	14	69	20	39	2145	bao gồm các loại nhà bạt chưa phân chia kích thước

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực						Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
				Thời điểm 01/01/2021	Chất lượng						
					1	2	3	4	5		
-	Nhà bạt 16,5m2	Chiếc	DTQG, UBQG, mua sắm	126	21	9	59	7	30	468	
-	Nhà bạt 16m2- 24m2	Chiếc								234	
-	Nhà bạt 24,75m2	Chiếc	DTQG, UBQG, mua sắm	41	22	3	9	1	6	624	
-	Nhà bạt 50-60 m2	Chiếc	DTQG	19	10	2	1	3	3		
5	Xe ô tô các loại			14		14	5	3			
-	Xe cứu hộ giao thông	Chiếc	BCA	11		11				1	
-	Xe chữa cháy	Chiếc	BCA	1		2	5	3		2	
-	Xe chỉ huy	Chiếc	BCA	2		1					
-	Xe cải tiến	Chiếc									
-	Xe ô tô bán tải	Chiếc								2	
-	Xe ô tô tải 2 cầu	Chiếc								20	
6	Tàu TKCN	Chiếc	BCA, BQP	1		1					
7	Xuồng, tàu cứu hộ các loại	Chiếc	BCA	36	3	27	5		1	9	
-	Xuồng máy									3	
-	Xuồng cao tốc ST1200									5	
-	Xuồng cao tốc ST1750									1	
-	Bè nhẹ cứu sinh									558	
-	Chất thấm dầu trên boong tàu	Bộ								8	
-	Bông thấm dầu trên mặt nước	Kg								200	

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực						Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
				Thời điểm 01/01/ 2021	Chất lượng						
					1	2	3	4	5		
-	Bom hút dầu tràn	Chiếc								2	
-	Thùng mềm chứa dầu tràn	Chiếc								10	
-	Gói thấm dầu 35cm x 35 cm	Chiếc								80	
-	Dây pom- pom thấm dầu	Dây								80	
-	Tấm thấm dầu	Kiện								40	
8	Tháp đèn chiếu sáng MLT4060	Chiếc	BQP							1	
9	Tháp đèn chiếu sáng AGNUM	Chiếc	QK3	1		1					
10	Tháp đèn chiếu sáng ML4060	Chiếc	QK3	1		1					
-	Đèn pin									1650	
11	Xăng	Chiếc	MS	552	106	413	10		23	958	
12	Cuốc	Chiếc	MS	331	138	163	10		20	958	
13	Cuốc chim	Chiếc	MS	137		136			1		
15	Thùng tôn bảo quản áo phao (1,7 x 0,9 x 1,5) m			2		2					
16	Quang gánh và rô sắt	Chiếc		42	10	32					
17	Quang gánh, quang sắt	Chiếc		14	10						
18	Sọt sắt	Chiếc		17	14	3					
19	Xe cải tiến	Chiếc		4	4	0				93	
20	Xe rửa	Chiếc		4	4	0					
21	Xà beng	Chiếc		64		63				843	
22	Búa tạ sắt	Chiếc		2		2				856	
23	Quần áo đi mưa	Bộ		68	68					1700	
24	Ô doa tôn	Chiếc		10		10					
25	Vô gõ	Chiếc		7	3	2					

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực						Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
				Thời điểm 01/01/ 2021	Chất lượng						
					1	2	3	4	5		
26	Máng tôn	Chiếc		1		1					
27	Dao tông	Chiếc		232		218			14	343	
28	Gỗ tấm 2m x 0,5m x 5cm	Tấm		2		2					
29	Máy cắt cỏ nhãn hiệu Honda, GX25	Chiếc		1		1					
30	Máy phát điện										
-	Máy phát điện Honda EN 4500DX, 3KVA	Chiếc		1				1			
-	Máy phát điện các loại	Chiếc	BCA	2	2					10	
31	Can nhựa 20 lít	Cái	Mua sắm	5		5					
32	Bạt rửa sọc	Chiếc	Mua sắm	2	2						
33	Loa các loại										
-	Loa cầm tay	Chiếc	Mua sắm	2		2				108	
-	Loa có còi hú	Chiếc		4			4			20	
34	Dao	Cái	MS	116		109			7		
35	Ủng	Đôi	MS	68		68				1550	
37	Cưa tay	Chiếc	BCA	21		21				2	
38	Máy khoan BT	Chiếc	QK9	2						2	
39	Túi CT	Chiếc	QK10	18		18					
40	Cáng CT	Chiếc	QK11	5		5					
41	Dây thùng các loại	Cuộn	CAT& MS	20		20				40	
43	Bạt rửa to	Bao		1	1						
44	Thiết bị lọc nước	Chiếc	QK3	1		1					
45	Máy thổi gió	Chiếc	QK3	1		1					
46	Máy đo điện trở	Chiếc	QK3	1		1					

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực					Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú	
				Thời điểm 01/01/ 2021	Chất lượng						
					1	2	3	4			5
47	Máy đẩy Yamaha 40CV	Chiếc	QK3	3		3					
48	Máy bơm Tohasu	Chiếc	QK3	3		3					
49	Máy đẩy VS150	Chiếc	QK3	1		1					
50	Thuốc khử trùng nước (viên)	Lọ	QK3	150		150					
51	Thuốc khử trùng nước (bột)	Kg	QK3	105		105					
52	Nước khử trùng diệt khuẩn	lít	QK3	15		15					
53	Bạt tắm	Chiếc	QK3	1					1		
54	Ắc quy 6v-40A	Chiếc	QK3	2					2		
55	Ắc quy12V-60A	Chiếc	QK3	2					2		
56	Ắc quy 12V-70A	Chiếc	QK3	2					2		
57	Neo xuống	Chiếc	QK3	1				1			
58	Đèn đỏ 360	Chiếc	QK3	1					1		
59	Đệm vai	Chiếc	QK3	10				5	5		
60	Đệm gối	Chiếc	QK3	17				9	8		
61	Võng đa năng	Chiếc	QK3	2				2			
62	Xe đạp thồ	Chiếc	QK3	4				3	1		
63	Can Nhôm	Chiếc	QK3	1				1			
64	Xạp thồ	Chiếc	QK3	3			1		2		
65	Xích thồ	Chiếc	QK3	4			2		2		
66	Giường sắt 2 tầng	Chiếc	QK3	3					3		
67	Máy đẩy SUYUKI 90ps	Chiếc	QK3	2	0	2					
68	Máy phát điện HONDA	Chiếc	QK3	1	0	1					
69	Máy hút bùn	Chiếc	QK3	1	0	1					
70	Quần áo chống bức xạ	Bộ	QK3	10	10						

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn lực	Thực lực						Đề xuất nhu cầu 2021-2025	Ghi chú
				Thời điểm 01/01/ 2021	Chất lượng						
					1	2	3	4	5		
71	Thuốc dự phòng bão lũ	Cơ sở	BCA	2	2						
72	Thiết bị chữa cháy đồng bộ	Bộ	DTQG	2	2					20	
-	Bình cứu hỏa	Bình								352	
73	Xuồng DT2 (ST660)	Chiếc	DTQG								
74	Thảm đá	Chiếc	MS	278	278						
75	Máy tính + máy in	Chiếc								2	
76	Quần áo chữa cháy	Bộ								20	
77	Mặt nạ phòng độc	Chiếc								20	
78	Đèn ắc quy chống nổ	Chiếc								10	
79	Bao nylon thu gom các vật liệu	Chiếc								80	
80	Bàn chải	Chiếc								40	
81	Chổi	Chiếc								20	
82	Vợt lưới	Chiếc								40	
83	Quần áo mặc 1 lần	Bộ								80	
84	Ô che mưa	Chiếc								50	
85	Mũ bảo hộ	Chiếc								1100	
86	Vồ	Cái								173	
87	Thiết bị y tế	Bộ								88	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH